

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

VŨ DUY CÔNG

**CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA TRONG
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM**

**CHUYÊN NGÀNH: LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ
MÃ SỐ: 62.38.40.01**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực. Luận án này chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

VŨ DUY CÔNG

MỤC LỤC

Phần 1: MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	3
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	3
4. Những điểm mới của luận án	4
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	5
Phần 2: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	6
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	6
1.1. Tình hình nghiên cứu nước ngoài về Cơ quan Cảnh sát điều tra.....	6
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước về Cơ quan Cảnh sát điều tra trong TTTHS Việt Nam	11
1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu về Cơ quan Cảnh sát điều tra và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.....	16
2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của đề tài.....	19
2.1. Cơ sở lý thuyết	19
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	21
3. Kết cấu của luận án	22
Phần 3: NỘI DUNG, KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	23
Chương 1: NHẬN THỨC CHUNG VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA	23
1.1. Khái niệm, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra	23
1.2. Nguyên tắc hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra	33
1.3. Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong tổ tụng hình sự	37
1.4. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Cơ quan Cảnh sát điều tra.....	53
Chương 2: PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA	61
2.1. Pháp luật tổ tụng hình sự về Cơ quan Cảnh sát điều tra	61
2.2. Thực trạng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.....	90
Chương 3: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA	100
3.1. Đánh giá thực trạng Cơ quan Cảnh sát điều tra	100
3.2. Giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra	116
KẾT LUẬN	140
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. An ninh nhân dân	: ANND
2. Bộ Công an	: BCA
3. Cảnh sát điều tra	: CSĐT
4. Cảnh sát nhân dân	: CSND
5. Công an nhân dân	: CAND
6. Cơ quan điều tra	: CQĐT
7. Công an	: CA
8. Điều tra viên	: ĐTV
9. Điều tra hình sự	: ĐTHS
10. Thành phố	: TP
11. Tổ tụng hình sự	: TTHS
12. Tòa án	: TA
13. Tòa án nhân dân	: TAND
14. Trật tự quản lý kinh tế và chức vụ	: TTQLKT & CV
15. Trật tự xã hội	: TTXH
16. Viện kiểm sát	: VKS
17. Viện kiểm sát nhân dân	: VKSND

Phần 1

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tố tụng hình sự là một hoạt động rất quan trọng vì nó liên quan, ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích cơ bản của công dân. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều văn bản, chủ trương về cải cách tư pháp như: văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X, XI, Nghị quyết số 08/2002/NQ/TW-BCT và Nghị quyết số 49/2005/NQ/TW-BCT của Bộ Chính trị nhằm từng bước hoàn thiện các cơ quan tư pháp.

Cơ quan CSĐT là một trong những cơ quan tiên hành tố tụng, có nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền. Trong những năm qua, đặc biệt từ khi Bộ luật TTHS và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 2004 có hiệu lực, Cơ quan CSĐT trên toàn quốc đã được bố trí sắp xếp lại và hoàn thiện không ngừng về tổ chức và hoạt động, mọi hoạt động cơ bản đã đi vào nề nếp. Kết quả công tác điều tra, xử lý tội phạm theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS được nâng lên rõ rệt và có nhiều tiến bộ. Theo tổng hợp các báo cáo tổng kết của Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an, tính từ năm 2005 đến hết năm 2013, Cơ quan CSĐT trên toàn quốc đã điều tra tổng số 741.316 vụ án, 1.161.085 bị can (chiếm 98% tổng số án thụ lý điều tra của CQĐT trong Công an nhân dân). Trong đó, khởi tố mới 695.428 vụ án (chiếm 93,81 %), 1.094.787 bị can (chiếm 94,29%). Trong tổng số 741.316 vụ án, 1.161.085 bị can thì Cơ quan CSĐT các cấp đã kết thúc điều tra được 526.508 vụ án, với 927.555 bị can. Trong đó, kết luận điều tra đề nghị truy tố 512.896 vụ (đạt 97,41%), 897.292 bị can (đạt 96,73%) [phụ lục, bảng 2]. Mặt khác, do công tác chuẩn bị tốt ngay từ đầu nên Cơ quan CSĐT cấp huyện được tăng thẩm quyền đã hoàn thành nhiệm vụ được giao; chất lượng điều tra, khám phá các vụ án hình sự được đảm bảo và nâng cao hơn trước, số vụ oan sai giảm đáng kể; các

trường hợp VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung không đáng kể so với tổng số các vụ án thuộc thẩm quyền mới đã giải quyết. Bên cạnh đó, việc phối hợp giữa Cơ quan CSĐT Công an các cấp với các cơ quan tư pháp cùng cấp trong bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử... đã có hiệu quả hơn. Điều đó, chứng tỏ hoạt động của Cơ quan CSĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS đã có nhiều ưu điểm và phát huy tác dụng, góp phần hiện thực hóa quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp.

Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và đặc biệt sau 10 năm thực hiện mô hình Cơ quan CSĐT mới theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS và chủ trương tăng thẩm quyền cho Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện thì hoạt động của Cơ quan CSĐT cũng đã bộc lộ những hạn chế, vướng mắc như: việc phân định thẩm quyền điều tra giữa các lực lượng điều tra trong Cơ quan CSĐT chưa rõ ràng, hợp lý; việc thực hiện quyền năng chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động điều tra của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT hiện nay còn chồng chéo, bất cập giữa chức năng về quản lý nhà nước trong lĩnh vực được phân công với quyền năng về tố tụng; quy định và thực tiễn công tác bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV còn nảy sinh một số bất cập và hạn chế; lực lượng làm công tác điều tra còn thiếu so với yêu cầu của tình hình; kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho công tác điều tra còn thiếu và lạc hậu... Những hạn chế, vướng mắc trên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác điều tra tội phạm nói riêng và công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung.

Từ những phân tích trên đây cho thấy, việc nghiên cứu một cách đầy đủ các quy định của pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT là một yêu cầu cần thiết.

Trên cơ sở chỉ ra những bất cập, hạn chế trong quy định và thực tiễn hoạt động của Cơ quan CSĐT; nghiên cứu đề xuất những giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện Cơ quan CSĐT là một công việc có ý nghĩa cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Chính vì lẽ đó, nghiên cứu sinh chọn nghiên cứu đề tài “*Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tổ tụng hình sự Việt Nam*”

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu luận án nhằm chỉ ra những bất cập của pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT, những hạn chế trong hoạt động của Cơ quan CSĐT trên toàn quốc và những nguyên nhân của những bất cập, hạn chế đó để làm cơ sở đề xuất hệ thống các giải pháp, kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện pháp luật TTHS và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án có nhiệm vụ giải quyết các vấn đề sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung, các quy định của pháp luật TTHS về hoạt động của Cơ quan CSĐT. Từ đó, chỉ ra những điểm bất hợp lý trong quy định của pháp luật TTHS hiện hành về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Khảo sát thực trạng hoạt động của Cơ quan CSĐT; làm rõ những hạn chế trong hoạt động của Cơ quan CSĐT và những nguyên nhân của những hạn chế đó.

- Đưa ra hệ thống giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan này.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật TTHS và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật TTHS về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: luận án nghiên cứu về Cơ quan CSĐT trên các mặt: mô hình tổ chức Cơ quan CSĐT; thẩm quyền điều tra; người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV); chế độ đảm bảo cho hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT Bộ Công an, Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh, Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện.

- Phạm vi về địa bàn: Để thực hiện luận án này, nghiên cứu sinh tiến hành nghiên cứu về hoạt động của Cơ quan CSĐT các cấp trên địa bàn cả nước.

- Phạm vi về thời gian: Luận án tiến hành nghiên cứu, khảo sát về tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT trong thời gian từ năm 2005 đến 2013.

4. Những điểm mới của luận án

Một là, luận án đã trình bày, phân tích khá tổng quát những vấn đề chung nhất về Cơ quan CSĐT như: vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ, lịch sử hình thành và phát triển... Qua đó, nội dung luận án đã xây dựng lên một bức tranh tương đối tổng thể về Cơ quan CSĐT. Trong thực tế, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu cơ sở lý luận về Cơ quan CSĐT như: sách tổng kết lịch sử, sách chuyên khảo, luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, bài báo... Tuy nhiên, qua nghiên cứu các công trình này cho thấy, các tác giả chỉ tập trung làm rõ một hoặc một số vấn đề có liên quan đến Cơ quan CSĐT mà chưa có công trình nào nghiên cứu, làm rõ một cách tổng thể về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Hai là, chương 2 luận án đã nghiên cứu, phân tích các quy định của pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT trên các mặt: mô hình, tổ chức bộ máy; thẩm quyền điều tra; người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT. Đồng thời, phân tích, chỉ ra những điểm bất cập trong hệ thống pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT nhằm đề xuất những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện.

Các quy định của pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT gồm rất nhiều các văn bản có giá trị pháp lý khác nhau như: Bộ luật TTHS, Pháp lệnh tổ chức

điều tra hình sự, Quyết định, Chỉ thị, Thông tư... Do đó, việc nghiên cứu, hệ thống hóa và phân tích các văn bản có liên quan là một công việc cần thiết khi nghiên cứu về chủ thể này. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy chưa có một tài liệu nào nghiên cứu, hệ thống hóa các văn bản pháp luật tổ tụng về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ba là, luận án đã khảo sát toàn diện và sử dụng hầu hết các số liệu thống kê về Cơ quan CSĐT trên toàn quốc từ năm 2005 đến 2013. Kết quả khảo sát này không chỉ phục vụ cho việc nghiên cứu luận án mà còn có thể sử dụng cho các công trình khoa học khác sau này.

Bốn là, luận án đã đưa ra hệ thống các giải pháp, kiến nghị một cách đồng bộ, những giải pháp, kiến nghị này không những có giá trị về mặt lập pháp mà còn có giá trị trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT. Do đó, có thể nói đây là một đóng góp mới của luận án khi hướng vào những giải pháp thiết thực.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận án *“Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tổ tụng hình sự Việt Nam”* là công trình khoa học nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về Cơ quan CSĐT với vị trí là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng và các giải pháp nhằm hoàn thiện các mặt hoạt động của cơ quan này.

Luận án với những trình bày, phân tích sâu sắc về nhận thức chung, pháp luật TTHS thực định và những định hướng hoàn thiện về Cơ quan CSĐT sẽ đóng góp không nhỏ cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến Cơ quan CSĐT, trước hết là pháp luật TTHS và dự thảo luật tổ chức điều tra hình sự. Những định hướng hoàn thiện Bộ luật TTHS và một số đề xuất trong dự thảo Luật tổ chức điều tra hình sự sẽ là những gợi ý có giá trị mà các nhà lập pháp có thể nghiên cứu, xem xét để xây dựng và hoàn thiện các đạo luật có liên quan, bao gồm cả những văn bản dưới luật về TTHS ban hành sau này.

Luận án cũng sẽ là tài liệu nghiên cứu, tham khảo hữu ích cho các nhà khoa học, các giảng viên và các nhà lập pháp, đặc biệt trong lĩnh vực hình sự.

Phần 2

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Tình hình nghiên cứu nước ngoài liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra

Đối tượng nghiên cứu của luận án là Cơ quan CSĐT trong TTHS Việt Nam, do đó đây là một vấn đề nghiên cứu khá cụ thể về một cơ quan tiến hành tố tụng nên thực tế chưa có nhiều các công trình nghiên cứu của nước ngoài về vấn đề này. Tuy nhiên, để tham khảo các mô hình và hoạt động của CQĐT ở một số nước trên thế giới thì cũng cần có sự nghiên cứu một số công trình khoa học và quy định của pháp luật TTHS ở một số nước về vấn đề này.

- Công trình nghiên cứu *The characteristics on the Korean Prosecution system and the Prosecutor's direct Investigation* (tạm dịch *Những đặc điểm của hệ thống công tố ở Hàn Quốc và công tác điều tra trực tiếp của Công tố viên*) của tác giả Lee Jung-Soo - Phó Trưởng phòng công tố Suwon, Hàn Quốc (nguồn: www.unafei.or.jp). Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung đề cập đến hệ thống cơ quan công tố của Hàn Quốc, đặc biệt là vai trò của công tố viên của cảnh sát trong điều tra vụ án hình sự, bao gồm việc quyết định có truy tố một con người cụ thể hay không, cách tiến hành điều tra và vấn đề nhân quyền trong TTHS. Đồng thời, những hoạt động điều tra trực tiếp và quyền hạn của công tố viên cũng được đánh giá một cách chi tiết. Khác Việt Nam và các nước khác, cơ quan công tố Hàn Quốc giữ vai trò hàng đầu trong điều tra vụ án hình sự, đồng thời hướng dẫn Cảnh sát trong điều tra các vụ án. Tác giả đã phân tích làm rõ vai trò của cơ quan công tố trong hệ thống tư pháp Hàn Quốc, thực sự cơ quan này có quyền lực rất lớn, quyết định hầu hết những vấn đề quan trọng của hoạt động điều tra tố tụng. Tuy nhiên, việc có quá nhiều quyền lực cũng gây ra không ít vấn đề mà đặc biệt là tham nhũng.

Nghiên cứu cũng đã đưa ra và phân tích những vụ án điển hình liên quan đến hoạt động điều tra tố tụng ở Hàn Quốc để chỉ ra những hạn chế, thiếu sót qua đó đề xuất giải pháp khắc phục.

- Tài liệu tham khảo *Police organisation in India* (Tổ chức cảnh sát ở Ấn độ) của tác giả Chenthilkumar Paramasivam do tổ chức Commonwealth human rights initiative - Ấn Độ ấn hành, nguồn: www.humanrightsinitiative.org.

Nghiên cứu đề cập đến hệ thống tư pháp hình sự của Ấn Độ nói chung và lực lượng Cảnh sát nói riêng. Lực lượng Cảnh sát Ấn Độ hoạt động dưới sự điều hành trực tiếp của Chính phủ liên bang, mặt dù có những nguyên tắc hoạt động và tổ chức lực lượng Cảnh sát khác nhau giữa các bang, nhưng về cơ bản có rất nhiều điểm tương đồng, đặc biệt trong vai trò tố tụng. Tác giả đã giới thiệu khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Cảnh sát Ấn Độ, sự thay đổi cấu trúc và cơ cấu tổ chức theo thời gian, sự khác biệt nhất định trong tổ chức hoạt động điều tra tội phạm giữa cảnh sát các bang với nhau. Nội dung trọng tâm của tài liệu là vai trò của Cảnh sát trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và đảm bảo trật tự xã hội, tác giả đã đi sâu phân tích trách nhiệm, vị trí của từng cơ quan cảnh sát cả ở cấp độ liên bang và các tiểu bang, từ đó chỉ ra những hạn chế thiếu sót cần khắc phục. Trong phần cuối, tác giả khuyến nghị một số vấn đề liên quan đến hiện đại hóa lực lượng cảnh sát Ấn Độ và đánh giá một số dự án liên quan đến phát triển lực lượng cảnh sát.

- Báo cáo nghiên cứu *The new Structure of policing – Description, Conceptualization, and Research Agenda* (Cấu trúc mới cho cảnh sát – miêu tả, ý tưởng và chương trình nghiên cứu) của tác giả David H. Bayley và Clifford D. Shearing thuộc Cơ quan tư pháp quốc gia Hoa Kỳ (nguồn: <https://www.ncjrs.gov>)

Tổ chức cảnh sát và các hoạt động nhân viên cảnh sát trong phòng chống

tội phạm luôn có sự thay đổi qua thời gian để thích ứng với sự phát triển xã hội, từ thực tế đó hai nhà nghiên cứu David H. Bayley và Clifford D. Shearing của cơ quan tư pháp Hoa Kỳ đã tiến hành đánh giá sự thay đổi cấu trúc của lực lượng cảnh sát qua từng giai đoạn. Nghiên cứu còn tập trung vào một số vấn đề liên quan như: sự thay đổi trong quyền hạn và vai trò của Cảnh sát, sự ra đời và phát triển của lực lượng an ninh tư nhân, những lý do cho sự cải cách Cơ quan Cảnh sát và định hướng mới cho cơ quan này trong tương lai... Có thể nói, đây là một báo cáo nghiên cứu công phu về sự thay đổi trong cấu trúc lực lượng Cảnh sát Hoa Kỳ, sự thay đổi luôn gắn với các yếu tố kinh tế - xã hội Hoa Kỳ qua thời gian, nghiên cứu đã thực sự nêu bật lên được những xu hướng, những vấn đề trong bộ máy Cơ quan Cảnh sát khi đấu tranh phòng, chống tội phạm tại Hoa Kỳ và mối quan hệ của nó với các cơ quan khác trong hệ thống tư pháp.

- Báo cáo nghiên cứu *Police reform in Latin America* (tạm dịch: *Cải cách công tác Cảnh sát ở Châu Mỹ La Tinh*) của đồng tác giả Stephen Johnson và Lohanna Mendelson ở Trung tâm nghiên cứu những vấn đề chiến lược và mang tính quốc tế (CSIS), nguồn <http://www.csis.org/>

Trong công trình này hai tác giả Stephen Johnson và Lohanna Mendelson đã nghiên cứu vấn đề xuất phát từ nhu cầu thay đổi cấu trúc và hoạt động của lực lượng Cảnh sát ở Châu Mỹ La Tinh. Đầu tiên, nghiên cứu tập trung đánh giá những xu hướng và sự thay đổi trong định hướng phát triển của Cơ quan Cảnh sát các nước Châu Mỹ la tinh, chủ yếu sự thay đổi diễn ra trong tổ chức hoạt động điều tra và xử lý tội phạm ở các quốc gia này. Trong phần tiếp theo, những lĩnh vực, cơ cấu tổ chức của Cảnh sát cần thu hẹp hay cần mở rộng khi tổ chức hoạt động điều tra cũng như những thách thức có thể trong tương lai cũng được tác giả đề cập và đánh giá. Điểm nổi bật trong nghiên cứu này là những khuyến nghị liên quan đến cải cách lực lượng Cảnh sát cả về tổ chức và hoạt động để nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều tra và

chống tội phạm. Ngoài ra, các tác giả cũng đưa ra những đề nghị với các cơ quan tổ chức liên quan đến hoạt động của Cảnh sát trong đấu tranh chống tội phạm, từ đó góp phần thay đổi cấu trúc và cơ chế làm việc của lực lượng Cảnh sát nói chung.

- Bài nghiên cứu *Structural police Reform* (Cải cách cấu trúc Cảnh sát) của tác giả Stephen Rushin – Phó giáo sư Đại học luật Ollinois (nguồn: www.law.indiana.edu/faculty)

Trong công trình nghiên cứu, Stephen Rushin đề cập chủ yếu sự phát triển của cấu trúc lực lượng Cảnh sát Hoa Kỳ, những lý do cho nhu cầu cải cách bao gồm sự xuống cấp về đạo đức của nhân viên Cảnh sát trong điều tra, xử lý tội phạm, và những bất cập trong hệ thống tổ chức Cảnh sát, cũng được tác giả phân tích và đánh giá. Phần tiếp theo ông tập trung vào quy trình cải cách tổ chức lực lượng Cảnh sát trong các hoạt động như: điều tra, thẩm vấn, việc sử dụng vũ lực và các biện pháp can thiệp khác trong điều tra tội phạm. Ngoài ra, tác giả cũng phân tích những tác động của việc cải cách hệ thống cơ quan Cảnh sát trong điều tra tội phạm và những ảnh hưởng của nó đến hoạt động tố tụng. Phần cuối, nhà nghiên cứu đã đưa những khuyến nghị nhằm cải cách hoạt động điều tra của lực lượng Cảnh sát, trong đó sự minh bạch thông tin và nhu cầu cải cách, đổi mới liên tục lực lượng cảnh sát được tác giả đề cập sâu. Nhìn chung, tuy bài nghiên cứu chưa đi sâu phân tích những yếu tố cải cách cần làm đối với lực lượng Cảnh sát, nhưng những phân tích đánh giá về cấu trúc lực lượng Cảnh sát Hoa Kỳ, và những khuyến nghị về cải cách các cơ quan này, cũng thực sự cần thiết cho Chính phủ trong chiến lược phát triển lực lượng Cảnh sát.

- Sách chuyên khảo *Identifying Challenges to Improve Investigation and Prosecution of State and Local Human Trafficking Cases* (tạm dịch là *Xác định những thử thách để cải thiện hiệu quả hoạt động điều tra và khởi tố trong các vụ án buôn bán người*) của hai tác giả chính Amy Farrell, Ph.D và

Jack McDevitt, Ph.D ở Viện tư pháp quốc gia Hoa Kỳ. (nguồn: <http://www.urban.org/>)

Công trình này là một nghiên cứu rất chi tiết về quy trình hoạt động điều tra và khởi tố các vụ án buôn người diễn ra ở cấp độ địa phương và liên bang. Trong nghiên cứu các tác giả tập trung phân tích hoạt động điều tra tội phạm buôn người của các cơ quan hành pháp Hoa Kỳ, chủ yếu là lực lượng Cảnh sát địa phương và Cảnh sát liên bang. Cơ cấu tổ chức, vai trò và của Cảnh sát trong điều tra tội phạm buôn người cũng đặc biệt được chú ý. Những hạn chế, khó khăn xuất phát từ bộ máy tổ chức và hoạt động của Cảnh sát khi điều tra tội phạm này cũng được nghiên cứu đề cập, qua đó làm cơ sở để các tác giả đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác điều tra, khởi tố tội phạm buôn người. Mặt dù, các tác giả chỉ đề cập đến công tác điều tra tội phạm buôn người của lực lượng Cảnh sát. Tuy nhiên, từ nghiên cứu này, chúng ta có thể áp dụng có chọn lọc vào việc điều tra những loại tội phạm khác có yếu tố xuyên quốc gia và liên bang.

- Nghiên cứu so sánh *Police and crime prevention in Africa: A brief appraisal of structures, policies and practices* (tạm dịch *Cảnh sát và công tác phòng ngừa tội phạm ở Châu Phi – một đánh giá về cấu trúc, chính sách và thực tiễn*) của Elrena van der Spuy & Ricky Röntsch thuộc Trung tâm tội phạm học, Đại học Cape Town, Nam Phi (nguồn: www.crime-prevention-intl.org).

Nghiên cứu đề cập đến thực tế hoạt động của Cơ quan Cảnh sát các nước Châu Phi điển hình bao gồm: Kenya, Nigeria, Nam Phi, Tanzania và Uganda, không những đánh giá về cấu trúc tổ chức của lực lượng cảnh sát trong phòng chống tội phạm của cảnh sát các nước trên, một cách tiếp cận phổ biến ở các nước phương tây – công tác cảnh sát dựa vào cộng đồng - cũng được các tác giả đề cập trong nghiên cứu này. Ngoài ra, công trình nghiên cứu cũng tiến hành phân loại các chương trình và chương trình cải cách hiện tại trong phòng

chống tội phạm của các nước này. Đặc biệt, những thách thức trong tổ chức hoạt động của lực lượng Cảnh sát cũng đã được tác giả phân tích công phu. Điểm đáng chú ý nhất của công trình nghiên cứu này là sự so sánh cấu trúc và tổ chức hoạt động điều tra, xử lý tội phạm giữa các nước với nhau, từ đó làm cơ sở để các tác giả đưa ra những khuyến nghị để cải cách hoạt động của lực lượng Cảnh sát các nước Châu Phi để phòng chống tội phạm hiệu quả hơn.

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra trong TTTHS Việt Nam

Cơ quan CSĐT là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng có vai trò rất quan trọng trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm. Do đó, trong thực tế đã có nhiều các công trình nghiên cứu, đề cập đến những khía cạnh khác nhau về chủ thể này, cụ thể như sau:

- Sách chuyên khảo “Cơ quan điều tra, Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Công an nhân dân” của PGS.TS Đỗ Ngọc Quang (Nxb CAND năm 2000).

Trong cuốn sách này, tác giả đã nghiên cứu khá toàn diện về ba chủ thể: CQĐT trong CAND, Thủ trưởng CQĐT trong CAND và ĐTV trong CAND. Ở mỗi chủ thể, tác giả đã đưa ra nhận thức chung về các chủ thể, phân tích những quy định của pháp luật về những chủ thể này, đồng thời đưa ra những điểm còn bất cập, hạn chế về mỗi chủ thể để kiến nghị những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về CQĐT, Thủ trưởng CQĐT và ĐTV trong Công an nhân dân.

Có thể nói, đây là cuốn sách chuyên khảo có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, đặc biệt đối với những nhà khoa học trong lực lượng CAND. Tuy nhiên, do đã nghiên cứu từ khá lâu (trước năm 2000) nên hiện nay những quy định của pháp luật về các chủ thể này đã thay đổi căn bản theo Bộ luật TTTHS năm 2003 và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 2004. Mặt khác, công trình nghiên cứu này nghiên cứu về chung về CQĐT, Thủ trưởng CQĐT và ĐTV trong CA

nhân dân chứ không nghiên cứu về Cơ quan CSĐT và những người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT. Mặc dù vậy, phải khẳng định rằng công trình khoa học này cũng rất có giá trị tham khảo cho việc thực hiện luận án.

- Luận án tiến sĩ luật học “*mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong điều tra vụ án hình sự*” chuyên ngành tội phạm học và điều tra tội phạm của tác giả Đào Hữu Dân, bảo vệ năm 2006.

Trong luận án, tác giả đã nghiên cứu, làm rõ quy định của pháp luật TTHS về mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS, thực trạng thực hiện quy định của pháp luật về mối quan hệ giữa hai chủ thể tố tụng này. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp khắc phục, hoàn thiện những hạn chế, bất cập nhằm góp phần nâng cao hiệu quả mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong điều tra vụ án hình sự.

Mặc dù, một trong những chủ thể trong luận án là Cơ quan Cảnh sát điều tra. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu về Cơ quan CSĐT là rất hẹp, chủ yếu đi sâu vào nghiên cứu về quy định và thực trạng thực hiện quy định về mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong điều tra vụ án hình sự. Do đó, những nội dung của luận án chưa nghiên cứu, hoàn thiện một cách toàn diện về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Luận văn thạc sĩ luật học “*Tăng thẩm quyền điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” chuyên ngành tội phạm học và điều tra tội phạm, của tác giả Phạm Quang Thắng, bảo vệ năm 2007.

Trong đề tài luận văn này tác giả đã nghiên cứu chủ trương, quy định tăng thẩm quyền điều tra cho Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện. Đồng thời khảo sát, đánh giá tình hình về con người và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện. Trên cơ sở làm rõ quy định và thực trạng của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện, tác giả đã đưa ra các giải pháp, kiến nghị như: hoàn thiện pháp luật, tăng cường cơ sở vật chất,

trang thiết bị cho Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện, tăng cường biên chế và đào tạo lực lượng điều tra cấp huyện để đáp ứng nhiệm vụ khi được tăng thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện...

Tuy nhiên, phạm vi đối tượng nghiên cứu của luận văn chỉ gói gọn về thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện mà chưa có sự nghiên cứu sâu sắc và toàn diện về tổ chức, thẩm quyền và những nội dung khác liên quan đến Cơ quan CSĐT nói chung trên toàn quốc. Do đó, những kiến nghị, đề xuất chưa mang tính tổng thể để có thể sửa đổi hệ thống pháp luật TTHS một cách toàn diện.

- Bài viết *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn mô hình tổ chức và thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện”* của TS Triệu Văn Đạt đăng trên tạp chí CSND số 6/2012.

Trong bài viết này, tác giả đã đánh giá khái quát những ưu điểm, hạn chế, bất cập trong công tác ĐTHS qua 7 năm thực hiện theo mô hình điều tra của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS. Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT như: Cần tiếp tục phát huy những hạt nhân hợp lý của mô hình Cơ quan CSĐT hiện hành; đẩy mạnh việc nghiên cứu xây dựng Luật tổ chức ĐTHS; xem xét lại cơ sở pháp lý của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; đổi mới về tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và Điều tra viên...

Có thể nói, bài báo đã nói lên được một số hạn chế của Cơ quan CSĐT từ cách nhìn của một chuyên gia làm công tác thực tiễn và rất có giá trị tham khảo. Tuy nhiên, trong phạm vi của một bài báo trên tạp chí chuyên ngành nên những khảo sát, đánh giá của bài báo còn rất sơ lược, chưa có sự lý giải sâu sắc để tạo ra một cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc cho những đề xuất, kiến nghị hoàn thiện.

- Bài viết “*Một số ý kiến về giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện*” của tác giả Đào Anh Tới – Cán bộ BCA trên tạp chí CAND kỳ 2 tháng 12/2012. Trong bài viết này tác giả đã đánh giá sơ bộ về kết quả hoạt động của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện, những bất cập phát sinh từ thực tiễn thực hiện Pháp lệnh tổ chức ĐTHS như: sự quá tải của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện từ khi được tăng thẩm quyền; cơ cấu tổ chức của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện đã bộc lộ một số bất cập làm hạn chế hiệu quả hoạt động của cơ quan này... Trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện như: sửa đổi một số nội dung trong thông tư số 12/2004/TT-BCA(V19) ngày 23/9/2004 của Bộ trưởng BCA theo hướng điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Đội thuộc Cơ quan CSĐT CA cấp huyện; tăng cường bố trí cán bộ điều tra và sắp xếp, phân bổ một cách hợp lý lực lượng điều tra trong các Đội trực thuộc Cơ quan CSĐT CA cấp huyện...

- Bài viết “*Giải pháp tăng cường toàn diện Công an cấp huyện trong tình hình hiện nay*” của tác giả Nguyễn Xuân Ngu – Phó Chánh văn phòng BCA trên tạp chí CAND kỳ 1 tháng 06/2012). Trong bài viết này tác giả đã nghiên cứu đánh giá tổng quát về tình hình hoạt động trên mọi mặt của CA cấp huyện, một số vấn đề nảy sinh trong thực tiễn và kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của CA cấp huyện. Theo đó bên cạnh sự nghiên cứu chung về CA cấp huyện, tác giả cũng có đánh giá một số tình hình hoạt động của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện và đưa ra kiến nghị để hoàn thiện hoạt động của cơ quan này. Tuy nhiên, đó chỉ là những đánh giá, kiến nghị hết sức khái lược nên chưa thể làm rõ được thực trạng và hướng hoàn thiện Cơ quan CSĐT CA cấp huyện nói riêng và Cơ quan CSĐT trong CAND nói chung.

- Bài viết “*Một số ý kiến về điều chỉnh mô hình Cảnh sát điều tra trong tình hình hiện nay*” của TS Trần Trọng Lượng – Phó Tổng cục trưởng Tổng

cục Cảnh sát phòng chống tội phạm, trên tạp chí CAND kỳ 01 tháng 10/2012. Trong bài viết này tác giả đã nghiên cứu sơ lược về lịch sử CQĐT, những bất cập về mô hình CQĐT trong đó tác giả chủ yếu phân tích những bất cập về mô hình tổ chức, về thẩm quyền điều tra... của Cơ quan CSĐT. Trên cơ sở phân tích những bất cập nảy sinh từ quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động tác giả Trần Trọng Lượng đã đưa ra một số nguyên tắc cần quán triệt khi đổi mới, kiện toàn CQĐT và đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Bài viết *“Bàn về sửa đổi một số điều trong Pháp lệnh tổ chức Điều tra hình sự”* của TS Nguyễn Văn Lan, đăng trên tạp chí CAND số 09/2007. Trong bài viết này tác giả đã đề cập đến một số bất cập trong quy định của pháp luật TTHS về mô hình Cơ quan CSĐT, về tiêu chuẩn ĐTV, về Hội đồng tuyển chọn ĐTV, về cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Qua đó tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những bất cập nêu trên như sửa lại một số quy định trong Pháp lệnh tổ chức ĐTHS về mô hình Cơ quan CSĐT các cấp; xem xét lại tiêu chuẩn bổ nhiệm ĐTV theo hướng cân nhắc lại một số tiêu chuẩn chưa phù hợp với thực tiễn, hoàn thiện quy định về Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên...

- Bài viết *“Hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS về cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng”* của tác giả Lại Văn Trình (Cán bộ TAND Quận 10 – Tp.Hồ Chí Minh), đăng trên tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 2/2012.

Bài viết đã nghiên cứu và chỉ ra những bất cập của pháp luật TTHS hiện hành về người tiến hành tố tụng và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS về nhóm chủ thể này. Tuy nhiên, tác giả lại nghiên cứu dàn trải về tất cả các những người tiến hành tố tụng như: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS, Chánh án, Phó Chánh án

Tòa án (TA)...mà không tập trung nghiên cứu có hệ thống, chuyên sâu về người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT trong Công an nhân dân.

1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu về Cơ quan Cảnh sát điều tra và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.3.1. Những vấn đề liên quan đến đề tài đã được giải quyết

1.3.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài có liên quan đến luận án.

Qua nghiên cứu một số công trình và quy định về Cơ quan CSĐT trong pháp luật TTHS một số nước cho thấy các công trình đó đã nghiên cứu về mô hình TTHS nói chung và Cơ quan Cảnh sát hoặc CSĐT nói riêng. Tuy nhiên, trong các công trình đó hoặc chỉ nghiên cứu về một nội dung cụ thể hoặc nghiên cứu một số nội dung nhưng chưa đi sâu phân tích, đánh giá những ưu, nhược điểm của các mô hình tố tụng, các quy định về người tiến hành tố tụng.... Riêng đối với các Luật TTHS của một số nước thì việc nghiên cứu cũng chỉ có tính chất tham khảo, so sánh chứ không thấy được sự phân tích, đánh giá, bình luận...

Bên cạnh đó, nghiên cứu tổng quan cho thấy, các công trình ít đưa ra hệ thống những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

2.3.1.2. Những nghiên cứu trong nước về Cơ quan Cảnh sát điều tra trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam

Qua đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu về Cơ quan CSĐT trong pháp luật TTHS Việt Nam cho thấy các công trình đã nghiên cứu đề cập đến các vấn đề sau:

Một số công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và các cơ quan khác trong quá trình tố tụng như VKS, TA và đề xuất phương hướng hoàn thiện các mối quan hệ này, điển hình như luận án tiến sĩ luật học “*Mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự*” của NCS Đào Hữu Dân, bảo vệ năm 2006).

Ngoài ra, có một số công trình, bài báo khoa học nghiên cứu trực tiếp

về thẩm quyền Cơ quan CSĐT, ĐTV. Tuy nhiên, những bài báo này hoặc chỉ nghiên cứu chung, hoặc đề cập một khía cạnh của vấn đề hoặc chỉ nghiên cứu một cấp Cơ quan CSĐT như Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện... Chính vì vậy, những công trình này chưa thể hiện sự nghiên cứu tổng thể về Cơ quan CSĐT trong lực lượng CAND, điển hình như sách chuyên khảo “*Cơ quan điều tra, Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Công an nhân dân*” của PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang, bài viết “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn mô hình tổ chức và thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện*” của TS Triệu Văn Đạt, luận văn thạc sĩ luật học “*Tăng thẩm quyền điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của tác giả Phạm Quang Thắng... Nói tóm lại, các công trình khoa học nghiên cứu liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến Cơ quan CSĐT đã tạo ra sự đa dạng về quan điểm trong nhận thức về cơ quan này. Chính vì vậy, thông tin, quan điểm trong các công trình trên rất có ý nghĩa cho nghiên cứu sinh tham khảo trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ của đề tài luận án.

Tuy nhiên, các công trình khoa học trên hoặc chỉ đề cập một cách rất cơ bản về Cơ quan CSĐT, chưa có sự nghiên cứu, phân tích cụ thể các mặt có liên quan hoặc chỉ đi sâu vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể như tổ chức, thẩm quyền hay mối quan hệ... mà chưa có sự đầu tư nghiên cứu một cách tổng thể về Cơ quan CSĐT. Chính vì vậy, các công trình khoa học đó chưa thể đưa ra được một hệ thống các giải pháp, kiến nghị đồng bộ nhằm hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

1.3.2. Những vấn đề luận án tiếp tục cần nghiên cứu và tập trung giải quyết

Để tiếp tục nghiên cứu những vấn đề mà các công trình nghiên cứu chưa giải quyết được hoặc đã giải quyết nhưng chưa giải quyết một cách thấu đáo thì luận án phải đi sâu vào nghiên cứu và tiếp tục giải quyết các vấn đề sau:

Một là, tiếp cận dưới góc độ mô hình tổ tụng, chúng tôi cho rằng việc

hoàn thiện mô hình TTHS Việt Nam phải dựa trên cơ sở mô hình tổ tụng đang tồn tại, tức là mô hình tổ tụng thẩm vấn có tăng cường yếu tố tranh tụng theo tinh thần cải cách tư pháp và trên cơ sở của Hiến pháp năm 2013 mà không làm thay đổi yếu tố cơ bản của mô hình tổ tụng thẩm vấn, vì mô hình này đã được áp dụng ở nước ta và nhiều nước trên thế giới đang chứng tỏ tính hiệu quả của nó. Với điều kiện đặc thù của Việt Nam thì chức năng, nhiệm vụ, vị trí, vai trò của cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng không cần thiết phải có những thay đổi lớn mà chỉ cần điều chỉnh một cách phù hợp bảo đảm cân bằng giữa các yếu tố thẩm vấn và tranh tụng [42]. Do vậy, luận án tiếp tục nghiên cứu trên cơ sở cụ thể hóa quan điểm, phát huy những ưu điểm của mô hình tổ tụng thẩm vấn đã được thể hiện trong Bộ luật TTHS năm 2003, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các yếu tố hợp lý của mô hình tổ tụng tranh tụng để sửa đổi, bổ sung những quy định liên quan đến Cơ quan CSĐT trong tổ tụng hình sự.

Hai là, hiện nay còn một số vấn đề có ý kiến khác nhau cần tiếp tục nghiên cứu như: tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT; nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Cơ quan CSĐT và những người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT... Trong khi đó, các công trình đã được công bố mới chỉ dừng lại ở việc đề xuất định hướng mà chưa có những đề xuất cụ thể. Do đó, luận án của nghiên cứu sinh tiếp tục nghiên cứu để đưa ra những kiến nghị cụ thể.

Ba là, về thẩm quyền điều tra và người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT: Hiện nay còn nhiều ý kiến khác nhau về sự phân định thẩm quyền điều tra trong Cơ quan CSĐT theo sự việc tức là phân công và phân cấp điều tra. Cần phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và thẩm quyền tố tụng của ĐTV trong Cơ quan CSĐT. Đây là những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau cần được tiếp tục nghiên cứu để đưa ra giải pháp cụ thể với những luận giải khoa học [37].

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu của đề tài

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để giải quyết được các nhiệm vụ của luận án, trong quá trình nghiên cứu cần trả lời các câu hỏi sau đây:

- Cơ quan CSĐT có vị trí, chức năng, nhiệm vụ gì? lịch sử hình thành và phát triển như thế nào?

- Hoạt động của Cơ quan CSĐT tuân theo những nguyên tắc gì? Cơ quan CSĐT có mối quan hệ như thế nào đối với các cơ quan tiến hành tố tụng khác và với những cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra?

- Pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT hiện nay được quy định như thế nào? có những ưu điểm, bất cập gì? nguyên nhân của những bất cập đó?

- Thực tế hoạt động của Cơ quan CSĐT trong CAND có những ưu, nhược điểm gì? nguyên nhân của những nhược điểm đó?

- Để hoàn thiện pháp luật TTHS và hoạt động của Cơ quan CSĐT thì cần có những giải pháp, kiến nghị gì?

2.1.2. Lý thuyết nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu dựa trên hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về cải cách tư pháp.

Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng cũng là những cơ sở quan trọng để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu.

2.1.3. Giả thuyết nghiên cứu

Với đề tài trên, nghiên cứu sinh đưa ra các giả thuyết nghiên cứu sau:

- Cơ quan CSĐT có vị trí, vai trò quan trọng trong hệ thống các cơ quan tư pháp; là cơ quan chủ công, nòng cốt trong công tác đấu tranh phòng

chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

- Để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động thì Cơ quan CSĐT phải tuân theo những nguyên tắc nhất định. Đồng thời, là một trong những Cơ quan tiến hành tố tụng nên Cơ quan CSĐT có mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng khác như TA, Viện kiểm sát.

- Hệ thống pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT về cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, do tình hình thực tiễn luôn biến đổi, bên cạnh những điểm phù hợp, phát huy hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT thì cũng đã bộc lộ những điểm hạn chế, bất cập cần khắc phục, hoàn thiện, nhất là đối với các văn bản dưới luật.

- Để hoàn thiện những bất cập trong hệ thống pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT thì cần thiết phải có sự nghiên cứu cả ở góc độ quy định pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật của cơ quan này để từ đó có những giải pháp, kiến nghị phù hợp.

2.1.4. Dự kiến kết quả nghiên cứu

- Kết quả nghiên cứu của luận án bổ sung lý luận về hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Luận án đã làm rõ các quy định của pháp luật TTHS và chỉ ra những bất cập, hạn chế cần hoàn thiện về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Kết quả nghiên cứu của luận án, đặc biệt là các giải pháp, kiến nghị có giá trị giúp cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét để từng bước hoàn thiện pháp luật TTHS và sẽ là những gợi ý để các cơ quan có liên quan từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các mặt hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Những số liệu, luận cứ trong luận án còn được sử dụng làm tài liệu tham khảo hữu ích cho công tác nghiên cứu, giảng dạy trong các trường CAND nói riêng và các trường giảng dạy về luật nói chung.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp luận

Luận án được tiến hành nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nhiệm vụ của luận án, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

- Phương pháp khảo sát thực tiễn: Để làm rõ tình hình, thực trạng hoạt động của Cơ quan CSĐT cũng như các nội dung khác liên quan đến Cơ quan CSĐT thì tác giả luận án phải tiến hành khảo sát tình hình thực tiễn có liên quan để đánh giá đúng thực trạng.

- Phương pháp thống kê hình sự: Thông qua khảo sát thực tiễn, tác giả sẽ có những số liệu và để có thể đánh giá được thực trạng thì cần thiết phải sử dụng phương pháp thống kê hình sự

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm: Kinh nghiệm, lịch sử, quá trình hoạt động của Cơ quan CSĐT là nguồn tư liệu quý giá và hết sức quan trọng cho việc giải quyết các nhiệm vụ của luận án. Do đó, việc sử dụng phương pháp tổng kết kinh nghiệm sẽ góp phần làm cho luận án gắn kết với thực tiễn và có giá trị khoa học cao hơn.

- Phương pháp tọa đàm trao đổi với các chuyên gia: trong quá trình thực hiện luận án, để góp phần đưa ra được những nhận xét, đánh giá khoa học, toàn diện và các giải pháp có giá trị thì cần thiết phải có sự tham khảo tri thức, kinh nghiệm của các chuyên gia lý luận và thực tiễn về TTHS. Do đó, tác giả luận án đã sử dụng phương pháp tọa đàm, trao đổi với các chuyên gia nhằm củng cố thêm các căn cứ cho các luận giải trong luận án.

- Phương pháp lựa chọn điển hình: Trong luận án, có những nội dung tác giả không có điều kiện điều tra, khảo sát trong phạm vi cả nước. Do đó, tác giả đã sử dụng phương pháp lựa chọn những địa bàn, đối tượng điển hình

để khảo sát, từ đó có thể phân tích, kết luận các nội dung có liên quan.

- Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh: Để có thể sử dụng được số liệu, tài liệu đã thu thập được thì cần thiết phải sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh số liệu nhằm sử dụng kết quả đó chứng minh cho những luận giải, kết luận trong luận án.

3. Kết cấu của luận án

Kết cấu nội dung chính của luận án bao gồm:

- Phần 1: Mở đầu;
- Phần 2: Tổng quan tình hình nghiên cứu.
- Phần 3: Nội dung, kết quả nghiên cứu, gồm 3 chương:
 - + Chương 1: Nhận thức chung về Cơ quan Cảnh sát điều tra.
 - + Chương 2: Pháp luật TTHS về Cơ quan Cảnh sát điều tra và thực trạng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.
 - + Chương 3: Nhận xét, đánh giá và những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.
- Danh mục tài liệu tham khảo.

Phần 3

NỘI DUNG, KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương 1

NHẬN THỨC CHUNG VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

1.1. Khái niệm, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra

1.1.1. Khái niệm, vị trí pháp lý tổ tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra

1.1.1.1. Khái niệm Cơ quan Cảnh sát điều tra

Quá trình giải quyết vụ án hình sự ở nước ta được chia thành các giai đoạn: Giai đoạn khởi tố, giai đoạn điều tra, giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử và giai đoạn thi hành án. Trong đó, giai đoạn khởi tố và điều tra vụ án hình sự được giao cho Cơ quan điều tra.

Để xác định những nội dung liên quan đến Cơ quan CSĐT thì cần làm rõ một số vấn đề sau:

Một là, Khoản 1 Điều 33 Bộ luật TTHS quy định: Các cơ quan tiến hành tố tụng gồm có: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án.

Theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS thì CQĐT gồm có: Cơ quan điều tra trong CAND, Cơ quan điều tra trong Quân đội nhân dân, CQĐT ở VKSND tối cao. Đối với Cơ quan điều tra trong CAND gồm có: Cơ quan An ninh điều tra và Cơ quan CSĐT.

Như vậy, về địa vị pháp lý thì Cơ quan CSĐT là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng được quy định trong Luật TTHS.

Hai là, Điều 1 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định, trong CAND có các CQĐT sau:

- *Cơ quan CSĐT Bộ Công an; Cơ quan CSĐT CA tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh); Cơ*

quan CSĐT CA huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Cơ quan CSĐT CA cấp huyện);

- Cơ quan An ninh điều tra BCA; Cơ quan An ninh điều tra CA tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan An ninh điều tra CA cấp tỉnh).

Như vậy, về vị trí thì Cơ quan CSĐT là một trong những CQĐT trong CAND và trong tổ chức của Cơ quan CSĐT gồm có: Cơ quan CSĐT Bộ Công an; Cơ quan CSĐT Công an tỉnh và Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện.

Ba là, theo Điều 3 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 2004 quy định: Cơ quan điều tra tiến hành điều tra tất cả tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. Như vậy, cũng như các CQĐT khác, Cơ quan CSĐT được pháp luật TTHS xác định vị trí pháp lý là Cơ quan tiến hành tố tụng, là cơ quan đầu tiên tiếp cận thông tin về tội phạm. Do đó Cơ quan CSĐT có nhiệm vụ thực hiện những biện pháp theo quy định của pháp luật để thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm và những vấn đề cần phải chứng minh khác trong một vụ án hình sự.

Bốn là, pháp luật TTHS (Luật TTHS và các văn bản hướng dẫn thi hành như pháp lệnh tổ chức ĐTHS, Thông tư 28/2014/TT-BCA...) quy định rõ về thẩm quyền điều tra theo từng cấp tổ chức của Cơ quan CSĐT. Theo đó, Cơ quan CSĐT Công an các cấp huyện tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT của VKSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong CAND); Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội

phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT của VKSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong CAND); các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra; Cơ quan CSĐT Bộ Công an tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra (nội dung về thẩm quyền sẽ được phân tích rõ hơn trong Chương 2).

Trên cơ sở phân tích như trên có thể hiểu: *Cơ quan Cảnh sát điều tra là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng được tổ chức trong hệ thống Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, được tổ chức từ cấp Bộ đến cấp huyện, có trách nhiệm điều tra tất cả những tội phạm theo thẩm quyền, được áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nhằm xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố trước pháp luật.*

1.1.1.2. Vị trí pháp lý của Cơ quan CSĐT

Vị trí pháp lý tố tụng của Cơ quan CSĐT là địa vị pháp lý của Cơ quan CSĐT trong hệ thống các Cơ quan tiến hành tố tụng.

Theo Điều 33 Bộ luật TTHS thì CQĐT là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng. Điều 1 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS cụ thể hóa Điều 33 Bộ luật TTHS đã chỉ ra:

Trong Công an nhân dân có các Cơ quan điều tra sau đây:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện);

+ Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an; Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan An ninh điều tra Công an cấp tỉnh).

Trong Quân đội nhân dân có các Cơ quan điều tra sau đây:

+ Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng; Cơ quan điều tra hình sự quân khu và tương đương; Cơ quan điều tra hình sự khu vực;

+ Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng; Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương.

Trong Viện kiểm sát nhân dân tối cao có các Cơ quan điều tra sau đây:

+ Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

+ Cơ quan điều tra Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Như vậy, theo quy định như trên thì Cơ quan CSĐT là một trong những Cơ quan nằm trong hệ thống các CQĐT. Xét theo khía cạnh bộ máy nhà nước thì Cơ quan CSĐT là một trong những Cơ quan thuộc lực lượng vũ trang, là lực lượng có vị trí đặc biệt quan trọng trong công tác “đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các loại tội phạm hình sự, nhất là tội phạm nguy hiểm, có tổ chức, tội phạm ma túy, tội phạm có yếu tố nước ngoài, tội phạm lợi dụng công nghệ cao, sử dụng vũ khí nóng, chống người thi hành công vụ...”[59,tr.156].

Vị trí đặc biệt quan trọng của lực lượng CAND nói riêng (trong đó có Cơ quan CSĐT) và lực lượng vũ trang nói chung đã được ghi nhận trong nhiều văn kiện, tài liệu của Đảng và Nhà nước ta. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Chính quyền nhân dân có hai lực lượng để bảo vệ nó: đó là quân đội và CA. Làm công tác chính quyền ở CA hay ở quân đội, đều là đầy tớ cho nhân dân cả, vì chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ” [23,tr.12]. Trong lần khác Người nói: “Nhân dân ta có hai lực lượng. Một là Quân đội để đánh giặc ngoại xâm, để bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn hòa bình. Một lực lượng nữa là CA, để chống kẻ địch trong nước, chống

bọn phá hoại. Có lúc chiến tranh, có lúc hòa bình. Lúc chiến tranh thì quân đội đánh giặc,... còn CA thì phải đánh địch thường xuyên, lúc chiến tranh có việc, lúc hòa bình lại càng nhiều việc. Còn chủ nghĩa đế quốc, còn giai cấp bóc lột là còn bọn phá hoại... vì vậy, công việc CA phải thường xuyên, không có từng đợt, từng lúc” [23, tr.16]. Những khẳng định như trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho thấy vị trí của CAND nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng là hết sức quan trọng và nhiệm vụ cũng rất nặng nề vì công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là thường xuyên liên tục, phức tạp, khó lường.

Xét ở khía cạnh hoạt động tố tụng của các cơ quan tư pháp thì Cơ quan CSĐT cũng chiếm vị trí rất quan trọng. Cho dù, Cơ quan CSĐT không có quyền quyết định một người có phải là tội phạm hay không, nhưng để có chứng cứ chứng minh tội phạm và người phạm tội làm cơ sở cho việc ra *Quyết định đề nghị truy tố* hoặc *Quyết định truy tố bị can* trước TA, cũng như *Quyết định đưa vụ án ra xét xử*, thì cần thiết phải tiến hành hoạt động của điều tra của Cơ quan CSĐT. Chính vì vậy, có thể khẳng định, điều tra tội phạm là khâu đột phá, là giai đoạn đầu giữ vai trò thành bại đối với cả tiến trình TTTHS và có thể nói, những kết quả đạt được cũng như những sai lầm tố tụng nghiêm trọng nhất như bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội..., thường bắt nguồn từ giai đoạn điều tra.

Có thể khẳng định rằng, hoạt động điều tra theo thẩm quyền của Cơ quan CSĐT là hoạt động không thể thiếu trong TTTHS. Tòa án muốn xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật thì trước đó CQĐT nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng phải thu thập được những chứng cứ cần thiết xác định có tội và những chứng cứ xác định vô tội, những chứng cứ xác định tình tiết tăng nặng cũng như những chứng cứ xác định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can. Hay nói cách khác, để giải quyết được vụ án hình sự thì phải chứng minh được những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật TTTHS bằng những chứng cứ, mà những chứng cứ đó phải được thu

thập bởi các cơ quan có thẩm quyền, trong đó Cơ quan CSĐT giữ vị trí rất quan trọng.

1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tố tụng hình sự

1.1.2.1. Chức năng của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Chức năng của Cơ quan CSĐT có thể hiểu là nhiệm vụ chung nhất, bao quát nhất, đặc trưng nhất mà Cơ quan CSĐT phải thực hiện. Như vậy, xác định chính xác chức năng của Cơ quan CSĐT có ý nghĩa rất quan trọng ở các phương diện lý luận và thực tiễn. Bởi vì, dựa trên cơ sở chức năng của Cơ quan CSĐT có thể xác định những nhiệm vụ cụ thể của Cơ quan CSĐT, quyền hạn và những vấn đề khác về tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT, nhất là công tác đào tạo Điều tra viên.

Vấn đề đặt ra là việc xác định chức năng của Cơ quan CSĐT dựa trên cơ sở nào. Bởi vì, dựa trên cơ sở đúng mới đảm bảo xác định chính xác chức năng của Cơ quan CSĐT. Kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho thấy, xác định chức năng của Cơ quan CSĐT cần dựa trên những cơ sở sau đây:

- Nhiệm vụ của giai đoạn điều tra trong quá trình tố tụng hình sự;

Nhiệm vụ của giai đoạn điều tra trong quá trình TTHS là xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội; xác định thiệt hại do tội phạm gây ra, tạo điều kiện cần thiết cho việc giải quyết vụ án; lập hồ sơ đề nghị truy tố bị can và xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội, yêu cầu các cơ quan, tổ chức áp dụng các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa.

- Vị trí của Cơ quan CSĐT trong hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng;

Như đã phân tích trong tiểu mục 1.1.1 thì Cơ quan CSĐT có vị trí quan trọng trong hoạt động TTHS, là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng.

- Tổ chức và hoạt động của hệ thống Cơ quan CSĐT ở nước ta hiện nay.

Tổ chức và hoạt động của hệ thống Cơ quan CSĐT được pháp luật quy định khá chặt chẽ. Do đó, việc nghiên cứu nội dung này sẽ là cơ sở quan trọng

để xác định chức năng của cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Dựa trên 3 cơ sở nêu trên có thể khẳng định, chức năng của Cơ quan CSĐT là chức năng điều tra, hay nói theo cách khác, Cơ quan CSĐT thực hiện chức năng điều tra khám phá tội phạm. Bởi vì, hoạt động của Cơ quan CSĐT trong quá trình điều tra từng vụ án cụ thể chính là quá trình thu thập, nghiên cứu, đánh giá và sử dụng chứng cứ để chứng minh làm rõ sự thật vụ án.

Xác định chức năng của Cơ quan CSĐT như trên là hợp lý, hoàn toàn phù hợp với các chức năng của quá trình TTHS và vị trí của Cơ quan CSĐT trong hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng. Đặc biệt, chú ý áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật, phù hợp với pháp luật để điều tra khám phá tội phạm là nhiệm vụ chung, đặc trưng, phản ánh bản chất của Cơ quan CSĐT. Đây cũng chính là cơ sở để phân biệt Cơ quan CSĐT với các cơ quan khác, nhất là các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Dựa trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ chung của Cơ quan CSĐT có thể nhận thấy, khác với Cơ quan CSĐT theo pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 1989 (hoạt động điều tra trinh sát tách riêng với hoạt động điều tra tố tụng), Cơ quan CSĐT theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS hiện nay có cả chức năng phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm (hoạt động điều tra trinh sát gắn liền với hoạt động điều tra tố tụng). Điều này có nghĩa là, trong quá trình thực hiện chức năng của mình, Cơ quan CSĐT phải thực hiện các biện pháp theo luật định để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm một cách hiệu quả.

Tóm lại, Cơ quan CSĐT là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện giai đoạn điều tra là giai đoạn đầu của quá trình TTHS. Xác định chính xác vị trí của Cơ quan CSĐT như vậy là cơ sở để xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

1.1.2.2. Nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Nhiệm vụ của Cơ quan CSĐT là những công việc đặt ra theo quy định của pháp luật mà Cơ quan CSĐT được phép làm hoặc phải thực hiện. Cụ thể

là: Cơ quan điều tra tiến hành điều tra tất cả các tội phạm, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội, lập hồ sơ, đề nghị truy tố; tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa [67, Điều 3].

Cơ quan CSĐT là một trong những Cơ quan điều tra. Chính vì vậy, những nhiệm vụ của CQĐT nói chung cũng chính là nhiệm vụ của Cơ quan CSĐT. Theo đó, có thể xác định Cơ quan CSĐT có ba nhiệm vụ chính sau:

Một là, tiến hành điều tra các tội phạm theo thẩm quyền được giao, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội.

Khi Cơ quan CSĐT trực tiếp phát hiện tội phạm, cũng như sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác của công dân, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội về tội phạm xảy ra thì Cơ quan CSĐT phải có nhiệm vụ khởi tố vụ án và tiến hành điều tra nếu có đủ cơ sở và căn cứ. Hơn nữa, nếu có đủ cơ sở và căn cứ pháp luật thì Cơ quan CSĐT phải nhanh chóng tiến hành khởi tố, điều tra vụ án trong thời hạn theo quy định của pháp luật TTHS. Nói cách khác, nhanh chóng điều tra tất cả những tội phạm xảy ra là nhiệm vụ pháp lý đòi hỏi Cơ quan CSĐT phải thực hiện trong mọi trường hợp, điều kiện, hoàn cảnh.

Để điều tra khám phá tội phạm, Cơ quan CSĐT cần phải áp dụng mọi biện pháp được quy định trong Bộ luật TTHS. Thực tiễn cho thấy, Bộ luật TTHS chỉ quy định cơ bản những biện pháp điều tra. Do đó, trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT ngoài việc áp dụng những biện pháp theo quy định của pháp luật TTHS còn phải áp dụng các biện pháp khác phù hợp với pháp luật, không trái pháp luật. Hay nói cách khác, các biện pháp, phương tiện được sử dụng trong quá trình điều tra phải đảm bảo tuân theo các nguyên tắc của Bộ luật TTHS để có thể nhanh chóng khám phá vụ án. Việc thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện của hoạt động điều tra tội

phạm, giúp Cơ quan CSĐT tránh được những sai lầm, thiếu sót. Đồng thời, trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT cũng cần áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm.

Cơ quan CSĐT không chỉ tiến hành điều tra tất cả những tội phạm xảy ra mà còn phải xác định được tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội vừa là nhiệm vụ của Cơ quan CSĐT vừa là tiêu chí để đánh giá hiệu quả của hoạt động điều tra. Bởi vì, chỉ sau khi xác định được tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan CSĐT mới lập hồ sơ đề nghị truy tố người thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, có thể khẳng định rằng, Cơ quan CSĐT không những phải điều tra các tội phạm theo thẩm quyền, áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật TTHS quy định mà còn phải đạt được hiệu quả của hoạt động điều tra đó là xác định được tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Xác định được tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cũng có nghĩa là đã khám phá được tội phạm, chứng minh làm rõ sự thật của vụ án hình sự.

Hai là, lập hồ sơ, đề nghị truy tố.

Hồ sơ vụ án hình sự là kết quả tập hợp có hệ thống những văn bản, tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án hình sự theo trình tự, thủ tục TTHS nhằm chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội cùng các tình tiết có liên quan giúp cho việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án, đề xuất xử lý người phạm tội đúng chính sách pháp luật.

Nhiệm vụ này thể hiện ở chỗ, sau khi điều tra, xác định được tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, người có hành vi phạm tội đáng bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Cơ quan CSĐT phải kịp thời lập hồ sơ đề nghị truy tố. Để không để lọt tội phạm và làm oan người vô tội, khi lập hồ sơ vụ án hình sự ĐTV cần phải nghiên cứu, đánh giá và kiểm tra thận trọng tất cả những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được về vụ án. Hơn nữa, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác truy tố, xét xử, trong quá trình điều tra, ĐTV cần

xác định chính xác những vấn đề cần chứng minh; thu thập chứng cứ chứng minh từng vấn đề đó và sắp xếp một cách trình tự, khoa học để đưa vào hồ sơ chuyển VKS đề nghị truy tố bị can trước pháp luật.

Ba là, tìm ra nguyên nhân, điều kiện phạm tội và yêu cầu các cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa.

Nguyên nhân phạm tội là những yếu tố thúc đẩy, làm nảy sinh tội phạm, bao gồm những hiện tượng và quá trình tâm lý – xã hội. Nguyên nhân phạm tội mang bản chất tâm lý – xã hội. Có nhiều loại nguyên nhân khác nhau: những nguyên nhân của tình hình tội phạm nói chung; những nguyên nhân của một loại tội phạm nhất định; những nguyên nhân của các tội phạm cụ thể. Các nguyên nhân phạm tội nằm trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Đó là nguyên nhân về kinh tế, xã hội; về tư tưởng, chính trị; về tâm lý – xã hội; về giáo dục, văn hóa; về quản lý, tổ chức... Có nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan; nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài; nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân thứ yếu; nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp. Việc xác định đúng nguyên nhân phạm tội sẽ giúp cho việc xác định đúng quy luật diễn biến, tìm được những biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm có hiệu quả. Trong khi đó, điều kiện phạm tội là những yếu tố thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm, điều kiện phạm tội không làm phát sinh tội phạm nhưng nó giúp cho tội phạm thực hiện được dễ dàng hơn. Do đó, nguyên nhân và điều kiện phạm tội có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau. Trong một số trường hợp rất khó phân biệt giữa nguyên nhân và điều kiện phạm tội vì trong hoàn cảnh này là điều kiện nhưng trong hoàn cảnh khác có thể lại là nguyên nhân.

Như vậy, việc xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội là rất quan trọng vì đây là những yếu tố làm nảy sinh, phát triển tội phạm. Do đó, trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT phải chứng minh, làm rõ những nguyên nhân, điều kiện phạm tội và dựa trên cơ sở đó với tư cách là một cơ quan tiến

hành tố tụng phải yêu cầu các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và ngăn ngừa. Nếu làm tốt vấn đề này thì Cơ quan CSĐT đã thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả.

1.2. Nguyên tắc hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Nguyên tắc hoạt động của Cơ quan CSĐT là những định hướng cơ bản mà trong hoạt động của mình Cơ quan CSĐT phải tuân thủ nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Trong hoạt động của Cơ quan CSĐT cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

Một là, mọi hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT phải tuân theo quy định của Bộ luật TTHS và Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự.

Cơ quan CSĐT là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng, có nhiệm vụ chính là điều tra, làm rõ tội phạm. Hoạt động của Cơ quan CSĐT có liên quan nhiều đến những quyền và lợi ích cơ bản của công dân như: quyền được sống, quyền được bảo đảm về sở hữu tài sản hợp pháp, quyền được bảo đảm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm... Do đó, hoạt động của Cơ quan CSĐT cần thiết phải tuân thủ những quy định rất chặt chẽ của Bộ luật TTHS và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS nhằm tránh việc lạm quyền hoặc thiếu thận trọng trong quá trình điều tra, xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của các cá nhân và tổ chức trong xã hội.

Nguyên tắc này đòi hỏi Cơ quan CSĐT khi thực hiện nhiệm vụ điều tra phải tuân thủ những nguyên tắc chung và những quy định cụ thể của Bộ luật TTHS và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS. Những nguyên tắc trong Bộ luật TTHS mà hoạt động điều tra phải tuân thủ gồm: nguyên tắc đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa; nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền cơ bản của công dân; nguyên tắc xác định sự thật của vụ án; nguyên tắc đảm bảo quyền bào chữa cho bị can; nguyên tắc trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án; nguyên tắc đảm bảo sự tham gia phối hợp với các cơ quan của Nhà nước, với các tổ chức xã hội và công dân trong quá trình điều tra; nguyên tắc khắc phục nguyên nhân

và điều kiện phạm tội; nguyên tắc đảm bảo sự vô tư của ĐTV trong điều tra vụ án hình sự v.v...

Ngoài ra, để hoạt động điều tra được đúng đắn thì Cơ quan CSĐT còn phải nghiêm chỉnh tuân theo những quy định cụ thể trong Bộ luật TTHS về khởi tố, về áp dụng các biện pháp ngăn chặn và các biện pháp điều tra khác... Việc tuân thủ những nguyên tắc và các quy định này sẽ đảm bảo cho quá trình điều tra tuân theo pháp luật, góp phần bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giáo dục công dân nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và tôn trọng các quy tắc của cuộc sống Xã hội chủ nghĩa.

Hai là, hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT phải tôn trọng sự thật, tiến hành một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ; phát hiện chính xác, nhanh chóng mọi hành vi phạm tội, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người có hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Đây là nguyên tắc rất quan trọng xuất phát từ bản chất và vị trí của hoạt động điều tra trong TTHS. Do điều tra là hoạt động tố tụng ở những giai đoạn đầu tiên của quá trình tố tụng với nhiệm vụ chủ yếu là khôi phục lại vụ án, thu thập chứng cứ chứng minh có hay không có tội phạm xảy ra, một người có phải là người phạm tội, mà nếu hoạt động điều tra không khách quan, toàn diện, đầy đủ thì có thể dẫn đến phiến diện một chiều. Hậu quả của điều này có thể dẫn đến sai lầm trong việc giải quyết vụ án như việc làm oan người vô tội, để lọt tội phạm.

Nội dung nguyên tắc này thể hiện ở việc thu thập chứng cứ chứng minh những tình tiết của vụ án phải xuất phát từ thực tế mà không bị ảnh hưởng bởi ý thức chủ quan của người tiến hành tố tụng hoặc Cơ quan tiến hành tố tụng, không được suy diễn, tưởng tượng, bịa đặt. Để quán triệt nguyên tắc này đòi

hỏi, khi thu thập chứng cứ Cơ quan CSĐT phải thu thập cả những chứng cứ kết tội, cũng như những chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm của bị can trong vụ án. Chỉ như vậy, mới có thể tránh được những sai lầm trong hoạt động điều tra vụ án hình sự.

Ba là, Cơ quan CSĐT cấp dưới chịu sự hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Cơ quan CSĐT cấp trên.

Do hệ thống Cơ quan CSĐT được tổ chức nhiều cấp từ Trung ương đến địa phương, trong đó có Cơ quan CSĐT cấp trên và Cơ quan CSĐT cấp dưới. Xuất phát từ tính chất phức tạp của vụ án hình sự, có vụ án hình sự liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương, hoặc có những vụ án hình sự mà Cơ quan CSĐT cấp dưới không có đủ điều kiện, khả năng tiến hành hoạt động điều tra vì các lý do khác nhau đòi hỏi Cơ quan CSĐT cấp trên phải tự mình tiến hành điều tra, hoặc phối hợp với Cơ quan CSĐT cấp dưới cùng tiến hành điều tra. Mặt khác, các CQĐT của lực lượng CSND, lực lượng An ninh nhân dân, CQĐT trong Quân đội nhân dân, trừ CQĐT của VKS, đều nằm trong hệ thống các lực lượng vũ trang của Nhà nước. Đặc tính mệnh lệnh, chấp hành trong mối quan hệ cấp trên và cấp dưới phải tuyệt đối tuân thủ. Vì vậy, Cơ quan CSĐT cấp dưới phải chịu sự chỉ đạo của Cơ quan CSĐT cấp trên là điều tất yếu khách quan.

Sự chỉ đạo của Cơ quan CSĐT cấp trên đối với Cơ quan CSĐT cấp dưới được thể hiện ở chỗ: Cơ quan CSĐT cấp trên hướng dẫn hoạt động điều tra, đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu thay đổi ĐTV, yêu cầu Cơ quan CSĐT cấp dưới báo cáo về quá trình điều tra và kết quả điều tra vụ án v.v... Sự tuân thủ mệnh lệnh của Cơ quan CSĐT cấp trên đảm bảo cho Cơ quan CSĐT cấp dưới hoàn thành được nhiệm vụ điều tra vụ án hình sự.

Mặt khác, Cơ quan CSĐT và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải phối hợp với nhau trong điều tra vụ án hình sự. Trong quá trình điều tra vụ án, giữa các Cơ quan CSĐT và các cơ quan được

giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thường phát sinh mối quan hệ phân công, phối hợp, hiệp đồng, đảm bảo việc điều tra nhanh chóng, có hiệu quả. Mối quan hệ xuất phát từ yêu cầu thực tế đấu tranh chống tội phạm nói chung và giải quyết vụ án hình sự nói riêng; quan hệ giữa các Cơ quan CSĐT với các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là quan hệ phân công và phối hợp nhằm phát hiện kịp thời tội phạm và người phạm tội. Các yêu cầu bằng văn bản của Cơ quan CSĐT phải được các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nghiêm chỉnh thực hiện; các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, sau khi khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo thẩm quyền phải gửi ngay các quyết định đó cho VKS và thông báo cho Cơ quan CSĐT cùng cấp biết; đối với sự việc có dấu hiệu phạm tội mà chưa rõ thẩm quyền điều tra thì Cơ quan CSĐT nào phát hiện trước phải tiến hành ngay các biện pháp điều tra theo quy định của Bộ luật TTHS; khi đã xác định thẩm quyền thì phải chuyển ngay cho Cơ quan CSĐT có thẩm quyền; các đơn vị Cảnh sát, An ninh có trách nhiệm hỗ trợ và thực hiện các yêu cầu của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, của ĐTV và Thủ trưởng của các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Khi cần thiết, Cơ quan CSĐT có thể uỷ thác cho CQĐT khác thực hiện một số hoạt động điều tra. CQĐT được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc được uỷ thác. Trong trường hợp CQĐT được uỷ thác không thể thực hiện được từng phần hoặc toàn bộ việc uỷ thác thì phải báo ngay bằng văn bản, nêu rõ lý do cho Cơ quan CSĐT đã uỷ thác biết. Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT trong lực lượng CSND với CQĐT của lực lượng ANND hoặc giữa CQĐT với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong CAND thì do Thủ trưởng cơ quan CA giải quyết và quyết định.

1.3. Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát, Tòa án và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự

1.3.1. Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự

Mối quan hệ giữa CQĐT nói chung, Cơ quan CSĐT nói riêng và Viện kiểm sát trong TTHS được hình thành kể từ khi VKS được thành lập theo quy định của Hiến pháp năm 1959. Từ khi ra đời đến nay, đã có nhiều văn bản lập pháp và lập quy xác định mối quan hệ giữa CQĐT và VKS trong hoạt động TTHS. Tuy nhiên, những quy định của các văn bản pháp luật nói trên mới chỉ đề cập một cách chung nhất về sự phối hợp giữa ngành CA với VKSND trong điều tra, kiểm sát điều tra chứ chưa đi vào cụ thể nội dung của từng hành vi tố tụng cần thiết phải có sự phối hợp giữa hai ngành. Tương tự như vậy, Bộ luật TTHS năm 1988 trước đây và hiện nay là năm 2003 cũng chỉ quy định những vấn đề chung nhất về mối quan hệ giữa CQĐT với VKS. Điều đó đã gây nên những khó khăn nhất định trong việc áp dụng pháp luật TTHS vào cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Chính vì thế, phân tích và xác định được nội dung phối hợp giữa CQĐT và VKS trong từng hoạt động tố tụng là hết sức cần thiết.

Trên thực tế, quan hệ giữa CQĐT (trong trường hợp nghiên cứu này cụ thể này là Cơ quan CSĐT) với VKS trong TTHS phát sinh từ khi tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm, khởi tố vụ án đến khi kết thúc điều tra vụ án hình sự, hoàn thành bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố người phạm tội. Chính vì vậy, có thể thấy mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS được thể hiện ở những hoạt động sau:

- *Quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và Viện kiểm sát trong việc phát hiện và giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố.*

Cơ quan điều tra, VKS có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm do cá nhân, cơ quan, tổ chức và kiến nghị khởi tố do cơ quan nhà nước chuyển đến. VKS có trách nhiệm chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho CQĐT có thẩm quyền.

Trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, CQĐT trong phạm vi trách nhiệm của mình phải kiểm tra, xác minh nguồn tin và quyết định việc khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Trong trường hợp sự việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn để giải quyết tố giác và tin báo có thể dài hơn, nhưng không quá hai tháng.

Kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố của cơ quan nhà nước phải được gửi cho VKS cùng cấp và thông báo cho cơ quan, tổ chức đã báo tin hoặc người đã tố giác tội phạm biết.

CQĐT phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ người đã tố giác tội phạm.

VKS có trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết của CQĐT đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.[74, Điều 103].

Như vậy, cùng với Cơ quan CSĐT, VKS cũng có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ mọi tố giác, tin báo về tội phạm do cá nhân, cơ quan, tổ chức và kiến nghị khởi tố do cơ quan nhà nước chuyển đến. Sau khi tiếp nhận, VKS có trách nhiệm chuyển ngay các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố kèm theo các tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan CSĐT có thẩm quyền để tiến hành kiểm tra, xác minh, giải quyết.

Mặt khác, trong giai đoạn điều tra, VKS đồng thời thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Cơ quan

CSĐT. Do vậy, đối với các yêu cầu và quyết định của VKS trong việc tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và kiến nghị khởi tố thì Cơ quan CSĐT phải chấp hành nhưng có quyền kiến nghị với VKS cấp trên trực tiếp. Khi nhận được kiến nghị của Cơ quan CSĐT, theo quy định trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị, VKS cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét, giải quyết. Kết quả giải quyết phải thông báo cho Cơ quan CSĐT đã kiến nghị biết. Đối với các quyết định tố tụng khác của VKS mà có căn cứ cho rằng quyết định đó trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức thì Cơ quan CSĐT có quyền khiếu nại theo quy định tại Chương XXXV Bộ luật TTHS.

- Quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong khởi tố vụ án hình sự

Khởi tố vụ án hình sự được quy định tại Chương VIII Bộ luật TTHS. Trong giai đoạn này, Cơ quan CSĐT và VKS cùng có nhiệm vụ xác định có hay không có sự việc phạm tội xảy ra.

Khi xác định sự việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan CSĐT ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Ngược lại, trong quá trình điều tra ban đầu, với các tài liệu, chứng cứ thu thập được nếu xác định không có sự việc phạm tội xảy ra thì Cơ quan CSĐT phải ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Điều này là cần thiết vì việc ra quyết định khởi tố hay ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự sẽ là cơ sở pháp lý cần thiết để Cơ quan CSĐT quyết định có tiến hành các biện pháp điều tra theo TTHS hay không.

Do tính chất quan trọng của quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự nên Bộ luật TTHS quy định hoạt động này của Cơ quan CSĐT phải chịu sự giám sát chặt chẽ của VKS cùng cấp. Trong thời hạn 24 giờ, Cơ quan CSĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyên VKS cùng cấp quyết định khởi tố vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự cùng các tài liệu làm căn cứ cho việc ra quyết định này. Nếu Cơ quan CSĐT ra quyết định khởi tố vụ án hoặc

quyết định không khởi tố vụ án hình sự thiếu căn cứ thì Viện kiểm sát có quyền ra quyết định hủy bỏ quyết định thiếu căn cứ.

Bên cạnh đó, với chức năng thực hành quyền công tố và kiểm soát hoạt động tư pháp trong TTHS VKS cũng có quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và phải gửi quyết định đó đến Cơ quan CSĐT có thẩm quyền để tiến hành điều tra.

Công tác kiểm sát việc khởi tố có ý nghĩa rất quan trọng, VKS sẽ loại trừ ngay từ đầu các hoạt động vi phạm, thiếu sót của Cơ quan CSĐT để yêu cầu có biện pháp khắc phục sai sót ngay từ đầu, tránh việc xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của những người liên quan và hạn chế được những tổn kém, chi phí cho hoạt động điều tra.

- Quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong hoạt động điều tra vụ án hình sự

Để chứng minh về toàn bộ tội phạm, làm cơ sở truy tố, xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, Cơ quan CSĐT phải thực hiện một loạt các biện pháp tố tụng quan trọng nhằm thu thập chứng cứ được sử dụng để chứng minh. Đây là một hoạt động rất quan trọng, phức tạp, khó khăn và liên quan đến các quyền cơ bản của công dân nên pháp luật quy định các hoạt động điều tra vụ án luôn có sự kiểm sát rất chặt chẽ của VKSND cùng cấp. Mọi quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong giai đoạn này xuất hiện trên cơ sở các hoạt động tố tụng và bảo đảm cho tính đúng đắn của nó.

Mọi quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong hoạt động điều tra vụ án hình sự thể hiện ở những khía cạnh sau:

+ Quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong việc áp dụng, thay đổi và hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn.

Do việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đụng chạm đến các quyền cơ bản của con người nên Bộ luật TTHS quy định rất chặt chẽ trình tự, thủ tục tiến hành áp dụng các biện pháp này. VKS thực hiện nghiêm ngặt quyền chế

ước của mình đối với Cơ quan CSĐT thông qua việc phê chuẩn hay không phê chuẩn đề nghị của Cơ quan CSĐT, nhằm không để một người nào bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn (bắt, tạm giữ, tạm giam, hạn chế các quyền công dân) một cách trái pháp luật. Đồng thời, khi thực hiện quyền hạn của mình, VKS phải cân nhắc để tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan CSĐT thu thập chứng cứ, ngăn chặn tội phạm qua việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đã được quy định trong Bộ luật TTHS. Mặt khác, đối với từng biện pháp ngăn chặn cụ thể lại có những căn cứ, thủ tục, trình tự khác nhau và đối với từng bị can, lại có những hoàn cảnh khác nhau, đòi hỏi Cơ quan CSĐT phải cân nhắc thận trọng, có đề nghị kịp thời và phù hợp để VKS phê chuẩn. VKS phải xem xét đề nghị của Cơ quan CSĐT trên cơ sở nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án để có quan điểm phê chuẩn hay không phê chuẩn một cách có căn cứ, phù hợp đối với từng trường hợp và VKS chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Cơ quan CSĐT có quyền độc lập thực hiện lệnh bắt khẩn cấp mà không có sự phê chuẩn của VKS, nhưng sau khi thực hiện, trong mọi trường hợp, Cơ quan CSĐT phải báo ngay bằng văn bản cho VKS cùng cấp biết để xét phê chuẩn. VKS phải kiểm tra về căn cứ, thủ tục bắt và những thủ tục sau khi bắt của Cơ quan CSĐT. Nếu phát hiện có vi phạm, thiếu sót, VKS phải yêu cầu Cơ quan CSĐT khắc phục, bổ sung ngay, nhằm đảm bảo bắt người đúng pháp luật.

+ Quan hệ của Cơ quan CSĐT và VKS trong việc khởi tố bị can, hỏi cung bị can.

Khởi tố bị can là việc Cơ quan CSĐT xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội. Quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS trong việc này thể hiện rất rõ ở hoạt động giám sát việc ra quyết định khởi tố bị can của VKS đối với Cơ quan CSĐT. Để hoạt động khởi tố bị can chặt chẽ, đúng theo quy định của pháp luật, Bộ luật TTHS quy định VKS có thẩm quyền giám sát việc khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT. Cụ thể, trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết

định khởi tố bị can, Cơ quan CSĐT phải gửi quyết định khởi tố bị can và các tài liệu liên quan cho VKS cùng cấp để xem xét phê chuẩn. Trong phạm vi quyền hạn của mình, VKS phải xác định hành vi phạm tội của bị can thông qua việc nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan. Thông qua công tác kiểm sát, nghiên cứu hồ sơ, VKS phải tiến hành thẩm tra xem việc khởi tố bị can của Cơ quan CSĐT có đúng với tội danh hay không? Có bỏ lọt hành vi phạm tội, người phạm tội và người phạm tội khác mà chưa bị khởi tố không? Nếu có căn cứ, VKS phải yêu cầu Cơ quan CSĐT ra quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với các đối tượng khác...

Hỏi cung bị can là một hoạt động điều tra được quy định khá rõ trong Bộ luật TTHS [74,tr.108,109]. Việc hỏi cung bị can nhằm củng cố những chứng cứ đã thu thập được, đồng thời thu thập những chứng cứ khác có ý nghĩa đối với việc chứng minh toàn bộ vụ án. Theo quy định của Bộ luật TTHS thì VKS phải kiểm sát chặt chẽ hoạt động hỏi cung bị can của Cơ quan CSĐT để đảm bảo hoạt động này được diễn ra khách quan, toàn diện, đúng trình tự, thủ tục. Để thực hiện quyền hạn này, VKS có thể nghiên cứu biên bản hỏi cung bị can của ĐTV, giám sát buổi hỏi cung hoặc trực tiếp hỏi cung bị can nếu thấy cần thiết.

Ngoài ra, quan hệ của Cơ quan CSĐT và VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự còn được thể hiện trong các hoạt động khác như: khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, vật chứng; trong khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi [74, tr.116,120,122].

- Quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và VKS khi tạm đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra vụ án, kết thúc điều tra vụ án và trong các trường hợp khác.

Tạm đình chỉ điều tra là việc Cơ quan CSĐT tạm dừng các hoạt động TTHS đối với vụ án hình sự theo quy định. Theo quy định tại Điều 160 Bộ luật TTHS hiện hành, khi bị can bị bệnh tâm thần hoặc các bệnh hiểm nghèo

khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết hạn điều tra. Mặt khác, Cơ quan CSĐT phải gửi quyết định tạm đình chỉ điều tra cho VKS cùng cấp để kiểm sát về căn cứ pháp luật của quyết định tạm đình chỉ điều tra, thủ tục phải thực hiện sau khi tạm đình chỉ điều tra. Nếu VKS phát hiện quyết định tạm đình chỉ điều tra không có căn cứ thì VKS phải ra quyết định hủy bỏ và yêu cầu Cơ quan CSĐT tiếp tục điều tra đối với vụ án và bị can. Nếu trong quá trình điều tra vụ án, xuất hiện những lý do để tạm đình chỉ, thì VKS phải yêu cầu Cơ quan CSĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra.

Đình chỉ điều tra là việc Cơ quan CSĐT chấm dứt các hoạt động tố tụng đối với vụ án hoặc đối với từng bị can. Đình chỉ điều tra được quy định tại Điều 164, Bộ luật TTHS. Theo đó, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan CSĐT, nếu thấy quyết định đình chỉ điều tra có căn cứ thì VKS phải trả lại hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT để giải quyết theo thẩm quyền. Trong trường hợp, quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ thì hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và yêu cầu Cơ quan CSĐT phục hồi điều tra; nếu thấy đủ căn cứ để truy tố thì hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra và ra quyết định truy tố.

Kết thúc điều tra vụ án là việc Cơ quan CSĐT kết thúc các hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự và ra một trong hai quyết định sau khi thông qua bản kết luận điều tra là đình chỉ điều tra và đề nghị truy tố. Theo quy định của Bộ luật TTHS, khi kết thúc điều tra, Cơ quan CSĐT phải làm bản kết luận điều tra. Trong thời hạn 2 ngày, kể từ ngày ra bản kết luận điều tra, Cơ quan CSĐT phải gửi bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra kèm theo quyết định đình chỉ điều tra cùng hồ sơ vụ án cho VKS cùng cấp để VKS kiểm sát các quyết định này.

Ngoài ra, mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với VKS còn được thể hiện trong các trường hợp đặc biệt như: điều tra bổ sung hoặc phục hồi điều tra.

Nội dung mối quan hệ trong những trường hợp này được quy định cụ thể trong Bộ luật tố tụng hình sự.

Tóm lại, mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan CSĐT và VKS rất đa dạng và phong phú thể hiện trong toàn bộ hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng thuộc hai cơ quan trong quá trình giải quyết vụ án.

1.3.2. Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Tòa án trong tố tụng hình sự

Toà án cùng với VKS, các cơ quan CA, Thanh tra, Tư pháp, cơ quan hữu quan khác, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận, đơn vị vũ trang nhân dân nghiên cứu và thực hiện những chủ trương, biện pháp nhằm phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác [75].

Mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và TA trong TTHS thể hiện ở những nội dung sau:

- Mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và TA trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và những vi phạm pháp luật, công tác xét xử của Toà án chỉ là một trong các biện pháp cần thiết được áp dụng. Để đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác, TA cần kết hợp với các cơ quan khác trong và ngoài hệ thống tư pháp bao gồm VKS, các cơ quan CA, Thanh tra, Tư pháp, các tổ chức xã hội nói chung...cùng phối hợp thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau để loại bỏ nguyên nhân và điều kiện phạm tội, từng bước hạn chế, đẩy lùi tội phạm trong cuộc sống xã hội. Mặt khác, theo quy định của Bộ luật TTHS, trong quá trình xét xử nếu phát sinh khiếu nại, tố cáo thì TA phải kết hợp với Cơ quan CSĐT để giải quyết. Cụ thể, trong quá trình xét xử vụ án hình sự nếu có khiếu nại, tố cáo liên quan đến Cơ quan CSĐT thì Cơ quan CSĐT có trách nhiệm phải cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại, tố cáo[102]. Khi bị cáo khiếu

nại việc bị bức cung, dùng nhục hình thì TA có thể mời ĐTV lên đối chất với lời khai của bị cáo...

- Mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và TA trong việc điều tra, xét xử những vụ án nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền của CQĐT, VKS, TA cấp dưới nhưng lấy cấp trên lấy lên để điều tra, truy tố, xét xử.

Toà án nhân dân cấp tỉnh và TA quân sự cấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội phạm không thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và TA quân sự khu vực hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền của TA cấp dưới mà mình lấy lên để xét xử [74, Điều 170]. Tuy nhiên, trong Bộ luật TTHS không quy định loại vụ án nào TA cấp tỉnh, TA quân sự cấp quân khu lấy lên để xét xử. Chính vì vậy, khi vụ án hình sự xảy ra, Chánh án TA, Viện trưởng VKS, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT cấp tỉnh cần họp bàn về căn cứ và khả năng thực tế của những người tiến hành tố tụng cấp huyện, nơi xảy ra vụ án để quyết định, có cần thiết phải lấy lên để điều tra, truy tố xét xử tại cấp tỉnh hay không. Nếu thấy cần thiết phải lấy lên để xét xử tại cấp tỉnh thì thực hiện đúng các quy định về chuyển vụ án. Cụ thể là chỉ được chuyển vụ án cho TA khác khi vụ án chưa được xét xử. Trong trường hợp này, việc chuyển vụ án do Chánh án TA quyết định. Nếu vụ án thuộc thẩm quyền của TA quân sự hoặc TA cấp trên thì vụ án đã được đưa ra xét xử vẫn phải chuyển cho TA có thẩm quyền. Trong trường hợp này, việc chuyển vụ án do Hội đồng xét xử quyết định. Mặt khác, trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày ra quyết định chuyển vụ án, TA phải thông báo cho VKS cùng cấp, báo cho bị cáo và những người có liên quan trong vụ án [74,tr.139].

- Mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và TA trong việc điều tra bổ sung, điều tra lại.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, TA có thể ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Quyết định này cùng hồ sơ vụ án được chuyển cho VKS. Trong trường hợp VKS không thể tự mình điều tra bổ sung được thì hồ sơ vụ

án được chuyển trở lại Cơ quan CSĐT. Trong trường hợp này, Cơ quan CSĐT phải tiến hành các biện pháp để điều tra bổ sung theo nội dung quyết định của Tòa án. Mặc dù, TA trả lại hồ sơ cho VKS, nhưng Cơ quan CSĐT phải nhanh chóng đáp ứng yêu cầu điều tra bổ sung càng nhanh càng tốt. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ điều tra bổ sung, Cơ quan CSĐT chuyển hồ sơ vụ án cho VKS để VKS chuyển cho TA để tiếp tục chuẩn bị xét xử.

Như vậy, trong giai đoạn xét xử, sự phối hợp giữa Cơ quan CSĐT và TA là rất cần thiết đảm bảo cho hoạt động tố tụng được diễn ra liên tục, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Trong trường hợp bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của Bộ luật TTHS thì Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm có thể hủy bản án hoặc quyết định của TA đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị để điều tra lại. Trong trường hợp này, Cơ quan CSĐT tiến hành điều tra lại theo quy định chung.

1.3.3. Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với các Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

Mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là mối quan hệ công tác, cùng có nhiệm vụ chung là đấu tranh phòng, chống tội phạm. Theo quy định, các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không phải là CQĐT. Đây là những cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý hành chính trong một số lĩnh vực mà nhà nước giao quản lý nhưng trong những địa bàn hoặc lĩnh vực đó thường xuất hiện những hành vi phạm tội mà cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi đó. Cho nên, pháp luật TTHS mới giao cho các cơ quan này nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm đảm bảo yêu cầu nhanh chóng, kịp thời trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Theo Điều 111 Bộ luật TTHS và các Điều 4, 19, 20, 21, 22, 23, 24 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS thì các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bao gồm:

- Bộ đội biên phòng;
- Hải quan;
- Kiểm lâm;
- Lực lượng Cảnh sát biển;

- Các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát trong CAND, gồm: Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục Cảnh sát giao thông đường thủy, Cục Cảnh sát môi trường, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH, Cục Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy, Phòng Cảnh sát môi trường, Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về TTXH, Phòng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp, Trại tạm giam, Trại giam;

- Các cơ quan khác của lực lượng An ninh trong CAND, gồm: Các cục An ninh, các phòng An ninh ở CA cấp tỉnh, Đội An ninh ở CA cấp huyện trực tiếp đấu tranh phòng, chống các tội phạm theo thẩm quyền;

- Các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân, gồm: Trại tạm giam, trại giam trong Quân đội nhân dân, đơn vị độc lập cấp trung đoàn và tương đương;

Mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thể hiện ở một số nội dung sau [67]:

Một là, quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là quan hệ phân công và phối hợp trong hoạt động điều tra. Các yêu cầu bằng văn bản của Cơ quan CSĐT phải được cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nghiêm chỉnh thực hiện.

Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan CSĐT trong phạm vi thẩm quyền được phân công [57]. Mối quan hệ giữa hai cơ quan là quan hệ phối hợp, cùng thực hiện một số nhiệm vụ trong hoạt động điều tra, không phải là mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới.

Do hồ sơ điều tra vụ án hình sự ban đầu được lập bởi cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Do đó, trong quá trình chuyển giao, phối hợp điều tra làm rõ vụ án nếu Cơ quan CSĐT có thẩm quyền có yêu cầu, thì cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải nghiêm chỉnh thực hiện. Tuy nhiên, do đây là hoạt động TTHS nên mọi yêu cầu giữa các cơ quan đều phải được thể hiện bằng văn bản, mọi yêu cầu không bằng văn bản đều không có giá trị pháp lý.

Hai là, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, sau khi khởi tố vụ án, áp dụng biện pháp ngăn chặn theo thẩm quyền phải gửi ngay các quyết định đó cho VKS và thông báo cho Cơ quan CSĐT có thẩm quyền biết.

Khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm thì lãnh đạo có thẩm quyền trong các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có quyền quyết định áp dụng các biện pháp điều tra như: ra quyết định khởi tố vụ án, khám nghiệm hiện trường, khám xét, lấy lời khai, thu giữ, tạm giữ và bảo quản vật chứng, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án, trưng cầu giám định khi cần thiết... và chuyển hồ sơ vụ án cho VKS hoặc CQĐT có thẩm quyền trong thời hạn theo quy định kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án. Những hoạt động này đều được quy định rất cụ thể trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự.

Ba là, các đơn vị CSND, ANND, Kiểm soát quân sự có trách nhiệm hỗ trợ và thực hiện các yêu cầu của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT,

ĐTV và của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong hoạt động điều tra.

Để tạo điều kiện cho Cơ quan CSĐT và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoàn thành nhiệm vụ liên quan đến điều tra vụ án hình sự thì mọi cá nhân, tổ chức có liên quan đều phải có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp. Đặc biệt, những cơ quan, đơn vị vũ trang thuộc các lực lượng CSND, ANND, Quân đội nhân dân phải có trách nhiệm trong việc hỗ trợ, thực hiện các yêu cầu của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra và những người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT trong hoạt động điều tra.

1.3.4. Thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Thẩm quyền điều tra là một trong những quy định quan trọng trong Bộ luật TTHS. Việc xác định đúng thẩm quyền điều tra của các CQĐT sẽ đảm bảo cho hoạt động điều tra không chồng chéo, không để chồng địa bàn, không để lọt tội phạm, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau giữa các CQĐT, khai thác triệt để sức mạnh của cả hệ thống CQĐT trong hoạt động điều tra xử lý tội phạm.

Trong phạm vi luận án này, xuất phát từ đối tượng nghiên cứu là Cơ quan CSĐT nên tác giả chỉ tập trung vào việc phân tích thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

1.3.4.1. Thẩm quyền điều tra theo sự việc

Thẩm quyền điều tra theo sự việc là sự phân định thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT các cấp với nhau căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội và tính phức tạp của hành vi phạm tội.

Căn cứ vào tính chất của tội phạm phản ánh mức độ ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng của từng loại tội phạm cụ thể. Mức độ của tội phạm càng cao thì hình phạt áp dụng đối với tội phạm đó càng nghiêm khắc. Do vậy, chỉ cần thông qua loại và khung hình

phạt được quy định trong Bộ luật hình sự đối với tội phạm đó có thể biết được tính chất của tội phạm. Theo căn cứ này mà phân định thẩm quyền theo nguyên tắc CQĐT cấp nào thì có thẩm quyền điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của TA cấp đó.

Luật hình sự và Luật TTHS có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Do vậy, việc xác định thẩm quyền điều tra cũng phải căn cứ vào sự phân loại tội phạm. Tuy nhiên, ngoài việc căn cứ vào sự phân loại tội phạm thì việc xác định thẩm quyền điều tra còn phải căn cứ vào tính phức tạp của vụ án và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bởi lẽ, có những trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng hay nghiêm trọng nhưng lại phức tạp hoặc phạm tội trong trường hợp nghiêm trọng.

- Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện: Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện được phân chia thành các đơn vị khác nhau và mỗi đơn vị có thẩm quyền điều tra nhóm tội phạm cụ thể theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh: có thẩm quyền điều tra hai loại vụ án, cụ thể là:

Thứ nhất, Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh điều tra những vụ án hình sự về những tội phạm không thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện.

Thứ hai, Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh điều tra những vụ án thuộc thẩm quyền của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

- Cơ quan CSĐT Bộ Công an: có thẩm quyền điều tra các vụ án về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

1.3.4.2. Thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ

Thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ là sự phân định thẩm quyền điều tra căn cứ vào địa điểm nơi xảy ra tội phạm, nơi phát hiện tội phạm, nơi bị can cư trú hoặc bị bắt.

Căn cứ để phân định thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ là dựa vào nơi xảy ra tội phạm. Về nguyên tắc, CQĐT có thẩm quyền điều tra những vụ án hình sự mà tội phạm xảy ra trên địa bàn mà mình quản lý, việc phân định thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ vừa đảm bảo tính kịp thời, vừa mang tính chủ động trong hoạt động điều tra.

Nơi xảy ra tội phạm là nơi có điều kiện phát hiện, thu thập các tài liệu chứng cứ có liên quan đến tội phạm. Trường hợp không xác định được nơi xảy ra tội phạm thì có thể căn cứ vào nơi phát hiện tội phạm, nơi bị can cư trú hoặc bị bắt. Nơi phát hiện tội phạm còn có thể là nơi có tài liệu chứng cứ liên quan đến tội phạm, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra. Thông qua công tác khám nghiệm hiện trường (nơi xảy ra tội phạm, nơi phát hiện tội phạm) mà cơ quan điều tra có thể thu thập được ngay các dấu vết của tội phạm để lại tại hiện trường của vụ án từ đó có thể tìm ra đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

Việc phân định thẩm quyền điều tra theo lãnh thổ đảm bảo tính kịp thời, tránh được sự chông chéo và đùn đẩy trách nhiệm cho nhau khi thực hiện nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động điều tra.

1.3.4.3. Thẩm quyền điều tra theo đối tượng

Thẩm quyền điều tra theo đối tượng là sự phân định thẩm quyền điều tra giữa CQĐT trong CAND với CQĐT trong Quân đội nhân dân và CQĐT Viện kiểm sát.

Theo căn cứ này thì thẩm quyền điều tra được xác định như sau: CQĐT trong Quân đội nhân dân điều tra những tội phạm mà người thực hiện hành vi phạm tội là những người do quân đội quản lý, hoặc những người không do

quân đội quản lý nhưng phạm tội liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho quân đội.

Cơ quan điều tra thuộc VKSND điều tra các vụ án hình sự về một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân. CQĐT Viện kiểm sát quân sự trung ương điều tra các vụ án hình sự về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TA quân sự.

Cơ quan điều tra trong CAND (trong đó có Cơ quan CSĐT) có thẩm quyền điều tra tất cả những tội phạm, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT trong Quân đội nhân dân và Viện kiểm sát.

Mặc dù, đã có sự phân định chặt chẽ về thẩm quyền điều tra, nhưng trong trường hợp việc điều tra chưa rõ thẩm quyền thì để kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội CQĐT nào phát hiện trước phải tiến hành ngay các hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật.

Khi xác định vụ án không thuộc thẩm quyền điều tra của mình, CQĐT phải đề nghị VKSND cùng cấp ra quyết định chuyển vụ án cho CQĐT có thẩm quyền để tiếp tục điều tra. Trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của CQĐT, VKS cùng cấp có trách nhiệm ra quyết định chuyển vụ án. Nếu vụ án phải chuyển cho CQĐT nằm ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc ngoài phạm vi quân khu thì do VKSND cấp tỉnh, VKS quân sự cấp quân khu quyết định.

Trong trường hợp có sự tranh chấp về thẩm quyền điều tra thì được giải quyết như sau:

- Nếu có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các CQĐT thì Viện trưởng VKSND cùng cấp nơi tội phạm xảy ra hoặc nơi phát hiện tội phạm quyết định.

- Nếu có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa CQĐT VKSND tối cao với CQĐT khác thì việc giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền Viện trưởng VKSND tối cao.

- Nếu có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển thì Viện trưởng VKS có thẩm quyền nơi xảy ra vụ án quyết định.

- Trong trường hợp cần thiết, CQĐT có thẩm quyền có quyền yêu cầu cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển ngay hồ sơ vụ án để trực tiếp điều tra. Các yêu cầu của CQĐT có giá trị bắt buộc thi hành đối với cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra.

- Khi có tranh chấp về thẩm quyền điều tra giữa các đơn vị trong Cơ quan CSĐT thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT quyết định giao vụ án đó cho đơn vị nào điều tra.

1.4. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Là một trong hai CQĐT của ngành CA nên lịch sử hình thành và phát triển Cơ quan CSĐT quan hệ mật thiết với lịch sử của CQĐT trong CAND. Mặt khác, khi nói đến quá trình hình thành và phát triển của Cơ quan CSĐT thì không thể không nói đến những đơn vị tiền thân của ngành điều tra, góp phần quan trọng vào công tác giữ gìn an ninh trật tự nói chung của ngành Công an.

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, nhiệm vụ giữ vững chính quyền non trẻ, đập tan bộ máy đàn áp của chế độ cũ và hoạt động phá hoại của bọn đế quốc, phản động, giữ gìn an ninh trật tự đất nước được coi là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của ngành CA. Trong thời kì này, do yêu cầu của cách mạng, mặc dù chức năng cụ thể chưa được phân định rõ, nhưng hoạt động điều tra đã bắt đầu được sơ khởi hình thành. Điều này được chứng minh bằng nội dung Sắc lệnh số 33A do Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà (Hồ Chí Minh) ký về thể lệ cho Ty Liêm phóng và Sở Cảnh sát

khi bắt người: “*Khi Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát bắt một người nào thì trong 24 giờ phải lập biên bản để thả ngay, hoặc đưa sang Toà án quân sự, hoặc đưa sang Ông Biện lý Toà án tư pháp*” [24].

Để tăng cường đấu tranh chống bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ chính quyền, bảo vệ được quyền tự do cá nhân nên Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 40/SL ngày 29/3/1946, *Tổ chức Tư pháp Công an* được thành lập theo Sắc lệnh số 131/SL ngày 20/7/1946 của Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Trong Sắc lệnh ghi rõ nhiệm vụ của tổ chức Tư pháp CA truy tầm tất cả các vụ phạm pháp (đại hình, tiểu hình hoặc vi cảnh), sưu tập các tang chứng, bắt giao người phạm pháp cho các Toà án xét xử trong phạm vi pháp luật ấn định. Như vậy, dựa vào Sắc lệnh số 131/SL ngày 20/7/1946 về Tổ chức Tư pháp CA thì đây là tổ chức CQĐT đầu tiên trong lực lượng CA thực hiện nhiệm vụ điều tra theo pháp luật TTHS quy định.

Tháng 8/1951, Hội nghị CA toàn quốc lần thứ 6 đã bàn và quán triệt thực hiện Chỉ thị số 05/CT ngày 12/5/1951 của Ban Bí thư “*Về nhiệm vụ và tổ chức của Công an*”, trong đó đã bàn và quyết định thành lập Phòng Chấp pháp trực thuộc Ty Bảo vệ chính trị trong Nha CA trung ương. Phòng chấp pháp có nhiệm vụ bắt hỏi cung các vụ do thám, phản động quan trọng ở trung ương hay ở địa phương. Tại các tỉnh thì thành lập Tiểu ban chấp pháp trực thuộc Ban bảo vệ chính trị. Như vậy, Phòng Chấp pháp thuộc Ty Bảo vệ chính trị, một mặt thay thế tổ chức Tư pháp CA; mặt khác, không chỉ làm nhiệm vụ điều tra tố tụng, mà còn thực hiện nhiệm vụ điều tra trinh sát. Thực hiện cùng một lúc hai hình thức điều tra (điều tra tố tụng và điều tra trinh sát) có những thuận lợi nhất định như hỗ trợ kịp thời cho nhau trong điều tra tội phạm, tạo điều kiện mở rộng án, truy bắt kịp thời người phạm tội. Tuy nhiên, trong công tác Chấp pháp cũng mắc những khuyết điểm trong việc bắt, tạm giam, tạm giữ người. Để khắc phục những thiếu sót mà Hội nghị CA Toàn quốc lần thứ VII đã rút ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 141/SL

ngày 16/2/1953 về đổi Nha CA Trung ương thành Thứ Bộ Công an. Tách Phòng Chấp pháp trực thuộc Thứ Bộ Công an. Tại CA Liên khu có Phòng Chấp pháp. Lực lượng làm công tác chấp pháp từ trung ương đến địa phương có hai nhiệm vụ cơ bản:

- *Thứ nhất*, điều tra, lập hồ sơ, đề nghị truy tố vụ phạm tội phản cách mạng và tội hình sự khác.

- *Thứ hai*, quản trị các trại giam (lao cải).

Cũng trong năm 1953 Hội đồng Chính phủ đã quyết định đổi Thứ Bộ Công an thành Bộ Công an.

Sau khi giải phóng miền Bắc (1954) công tác cải tạo nguy quân, nguy quyền và các phần tử phản cách mạng hết sức quan trọng và cấp bách. Công tác quản lý giáo dục cải tạo các đối tượng nói trên cần phải được mở rộng. Vì vậy, ngày 17/2/1955, BCA quyết định tách Vụ Chấp pháp thành hai bộ phận: Phòng Chấp pháp thuộc Vụ Chấp pháp trở thành Phòng Chấp pháp của Vụ Bảo vệ chính trị. Phòng Quản lý trại giam của Vụ Chấp pháp thành Vụ Lao cải. Tháng 4/1957, do yêu cầu của cuộc đấu tranh chống tội phạm, cần thiết phải tách hẳn Phòng Chấp pháp thực hiện nhiệm vụ điều tra tố tụng khỏi Vụ Bảo vệ chính trị chuyên làm công tác điều tra trinh sát để tránh những sai lầm có thể xảy ra, BCA đã quyết định đưa Phòng Chấp pháp tách khỏi Vụ Bảo vệ chính trị, trực thuộc Bộ. Tại các Khu thành lập Phòng Chấp pháp và Ban Chấp pháp trực thuộc Ban Giám đốc CA khu. Việc tách Phòng Chấp pháp khỏi bộ phận Bảo vệ Chính trị đã tạo điều kiện cho Bộ chỉ đạo việc tuân theo pháp luật trong công tác bắt, tạm giam, tạm giữ, xử lý người phạm tội.

Sau 2 năm thực hiện nhiệm vụ điều tra tố tụng đối với các vụ án phản cách mạng và tội phạm hình sự khác, nếu cứ để đơn vị Phòng Chấp pháp thì không thể đáp ứng được nhiệm vụ được giao và không phù hợp với tổ chức BCA. Ngày 28/8/1959, trong công văn số 806 của BCA gửi các ban ngành, các địa phương thông báo kể từ ngày 01/9/1959, Phòng Chấp pháp trực thuộc

BCA đổi thành Vụ Chấp pháp và lấy bí danh là Vụ 4. Kể từ năm 1959 trở đi, lực lượng Chấp pháp thực hiện độc lập công tác điều tra công khai theo pháp luật TTHS đối với những vụ án phản cách mạng và các vụ án hình sự khác. Để có thể đưa người phạm tội ra xét xử, BCA đã ra Chỉ thị số 508/V4 quy định: “Các vụ cục, ban, phòng làm công tác trinh sát ở Bộ, Khu, Sở, Ty trước khi phá án hoặc bắt tội phạm đều phải thảo luận với Chấp pháp cùng cấp về chủ trương, thủ tục và kế hoạch bắt. Khi đã có quyết định bắt giam can phạm, lệnh khám xét, việc lập quyết nghị, tiến hành hỏi cung, lập hồ sơ, lập quyết nghị khởi tố vụ án, đề nghị xử lý vụ án đều do chấp pháp chịu trách nhiệm”. Như vậy, chức năng điều tra tố tụng của cơ quan Chấp pháp rất rõ ràng trong giải quyết vụ án hình sự. Đến năm 1961, theo Nghị định số 132/CP của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ của BCA, Vụ Chấp pháp đổi tên thành Cục Chấp pháp vẫn với chức năng chỉ đạo công tác bắt, giữ, xét hỏi, lập hồ sơ đề nghị xử lý, khám người, nhà ở, đồ vật, thư tín của những người phạm pháp và những người có liên quan.

Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam theo quyết định của Chính phủ Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, BCA đổi tên thành Bộ Nội vụ để thực hiện nhiệm vụ mới trong phạm vi toàn quốc. Ngày 12/6/1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Nghị định số 250/CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Nội vụ. Nghị định đã quyết định bỏ tên Cục Chấp pháp ở Bộ, Phòng Chấp pháp ở địa phương và thành lập hai lực lượng điều tra mới: Cục An ninh điều tra xét hỏi, Cục CSĐT xét hỏi (cấp Bộ) và Phòng An ninh điều tra xét hỏi, Phòng CSĐT xét hỏi (cấp tỉnh). Cấp huyện có đội CSĐT xét hỏi. Như vậy, đây là điểm mốc thời gian đánh dấu sự hình thành hai lực lượng điều tra riêng trong CAND, đó là lực lượng An ninh điều tra (lực lượng tiền thân của Cơ quan An ninh điều tra) và lực lượng CSĐT (lực lượng tiền thân của Cơ quan Cảnh sát điều tra).

Trên cơ sở Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng và tổ chức bộ máy điều tra của Bộ Nội vụ, Bộ luật TTHS được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/6/1988 và có hiệu lực từ ngày 1/1/1989 đã quy định: CQĐT là một trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 1989, cụ thể hoá Điều 27 Bộ luật TTHS, đã quy định CQĐT của Bộ Nội vụ bao gồm: Các CQĐT của lực lượng CSND; các CQĐT của lực lượng An ninh nhân dân.

Để phù hợp với yêu cầu bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, theo Nghị định số 37/1998/NĐ-CP ngày 9/6/1998 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy BCA, Bộ Nội vụ được đổi tên thành BCA và có một trong những nhiệm vụ quan trọng: *“Tổ chức, chỉ đạo và tiến hành các hoạt động điều tra, điều tra theo TTHS và thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật”*, mô hình tổ chức và bộ máy điều tra các cấp của lực lượng CSND, lực lượng ANND không thay đổi và đã phát huy hiệu quả trong điều tra, khám phá tội phạm.

Sau một thời gian thi hành thì Bộ luật TTHS năm 1988 và pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 1989 đã bộc lộ nhiều bất cập, không phù hợp với thực tiễn. Do đó, ngày 26/11/2003 tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật TTHS mới. Tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật TTHS quy định CQĐT là một trong các cơ quan tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, tại Khoản 5 Điều 110 Bộ luật TTHS quy định *“Tổ chức bộ máy, thẩm quyền cụ thể của các CQĐT do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định”*. Chính vì vậy, ngày 20/8/2004 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh tổ chức ĐTHS hướng dẫn một số điều của Bộ luật TTHS. Theo đó, tại Mục A, Chương II Pháp lệnh tổ chức ĐTHS về tổ chức và thẩm quyền điều tra của CQĐT trong CAND quy định CQĐT trong CAND bao gồm: Cơ quan CSĐT và Cơ quan An ninh điều tra.

Như vậy, trải qua quá trình hình thành và phát triển, Cơ quan CSĐT trong CAND, từ thời kỳ ban đầu là tổ chức Tư pháp CA đến nay trở thành một trong những lực lượng quan trọng trong hệ thống các CQĐT và là một mắt xích của các cơ quan tư pháp, thực hiện điều tra tố tụng những vụ án hình sự theo thẩm quyền được giao.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

1. Cơ quan CSĐT không chỉ là một trong những CQĐT được quy định trong pháp luật TTHS mà còn là một cơ quan nằm trong lực lượng CAND. Vị trí đó cho thấy, Cơ quan CSĐT có vai trò rất quan trọng trong công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung và công tác điều tra, xử lý tội phạm nói riêng.

2. Chức năng của Cơ quan CSĐT cũng là một nội dung quan trọng đã được làm rõ trong chương này. Để xác định chức năng của Cơ quan CSĐT, nghiên cứu sinh đã dựa vào những cơ sở nhất định về nhiệm vụ của giai đoạn điều tra, vị trí và tổ chức hoạt động của Cơ quan CSĐT. Từ đó, có thể xác định chức năng của Cơ quan CSĐT là tiến hành các hoạt động điều tra để làm rõ tội phạm theo thẩm quyền được giao.

3. Cơ quan CSĐT có 3 nhiệm vụ chính là: điều tra các tội phạm theo thẩm quyền, lập hồ sơ đề nghị truy tố và xác định các nguyên nhân, điều kiện phạm tội để kiến nghị các biện pháp khắc phục, ngăn ngừa.

4. Cơ quan CSĐT hoạt động trên cơ sở những nguyên tắc đã được quy định trong Bộ luật TTHS và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS. Việc quán triệt các nguyên tắc hoạt động của Cơ quan CSĐT sẽ giúp cho Cơ quan CSĐT thực hiện đúng chức năng, hoàn thành nhiệm vụ của mình theo thẩm quyền được giao.

5. Quan hệ giữa Cơ quan CSĐT và các chủ thể khác có liên quan như VKS, TA và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra là mối quan hệ phối hợp và chế ước. Luận án làm sáng tỏ hơn về vị trí của Cơ quan CSĐT cũng như nội dung, đặc điểm mối quan hệ công tác giữa Cơ quan CSĐT và VKS, TA... để hoàn thành nhiệm vụ chung là phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự cho xã hội. Luận án cũng đã làm rõ

quy định của pháp luật về phân định thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

6. Qua nghiên cứu sơ lược quá trình hình thành và phát triển của Cơ quan CSĐT từ khi còn là một tổ chức tiền thân như *Tổ chức Tư pháp CA* được thành lập ngày 20/7/1946 theo sắc lệnh số 131/SL đến nay cho thấy một hệ thống Cơ quan CSĐT được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Điều đó chứng tỏ, Cơ quan CSĐT đã có một bề dày lịch sử phát triển gắn liền với những thành tích to lớn trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chính quyền thời chiến tranh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong thời đại ngày nay.

Chương 2

PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

2.1. Pháp luật tổ tụng hình sự về Cơ quan Cảnh sát điều tra

2.1.1. Quy định của pháp luật tổ tụng hình sự về tổ chức bộ máy Cơ quan Cảnh sát điều tra

Bộ luật TTHS quy định: “Tổ chức bộ máy, thẩm quyền cụ thể của các CQĐT do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định” [74, tr.87(Điều 110)]. Để cụ thể hóa quy định trên, điểm a, khoản 1 Điều 1 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: Trong CA nhân dân có các CQĐT sau đây:

- Cơ quan CSĐT Bộ Công an; Cơ quan CSĐT CA tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh); Cơ quan CSĐT CA huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Cơ quan CSĐT CA cấp huyện);

- Cơ quan An ninh điều tra BCA; Cơ quan An ninh điều tra CA tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cơ quan An ninh điều tra CA cấp tỉnh).

Như vậy, Cơ quan CSĐT gồm có: Cơ quan CSĐT Bộ Công an; Cơ quan CSĐT Công an tỉnh; Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện.

2.1.1.1. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

Pháp lệnh tổ chức ĐTHS (Điều 9) quy định tổ chức của Cơ quan CSĐT Bộ Công an bao gồm: Cục CSĐT tội phạm về trật tự xã hội, Cục CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Cục CSĐT tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan CSĐT. Như vậy, tại thời điểm năm 2004 thì Cơ cấu tổ chức của Cơ quan CSĐT BCA gồm có 4 lực lượng. Tuy nhiên, do xuất phát của tình hình thực tiễn xét thấy cần thiết phải thành lập một lực lượng CSĐT

riêng đối với các tội phạm về tham nhũng nên ngày 15/12/2006 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 9 của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS. Theo đó khoản 1 Điều 9 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS được sửa đổi như sau: Tổ chức của Cơ quan CSĐT BCA gồm có Cục CSĐT tội phạm về TTXH, Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng, Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV, Cục CSĐT tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra. [58].

Để thực hiện theo quy định của Pháp lệnh sửa đổi Điều 9 của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS, ngày 4/2/2010 BCA đã ban hành Quyết định số 447/QĐ-BCA quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng. Như vậy, theo quy định của pháp luật TTTHS hiện hành thì tổ chức của Cơ quan CSĐT BCA gồm các lực lượng sau: Cục CSĐT tội phạm về TTXH; Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng; Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV; Cục CSĐT tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về trật tự xã hội.

Theo Điều 3 Quyết định số 444/QĐ-BCA của BCA ngày 4/2/2010 quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về TTXH thì Cục CSĐT tội phạm về TTXH do Cục trưởng chỉ huy, có 04 đến 05 Phó Cục trưởng. Bên cạnh đó, Cục CSĐT tội phạm về TTXH bao gồm 09 phòng nghiệp vụ, mỗi phòng do Trưởng phòng chỉ huy, có từ 03 đến 04 Phó Trưởng phòng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các phòng do Cục trưởng Cục CSĐT tội phạm về TTXH đề xuất, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm quyết định sau khi trao đổi với Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân [15].

- Tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng

Điều 3 Quyết định số 447/QĐ-BCA của BCA ngày 4/2/2010 quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về

tham những quy định: Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng do Cục trưởng chỉ huy, có 04 đến 05 Phó Cục trưởng. Cơ cấu tổ chức gồm 8 phòng nghiệp vụ, mỗi phòng do Trưởng phòng chỉ huy, có từ 03 đến 04 Phó Trưởng phòng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các phòng do Cục trưởng Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng đề xuất, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm quyết định sau khi trao đổi với Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân [18].

- Tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV cũng được quy định tại Quyết định số 445/QĐ-BCA ngày 4/2/2010. Theo đó Điều 3 (tổ chức bộ máy) của Quyết định 445/QĐ-BCA quy định: Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV do Cục trưởng chỉ huy, có 04 đến 05 Phó Cục trưởng. Bộ máy Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV gồm có 11 phòng nghiệp vụ, mỗi phòng do Trưởng phòng chỉ huy, có từ 03 đến 04 Phó Trưởng phòng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các phòng do Cục trưởng Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV đề xuất, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm quyết định sau khi trao đổi, thống nhất với Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về ma túy

Theo Điều 3 Quyết định số 446/QĐ-BCA của BCA ngày 4/2/2010 quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục CSĐT tội phạm về ma túy thì Cục CSĐT tội phạm về ma túy do Cục trưởng chỉ huy, có 04 đến 05 Phó Cục trưởng. Bộ máy tổ chức của Cục CSĐT tội phạm về ma túy bao gồm 7 phòng nghiệp vụ, mỗi phòng do Trưởng phòng chỉ huy, có từ 03 đến 04 Phó Trưởng phòng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Phòng thuộc Cục CSĐT tội phạm về ma túy do Cục trưởng Cục CSĐT tội phạm về ma túy đề xuất, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát

phòng, chống tội phạm quyết định sau khi trao đổi với Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

- Tổ chức bộ máy của Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an

Tổ chức bộ máy của Văn phòng cơ quan CSĐT được quy định tại Quyết định số 451/2010/QĐ – BCA ngày 04/2/2010 do Bộ trưởng BCA ban hành. Theo đó, Văn phòng Cơ quan CSĐT BCA do Chánh Văn phòng (Cục trưởng) phụ trách, có 03 Phó Chánh Văn phòng (Phó Cục trưởng). Tổ chức bộ máy của Văn phòng Cơ quan CSĐT BCA gồm có 6 phòng nghiệp vụ và 02 trại tạm giam. Mỗi phòng, Trại tạm giam do Trưởng phòng, Giám thị phụ trách và có 03 Phó Trưởng phòng, Phó Giám thị giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các Phòng và Trại tạm giam do Chánh Văn phòng Cơ quan CSĐT BCA đề xuất, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm quyết định sau khi đã trao đổi, thống nhất với Tổng cục trưởng Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Như vậy, hiện nay tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT BCA chú trọng sự chuyên sâu trong phân công thẩm quyền điều tra các loại tội phạm. Đặc biệt, do tính chất nguy hiểm của tội phạm tham nhũng nên nhà nước ta đã thành lập lực lượng CSĐT tội phạm về tham nhũng.

2.1.1.2. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

Điều 9 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: “Tổ chức của Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh gồm có Phòng CSĐT tội phạm về TTXH, Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan CSĐT” [66]. Như vậy, so sánh với Cơ quan CSĐT Bộ Công an thì Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh không có lực lượng chuyên trách điều tra tội phạm về tham nhũng mà lực lượng này được cơ cấu thành một bộ phận nằm trong Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV. Sau đây chúng ta sẽ nghiên cứu cụ thể hơn về các lực lượng trong Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh.

- Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về trật tự xã hội.

Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về TTXH được quy định trong Quyết định số 10952/QĐ-X11 ngày 24/12/2010 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về TTXH thuộc CA cấp tỉnh (gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Theo đó, tại Điều 3 của quyết định 10952/QĐ-X11 thì Phòng CSĐT tội phạm về TTXH do Trưởng phòng chỉ huy, có từ 02 đến 03 Phó Trưởng phòng giúp việc. Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về TTXH gồm 05 đội nghiệp vụ. Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế một số địa phương có thể thành lập thêm một số đội nghiệp vụ, điển hình như trong quyết định 10952/QĐ-X11 quy định Phòng CSĐT tội phạm về TTXH Công an thành phố Hồ Chí Minh thành lập 09 đội nghiệp vụ, Phòng CSĐT tội phạm về TTXH Công an thành phố Hà Nội thành lập 12 đội nghiệp vụ.

Nhiệm vụ, tổ chức của các Đội do Trưởng phòng Phòng CSĐT tội phạm về TTXH phối hợp với Trưởng phòng Phòng tổ chức cán bộ đề xuất, Giám đốc CA cấp tỉnh quyết định.

- Tổ chức bộ máy của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về TTQLKT & CV.

Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV được quy định trong Quyết định số 10953/QĐ-X11 ngày 24/12/2010 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV (gồm tỉnh, TP trực thuộc Trung ương). Theo đó, tại Điều 3 của quyết định này thì Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV do Trưởng phòng chỉ huy, có từ 02 đến 03 Phó trưởng phòng giúp việc.

Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV cơ bản gồm 06 đội nghiệp vụ. Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế một số địa phương có thể thành lập thêm một số đội nghiệp vụ. Điển hình như Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV Công an TP. Hồ Chí Minh thành lập 10 đội nghiệp vụ, Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV Công an TP. Hà Nội thành lập 12 đội nghiệp vụ.

Điều cần lưu ý là do Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh không có Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng. Chính vì vậy, trong tổ chức của Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV có Đội điều tra tội phạm về tham nhũng điều tra chuyên trách về loại tội phạm này.

Ngoài ra, Điều 3 Quyết định số 10953/QĐ-X11 cũng quy định nhiệm vụ, tổ chức của các Đội do Trưởng phòng Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV phối hợp với Trưởng phòng Phòng tổ chức cán bộ đề xuất, Giám đốc CA cấp tỉnh quyết định.

- Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy

Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy được quy định trong Quyết định số 10954 /QĐ-X11 ngày 24/12/2010 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy (thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Theo đó tại Điều 3 của quyết định này thì Phòng CSĐT tội phạm về ma túy do Trưởng phòng chỉ huy, có từ 02 đến 03 Phó trưởng phòng giúp việc. Tổ chức bộ máy của Phòng CSĐT tội phạm về ma túy gồm 05 đội nghiệp vụ. Tuy nhiên, tùy theo tình hình thực tế một số địa phương có thể thành lập thêm hoặc bớt một số đội nghiệp vụ.

Nhiệm vụ, tổ chức của các Đội thuộc Phòng CSĐT tội phạm về ma túy do Trưởng phòng Phòng CSĐT tội phạm về ma túy phối hợp với Trưởng phòng Phòng tổ chức cán bộ đề xuất, Giám đốc CA cấp tỉnh quyết định.

- Tổ chức bộ máy của Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh

Theo Quyết định số 10951/QĐ-X11 ngày 24/12/2010 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Văn phòng Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh (gồm CA tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) thì Văn phòng Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh do Chánh Văn phòng (Trưởng phòng) phụ trách, có 02 đến 03 Phó Chánh Văn phòng (Phó Trưởng phòng) giúp việc. Tổ chức bộ máy gồm có 03 đội nghiệp vụ. Nhiệm vụ, tổ chức của các Đội do Chánh văn phòng Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh phối hợp với Trưởng phòng Phòng tổ

chức cán bộ đề xuất, Giám đốc CA tỉnh quyết định.

2.1.1.3. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện

Theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS (khoản 2 Điều 9) thì mô hình tổ chức của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện bao gồm: Đội CSĐT tội phạm về TTXH, Đội CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV, Đội CSĐT tội phạm về ma túy và bộ máy giúp việc Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm nói riêng và trật tự an toàn xã hội nói chung ở mỗi địa phương là rất khác nhau, có những huyện thuộc tỉnh hầu như một năm không xảy ra vụ phạm tội nào về kinh tế hay ma túy nhưng ở những trung tâm kinh tế như thành phố Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh thì các quận lại xảy ra rất nhiều tội phạm (cả hình sự, kinh tế và ma túy). Chính vì vậy, mô hình tổ chức của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện không thể giống nhau. Trên cơ sở đó căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Bộ trưởng BCA giao Giám đốc CA cấp tỉnh quyết định cụ thể số đội của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện trong địa phương mình phụ trách.

2.1.2. Quy định của pháp luật về thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Thẩm quyền điều tra của các CQĐT được quy định tại Điều 110 Bộ luật TTHS 2004. Theo nội dung quy định trong điều luật này, CQĐT được tổ chức trong CAND, trong Quân đội nhân dân và ở VKSND tối cao. Theo đó, thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT được xác định tùy thuộc vào từng cấp.

2.1.2.1. Thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

- *Về phân cấp:* Bộ luật TTHS quy định: Cơ quan điều tra cấp huyện điều tra những vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện [73, tr.87]. Mặt khác, Điều 170 Bộ luật TTHS quy định về thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện như sau: Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về những tội

phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm sau đây:

- + Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- + Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;
- + Các tội quy định tại các điều 93, 95, 96, 172, 216, 217, 218, 219, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 263, 293, 294, 295, 296, 322 và 323 của Bộ luật hình sự [73].

Trên cơ sở quy định của Bộ luật TTHS về thẩm quyền như trên có thể xác định phân cấp thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện như sau: *Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện điều tra những tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các chương từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự, trừ những tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân và CQĐT Viện kiểm sát nhân dân tối cao.*

Như vậy, Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện điều tra các tội phạm quy định tại: Chương XII (Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người), Chương XIII (Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân), Chương XIV (Các tội xâm phạm sở hữu), Chương XV (Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình), Chương XVI (Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế), Chương XVII (Các tội phạm về môi trường), Chương XVIII (Các tội xâm phạm về ma túy), Chương XIX (Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng), Chương XX (Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính), Chương XXI (Các tội phạm về chức vụ), Chương XXII (Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp) khi các tội phạm đó không phải là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng (không thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện).

Tuy nhiên, Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện không tiến hành điều tra tất cả các tội phạm thuộc các chương trên vì theo quy định của Bộ luật TTHS nếu các tội phạm thuộc các chương trên mà thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT thuộc VKSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra thì Cơ quan CSĐT

không được tiến hành điều tra.

Để làm rõ quy định này, tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 18 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định về thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra và CQĐT Viện kiểm sát nhân dân tối cao như sau:

+ Do tính chất của các tội phạm liên quan đến lĩnh vực an ninh quốc gia nên pháp luật TTHS giao Cơ quan An ninh điều tra CA cấp tỉnh điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại: Chương XI (Các tội xâm phạm an ninh quốc gia), Chương XXIV (Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh), Điều 180 (Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả), Điều 181 (Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác), Điều 221 (Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy), Điều 222 (Tội điều khiển tàu bay vi phạm các quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Điều 223 (Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm các quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Điều 230 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự), Điều 230a (Tội khủng bố), Điều 230b (Tội tài trợ khủng bố), Điều 231 (tội phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), Điều 232 (Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ), Điều 236 (Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ), Điều 263 (Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước), Điều 264 (Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước, tội làm mất tài liệu bí mật nhà nước), Điều 274 (Tội xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; tội ở lại Việt Nam trái phép), Điều 275 (Tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép), khi các tội phạm trên thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh.

+ Cơ quan điều tra VKSND tối cao điều tra các vụ án hình sự về một số

loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân.

- *Về phân công*: Xuất phát từ tổ chức của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện, để phân định rõ thẩm quyền điều tra của các lực lượng trong Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện, ngày 07 tháng 7 năm 2014 BCA đã ban hành Thông tư 28/2014/TT-BCA quy định về công tác điều tra hình sự trong CAND. Theo đó, thẩm quyền điều tra của các hệ lực lượng điều tra trong Cơ quan CSĐT CA cấp huyện được phân công như sau:

+ *Đội CSĐT tội phạm về TTXH*: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại các Chương XII (Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người), Chương XIII (Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân), Chương XIV (Các tội xâm phạm sở hữu), Chương XV (Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình), Chương XIX (Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng), Chương XX (Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính), Chương XXII (Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp) của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT VKSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân, đội CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV Công an cấp huyện).

+ *Đội CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV*: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại các Chương: XVI (Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế), XXI (Các tội phạm về chức vụ), các điều 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145 Chương XIV (trong trường hợp đối tượng phạm tội lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lợi

dụng việc ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện.

+ Đội CSĐT tội phạm về ma túy: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XVIII (các tội phạm về ma túy) của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp huyện.

+ Đội điều tra tổng hợp: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện (trừ các tội phạm về ma túy) do tự phát hiện và do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện.

2.1.2.2. Thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh

- *Về phân cấp:* Bộ luật TTHS quy định về thẩm quyền điều tra của CQĐT CA cấp tỉnh như sau: CQĐT cấp tỉnh điều tra những vụ án hình sự về những tội phạm thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh hoặc những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT cấp dưới nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra [74].

Để cụ thể hóa quy định trên của Bộ luật TTHS, tại khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh hoặc các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

Quy định trên cho thấy Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra các tội phạm giống như thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện nhưng có điểm khác là các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh và được phép điều tra cả những tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

- *Về phân công:* Để phân định rõ thẩm quyền điều tra của các lực lượng

trong Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh, Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Công an quy định về công tác điều tra hình sự trong CAND đã phân định thẩm quyền điều tra của các hệ lực lượng điều tra trong Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh như sau:

+ Phòng CSĐT tội phạm về TTXH: Tiến hành điều tra các vụ trọng án; các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại các Chương: XII, XIII, XIV, XV, XIX, XX, XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT của VKSND tối cao, Cơ quan An ninh điều tra trong CAND, phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV); các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT CA cấp huyện (đội CSĐT tội phạm về TTXH) nhưng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra.

+ Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự chưa rõ đối tượng phạm tội và các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội do tự phát hiện về các tội phạm quy định tại Chương XVI, Chương XXI, các điều 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145 Chương XIV (trong trường hợp đối tượng phạm tội lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp lợi dụng việc ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh; các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện (đội CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV) nhưng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra.

+ Phòng CSĐT tội phạm về ma túy: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XVIII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh; các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện (đội CSĐT

tội phạm về ma túy) nhưng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra.

Ngoài ra, thông tư 28/2014/TT-BCA cũng quy định về quyền hạn của Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh, trong đó có một quyền hạn là: “Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh do tự phát hiện và do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh (trừ các tội phạm về ma túy và các vụ trọng án); các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện (đội Điều tra tổng hợp) nhưng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh xét thấy cần trực tiếp điều tra”. Như vậy, Văn phòng Cơ quan CSĐT cũng là lực lượng có thẩm quyền điều tra một số tội phạm.

2.1.2.3. Thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an

- *Về phân cấp:* Bộ luật TTHS (Khoản 4 Điều 110) quy định: Cơ quan điều tra cấp trung ương (cấp Bộ) điều tra những vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

Khoản 3 Điều 11 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: Cơ quan CSĐT Bộ Công an điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra.

Như vậy, Cơ quan CSĐT Bộ Công an được phân cấp điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh khi các vụ án hình sự đó về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp. Theo khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự thì “tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.”. Tuy nhiên, như thế nào là tội phạm “phức tạp” thì Bộ luật hình sự không quy định, giải thích.

- Về phân công: Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07 tháng 7 năm 2014 của BCA đã phân định rõ thẩm quyền điều tra của các hệ lực lượng điều tra trong Cơ quan CSĐT Bộ Công an như sau:

+ Cục CSĐT tội phạm về TTXH: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại các chương XII, XIII, XIV, XV, XIX, XX, XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Bộ Công an (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ) do trực tiếp phát hiện thông qua đấu tranh chuyên án hoặc trong các chuyên án của phòng CSĐT tội phạm về TTXH Công an cấp tỉnh chuyển lên do gặp khó khăn trong việc phá án.

+ Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại Chương XVI, Mục B Chương XXI, các điều 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145 Chương XIV (trong trường hợp đối tượng lợi dụng tư cách pháp nhân của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp đồng kinh tế để phạm tội) và Điều 251 Bộ luật hình sự năm 1999 thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Bộ Công an do trực tiếp phát hiện thông qua đấu tranh chuyên án hoặc trong các chuyên án của phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV Công an cấp tỉnh chuyển lên do gặp khó khăn trong việc phá án.

+ Cục CSĐT tội phạm về ma túy: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, những vụ án liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh quy định tại Chương XVIII Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Bộ Công an xét thấy cần trực tiếp điều tra.

+ Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh quy định tại mục A Chương XXI của

Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra và các tội phạm khác theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Bộ Công an.

+ Văn phòng Cơ quan CSĐT: Tiến hành điều tra các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội về những tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa phương hoặc có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh (trừ các tội phạm về ma túy) nhưng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Bộ Công an xét thấy cần trực tiếp điều tra; các vụ án hình sự đã rõ đối tượng phạm tội quy định tại Chương XVII, các điều 224, 225, 226, 226a, 226b, 244 của Bộ luật hình sự năm 1999 thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Bộ Công an do các cơ quan, đơn vị khác chuyển đến.

Như vậy, cũng giống như Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh, Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an cũng là lực lượng có thẩm quyền điều tra một số tội phạm khi được Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Bộ Công an giao.

2.1.3. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về người tiến hành tố tụng trong Cơ quan Cảnh sát điều tra

2.1.3.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

a. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra

Điều 34 Bộ luật TTHS quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT. Do đó, trên cơ sở quy định của điều luật này có thể xác định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT như sau:

- *Quy định của pháp luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.*

+ *Về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.*

Thủ trưởng cơ quan CSĐT là một chức danh tổ tụng. Theo nội dung quy định tại Điều 34 Bộ luật TTHS thì nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có 2 nhóm sau:

* Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu Cơ quan Cảnh sát điều tra:

Với tư cách là người đứng đầu Cơ quan CSĐT trong TTHS, theo khoản 1 Điều 34 Bộ luật TTHS thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

Thực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT: Với tư cách là người đứng đầu Cơ quan CSĐT, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT trực tiếp điều hành và chỉ đạo chung các hoạt động điều tra của các ĐTV trong Cơ quan CSĐT, đề ra yêu cầu điều tra để ĐTV thực hiện, xác định nội dung các hoạt động điều tra và trình tự giải quyết các nội dung đó. Phân công các lực lượng, phương tiện cũng như tính toán hợp lý các hoạt động điều tra nhằm hoàn thành nhiệm vụ của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV trong việc điều tra vụ án hình sự: Tùy tính chất nghiêm trọng và phức tạp của tội phạm, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có thể phân công vụ án cho một ĐTV hoặc một nhóm ĐTV tiến hành điều tra. Thông thường đối với những vụ án hình sự ít nghiêm trọng, đã rõ đối tượng và chứng cứ thì do một ĐTV tiến hành còn đối với những vụ án hình sự phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng, địa bàn, khối lượng công việc điều tra nhiều thì phải có một tổ ĐTV tiến hành điều tra và Thủ trưởng Cơ quan CSĐT sẽ phân công một ĐTV làm tổ trưởng.

Kiểm tra các hoạt động điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV: Với tư cách là người đứng đầu Cơ quan CSĐT và để hoàn thành nhiệm vụ được giao, đảm bảo cho các hoạt động điều tra khách quan, đúng pháp luật thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền kiểm tra các hoạt động điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV. Để thực hiện quyền hạn này Thủ

trưởng Cơ quan CSĐT có thể yêu cầu Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, ĐTV báo cáo toàn bộ nội dung, diễn biến cũng như những tình tiết khác của vụ án hoặc trực tiếp kiểm tra hồ sơ vụ án...

Quyết định thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV: Khi có căn cứ xác định các quyết định của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV là trái pháp luật thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định đó nhằm làm cho hoạt động điều tra đúng đắn, khách quan.

Quyết định thay đổi ĐTV: Trong những trường hợp do luật định Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền thay đổi ĐTV nhằm đảm bảo sự khách quan cho quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan CSĐT: Khiếu nại, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân. Đặc biệt trong lĩnh vực TTHS, lĩnh vực liên quan đến nhiều quyền và lợi ích của nhân dân thì quyền khiếu nại, tố cáo càng phải được coi trọng nhằm đảm bảo tính dân chủ, công khai cũng như yêu cầu các cơ quan, người tiến hành tố tụng phải thận trọng, khách quan. Chính vì vậy, Bộ luật TTHS 2003 quy định người có thẩm quyền cao nhất trong Cơ quan CSĐT là Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Theo quy định của Bộ luật TTHS, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các quyết định và hành vi tố tụng của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV không do VKS phê chuẩn trong thời hạn 7 ngày. Đối với các quyết định và hành vi tố tụng của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV bị tố cáo thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có nhiệm vụ giải quyết trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Nếu phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 90 ngày.

* Nhóm nhiệm vụ, quyền hạn của người trực tiếp điều tra vụ án:

Theo khoản 2 Điều 34 Bộ luật TTHS năm 2003, khi trực tiếp thực hiện việc điều tra vụ án hình sự, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định không khởi tố vụ án; quyết định nhập hoặc tách vụ án: Quyết định khởi tố, không khởi tố vụ án là một hành vi tố tụng. Khi có căn cứ theo luật định thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra các quyết định này. Khởi tố bị can được thực hiện khi có đủ căn cứ để xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố bị can phải chấp hành theo quy định tại điều 108 Bộ luật tố tụng hình sự.

Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra quyết định nhập vụ án trong trường hợp một bị can phạm nhiều tội, nhiều bị can cùng tham gia một tội phạm hoặc cùng với bị can còn có những người khác che giấu tội phạm hoặc không tố giác tội phạm. Ngoài ra, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra quyết định tách vụ án hình sự trong trường hợp cần thiết khi không thể hoàn thành sớm việc điều tra đối với tất cả các tội phạm và nếu việc tách không ảnh hưởng gì đến sự thật, khách quan và toàn diện của vụ án [74, Điều 117].

Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn: Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, nếu xét thấy cần thiết và có căn cứ theo quy định thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn như: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm hoặc thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn kể trên [74, Điều 79, Điều 94].

Quyết định truy nã bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, xử lý vật chứng: Quyết định truy nã bị can được Thủ trưởng Cơ quan CSĐT thực hiện khi bị can bỏ trốn hoặc không biết bị can đang ở đâu. Việc ra quyết định truy nã bị can phải chấp hành quy định tại Điều 61 Bộ luật tố tụng hình sự.

Khám xét là một biện pháp điều tra, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền thực hiện biện pháp này khi có căn cứ nhận định trong người, chỗ ở,

chỗ làm việc, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài sản khác có liên quan đến vụ án. Việc khám xét phải tuân thủ quy định tại Điều 140, Điều 141, Điều 142 và Điều 143 Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc thu giữ vật chứng được thực hiện theo quy định của Điều 144 Bộ luật TTHS, khi có căn cứ cho rằng thư tín, điện tín, bưu phẩm, bưu kiện tại bưu điện có liên quan đến vụ án hình sự.

Ngoài ra, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền tạm giữ, kê biên tài sản và xử lý vật chứng. Việc thực hiện các quyền này phải tuân thủ quy định tại các Điều 145, 146 và 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quyết định trung cầu giám định, quyết định khai quật tử thi: Quyết định trung cầu giám định là việc quyết định trung cầu việc sử dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn để kết luận những vấn đề thực tiễn liên quan đến vụ án theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Trong những trường hợp cần thiết hoặc bắt buộc theo quy định của pháp luật TTHS thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra quyết định trung cầu giám định.

Ngoài ra, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT cũng có quyền quyết định khai quật tử thi để khám nghiệm hoặc giám định trong trường hợp cần thiết phải phát hiện dấu vết trên thân thể người chết, giám định lại nguyên nhân chết người, tính chất thương tích của người chết đã được mai táng.

Kết luận điều tra vụ án: Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra bản kết luận điều tra vụ án khi kết thúc điều tra để đề nghị truy tố hoặc quyết định đình chỉ điều tra [74, Điều 162, Điều 163, Điều 164].

Quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra: Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra quyết định tạm đình chỉ điều tra và đình chỉ điều tra khi có những căn cứ theo luật định được quy định tại các Điều 160, Điều 164 Bộ luật TTHS.

Bên cạnh đó, nếu thời hạn điều tra chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm đã khởi tố và điều tra trong vụ án hình sự mà có lý do để hủy bỏ quyết định đình chỉ hoặc quyết định tạm đình chỉ thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có quyền ra quyết định phục hồi điều tra.

Trực tiếp tiến hành các biện pháp điều tra; cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; ra các quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Quyền trực tiếp tiến hành các biện pháp điều tra có nghĩa là Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có tất cả các quyền như Điều tra viên [74].

Thủ trưởng Cơ quan CSĐT còn có quyền cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa cho người bào chữa nhằm đảm bảo quyền bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can trong giai đoạn điều tra. Thủ trưởng Cơ quan CSĐT còn có quyền ra các quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan CSĐT theo quy định của pháp luật [74, Điều 60, Điều 106, Điều 118, Điều 127, Điều 159].

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT là một trong những chức danh tố tụng. Mọi quan hệ giữa Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT trong TTHS là mối quan hệ tố tụng. Chính vì vậy cơ chế hoạt động phải khác với cơ chế hoạt động quản lý hành chính nhà nước nên hoạt động điều tra không thực hiện chế độ ký thay mà thực hiện chế độ ủy nhiệm. Khi Thủ trưởng Cơ quan CSĐT vắng mặt thì một Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT được Thủ trưởng ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng. Việc ủy nhiệm này phải được thực hiện bằng văn bản và phải thông báo bằng văn bản cho các ngành liên quan biết việc ủy nhiệm đó. Khi đã được ủy nhiệm thì Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT được thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật TTHS.

Tương tự như Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, khi được phân công điều tra vụ án hình sự thì Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT cũng có những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều 34 Bộ luật TTHS.

- Quy định của pháp luật TTHS về trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Khoản 4 Điều 34 Bộ luật TTHS quy định về trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Theo đó, những quyết định, yêu cầu của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT trong khi tiến hành điều tra vụ án phải được các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân chấp hành. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phải chịu trách nhiệm về những hành vi và quyết định của mình.

b. Quy định của pháp luật TTHS về tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra

Bộ luật TTHS không quy định cụ thể về tiêu chuẩn, bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, vấn đề này được quy định trong Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự.

Tại Điều 35 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: “Những người là ĐTV cao cấp hoặc ĐTV trung cấp, có năng lực tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra thì có thể được bổ nhiệm làm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT”. Như vậy, Pháp lệnh ĐTHS chỉ quy định các điều kiện cơ bản của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT gồm 2 điều kiện:

- Là ĐTV cao cấp hoặc ĐTV trung cấp;
- Có năng lực tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra.

Để cụ thể hơn quy định trên, BCA đã ban hành Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 05/11/2004 quy định cụ thể về tiêu chuẩn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Theo đó, để được bổ nhiệm làm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT cần 3 điều kiện sau:

- Một là, đã được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo chỉ huy theo quy định;

Theo Thông tư 28/2014/TT-BCA của BCA thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT BCA là Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm, một Phó Tổng cục trưởng Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm là Phó Thủ trưởng thường trực Cơ quan CSĐT Bộ Công an. Các Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT còn lại là: Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm phụ trách Cơ quan đại diện Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm tại thành phố Hồ Chí Minh; Chánh Văn phòng và một Phó chánh văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an (phụ trách Cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh), Cục trưởng các Cục: CSĐT tội phạm về trật tự xã hội, CSĐT tội phạm về ma túy, CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV, CSĐT tội phạm về tham nhũng. Như vậy, để được bổ nhiệm Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Bộ Công an thì trước đó phải được bổ nhiệm chức vụ Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm, còn đối với Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Bộ Công an thì trước đó phải được bổ nhiệm chức vụ Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an (phụ trách Cơ quan đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh) hoặc Cục trưởng các Cục CSĐT thuộc Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm.

Đối với Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh là Phó Giám đốc CA tỉnh phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm. Phó Thủ trưởng thường trực Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh là Chánh văn phòng Cơ quan CSĐT. Các Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh còn lại là: một Phó Chánh văn phòng Cơ quan CSĐT; Trưởng phòng và một Phó Trưởng phòng phòng CSĐT tội phạm về trật tự xã hội (phụ trách tổ tụng). Riêng phòng CSĐT tội phạm về trật tự xã hội CA các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh bổ nhiệm Trưởng phòng và hai Phó Trưởng phòng (phụ trách tổ tụng và trọng án) là Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh; Trưởng phòng các phòng: CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV, CSĐT tội phạm về ma túy. Như vậy, để được bổ

nhiệm Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh thì trước đó phải được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc CA tỉnh và được giao phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm, còn đối với Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh thì trước đó phải được bổ nhiệm chức vụ Chánh văn phòng, Phó Chánh văn phòng Cơ quan CSĐT, Trưởng phòng các phòng CSĐT hoặc Phó Trưởng phòng phòng CSĐT tội phạm về TTXH.

Đối với Cơ quan CSĐT CA cấp huyện thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT là Trưởng CA huyện và Phó Trưởng CA huyện phụ trách hệ lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm là Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Đối với Cơ quan CSĐT CA các quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh hàng năm thụ lý điều tra trên 200 (hai trăm) vụ án thì có thể bố trí 02 (hai) Phó thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra. Như vậy, để được bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT CA cấp huyện thì trước đó phải được bổ nhiệm Trưởng hoặc Phó trưởng CA cấp huyện.

Như vậy theo Thông tư 28/2014/TT-BCA của BCA ngày 07 tháng 7 năm 2014 thì trong thời gian tới việc bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT các cấp phải điều chỉnh theo quy định của Thông tư này.

- *Hai là*, có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động điều tra;

Pháp luật không quy định như thế nào là người có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo nhưng có thể hiểu rằng người có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động điều tra là người có khả năng quản lý, điều hành Cơ quan CSĐT hoạt động một cách hiệu quả, đảm bảo cho các hoạt động điều tra được khách quan, đúng pháp luật góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Mặt khác, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phải là người có kinh nghiệm trong công tác điều tra, có khả năng điều tra các vụ án nghiêm trọng, phức tạp và chỉ dẫn, chỉ đạo công tác điều tra của ĐTV trong những trường hợp cần thiết.

- *Ba là*, đã được bổ nhiệm ĐTV cao cấp hoặc ĐTV trung cấp [18].

Tiêu chuẩn này bổ trợ cho tiêu chuẩn thứ hai vì nếu đã được bổ nhiệm ĐTV cao cấp hoặc ĐTV trung cấp thì rõ ràng Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT đã có kinh nghiệm trong công tác điều tra vụ án hình sự và như vậy họ thuận lợi hơn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động điều tra.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 05/11/2004 cũng quy định: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT được điều động làm công tác khác, được nghỉ hưu, chuyển ngành, xuất ngũ hoặc không còn đủ một trong các tiêu chuẩn bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT theo quy định thì đương nhiên được miễn nhiệm chức vụ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT hoặc cách chức chức vụ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

2.1.3.2. Quy định của pháp luật TTHS về Điều tra viên trong Cơ quan Cảnh sát điều tra

a. Quy định của pháp luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Điều tra viên

Điểm a khoản 2 Điều 33 Bộ luật TTHS quy định ĐTV là một trong những người tiến hành tố tụng. Chính vì vậy, có thể khẳng định chức danh ĐTV là chức danh tố tụng và Bộ luật TTHS đã quy định rõ ràng và cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên.

- Theo khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTHS thì khi được phân công điều tra vụ án hình sự ĐTV có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

Lập hồ sơ vụ án hình sự: ĐTV có quyền tập hợp những tài liệu, vật chứng nhằm phục vụ cho việc giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và lập hồ sơ vụ án hình sự, ĐTV không được tự ý thêm, bớt, sửa đổi, đánh tráo, hủy hoại hoặc bằng các thủ đoạn khác làm hư hỏng tài liệu, vật chứng của vụ án, làm cho hồ sơ bị sai lệch, không phù hợp với thực tế khách quan mà vụ án đó xảy ra.

Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Quyền triệu tập bị can và các đối tượng khác trong TTHS là một quyền mới của ĐTV trong Bộ luật TTHS vì theo Bộ luật TTHS năm 1988 thì ĐTV chỉ có quyền đề xuất đối tượng cần triệu tập và Thủ trưởng Cơ quan CSĐT sẽ quyết định và ký giấy triệu tập. Việc triệu tập phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định tại các điều luật tương ứng [74, tr.106,110,113].

Hỏi cung bị can là một biện pháp điều tra theo trình tự luật định đối với một người đã bị khởi tố về hình sự nhằm làm rõ sự thật về hành vi phạm tội của họ và những người đồng phạm khác. Việc hỏi cung bị can phải được tiến hành ngay sau khi có quyết định khởi tố bị can. [74,tr.108].

Ngoài ra, việc lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng là những biện pháp điều tra được quy định cụ thể tại Điều 135 Bộ luật TTHS 2003.

Quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng: Để khắc phục những hạn chế, bất cập trong Bộ luật TTHS năm 1988, Bộ luật TTHS hiện hành đã quy định rõ việc áp dụng các biện pháp áp giải bị can và dẫn giải người làm chứng thuộc quyền hạn của ĐTV, đồng thời bổ sung thêm những nội dung mới về trình tự, thủ tục tiến hành.

Quy định áp giải bị can, dẫn giải người làm chứng được quy định tại các Điều 130, Điều 134 Bộ luật TTHS.

Thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản: Việc bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản là các biện pháp ngăn chặn và cưỡng chế thuộc thẩm quyền áp dụng của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Tuy nhiên không thể phủ nhận vai trò của ĐTV trong việc thực hiện các biện pháp này. Trong giai đoạn điều tra vụ án, trên cơ sở nghiên cứu kỹ các tình tiết, diễn biến của vụ án cũng như các

chúng cứ thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật, nếu có đầy đủ căn cứ thì ĐTV có quyền đề xuất ý kiến đối với Thủ trưởng Cơ quan CSĐT quyết định áp dụng và có quyền tổ chức thi hành các lệnh, quyết định đó của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra: Việc tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra được thực hiện theo Điều 150, Điều 151, Điều 138, Điều 139, Điều 153 Bộ luật TTHS hiện hành.

Ngoài ra, ĐTV còn tiến hành các hoạt động điều tra khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan CSĐT theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Trách nhiệm của Điều tra viên: ĐTV phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng Cơ quan CSĐT về những hành vi và quyết định của mình.

Trong quá trình điều tra vụ án ĐTV có quyền đề nghị với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của họ. Trong trường hợp ĐTV không nhất trí với quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT thì có quyền đề nghị lên Thủ trưởng Cơ quan CSĐT cấp trên nhưng vẫn phải chấp hành. Trong trường hợp ở xa, ĐTV được kiến nghị bằng phương tiện vô tuyến điện. Thủ trưởng Cơ quan CSĐT cấp trên phải trả lời trong thời gian quy định. Quy định này một mặt nhằm phát huy tính độc lập, vai trò chủ động, tính sáng tạo của ĐTV và mặt khác cũng nhằm bảo đảm để Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm được giao.

b. Quy định của pháp luật TTHS về tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Điều tra viên

- Quy định của pháp luật TTHS về tiêu chuẩn Điều tra viên

Điều 29 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: ĐTV là người được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ điều tra vụ án hình sự. Để

thực hiện việc bổ nhiệm pháp luật cũng quy định rất chặt chẽ tiêu chuẩn khi bổ nhiệm một cán bộ làm ĐTV, cụ thể bao gồm:

+ Các tiêu chuẩn chung: Phải là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực; có trình độ đại học an ninh, đại học cảnh sát hoặc đại học luật; có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra; có thời gian làm công tác thực tiễn theo quy định (tùy theo từng chức danh ĐTV); có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có trình độ đại học các ngành khác có đủ các tiêu chuẩn nói trên và có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra thì cũng có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên.

+ Các tiêu chuẩn cụ thể: Căn cứ vào nội dung quy định tại khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS thì tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh ĐTV trong Cơ quan CSĐT như sau:

Tiêu chuẩn cụ thể của ĐTV sơ cấp: Đảm bảo các tiêu chuẩn chung theo quy định như đã đề cập ở trên; có thời gian làm công tác pháp luật từ bốn năm trở lên; là sỹ quan CA; có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng.

Tiêu chuẩn cụ thể của ĐTV trung cấp: Người có đủ tiêu chuẩn chung theo quy định như đã đề cập ở trên; đã là ĐTV sơ cấp ít nhất là năm năm; có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu chuẩn chung theo quy định, có thời gian làm công tác pháp luật từ chín năm trở lên, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp thì cũng có thể được bổ nhiệm làm ĐTV trung cấp;

Tiêu chuẩn cụ thể của ĐTV cao cấp: Người có đủ tiêu chuẩn chung theo

quy định như đã đề cập ở trên; đã là ĐTV trung cấp ít nhất là năm năm; có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm; có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp; có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp, ĐTV trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV cao cấp.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu chuẩn chung theo quy định và đã có thời gian làm công tác pháp luật từ mười bốn năm trở lên, có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp, ĐTV trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV cao cấp.

Trong trường hợp đặc biệt, người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại CQĐT, tuy chưa có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, chưa đủ thời gian quy định đối với ĐTV trung cấp, cao cấp nhưng có đủ các tiêu chuẩn chung đối với ĐTV, điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS thì cũng có thể được bổ nhiệm làm ĐTV trung cấp hoặc ĐTV cao cấp.

- Quy định của pháp luật TTHS về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Điều tra viên

+ Điều 31 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định về Hội đồng tuyển chọn ĐTV trong Công an nhân dân như sau:

Hội đồng tuyển chọn ĐTV cao cấp trong CAND và ĐTV trung cấp, ĐTV sơ cấp ở các CQĐT Bộ Công an gồm có: Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan CSĐT, Cơ quan An ninh điều tra, Cục tổ chức - cán bộ và Vụ pháp chế BCA là uỷ viên;

Hội đồng tuyển chọn ĐTV trung cấp, ĐTV sơ cấp ở các CQĐT CA cấp tỉnh và Cơ quan CSĐT CA cấp huyện gồm có Giám đốc CA cấp tỉnh làm Chủ

tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan CSĐT, Cơ quan An ninh điều tra, Phòng tổ chức - cán bộ và Văn phòng CA cấp tỉnh là uỷ viên;

Danh sách uỷ viên Hội đồng tuyển chọn ĐTV trong CAND do Bộ trưởng BCA quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn.

Theo quy định của Điều 32 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS thì Hội đồng tuyển chọn ĐTV có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Tuyển chọn người đủ tiêu chuẩn làm ĐTV theo đề nghị của cơ quan về công tác tổ chức - cán bộ để Chủ tịch Hội đồng đề nghị Bộ trưởng BCA bổ nhiệm;

Xem xét những trường hợp ĐTV có thể được miễn nhiệm hoặc có thể bị cách chức theo quy định tại Điều 34 của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS để Chủ tịch Hội đồng đề nghị Bộ trưởng BCA miễn nhiệm hoặc cách chức chức danh Điều tra viên.

+ Điều 34 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi giấy chứng nhận ĐTV trong CAND do Bộ trưởng BCA quyết định.

Điều tra viên đương nhiên được miễn nhiệm chức danh ĐTV khi nghỉ hưu, chuyển công tác khác. ĐTV cũng có thể được miễn nhiệm chức danh ĐTV vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác mà xét thấy không thể bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

ĐTV đương nhiên bị mất chức danh ĐTV khi bị kết tội bằng bản án của TA đã có hiệu lực pháp luật hoặc bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân.

Tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm, ĐTV có thể bị cách chức chức danh ĐTV khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Vi phạm trong công tác điều tra vụ án hình sự;

Vi phạm quy định tại Điều 33 của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS về những điều ĐTV không được làm bao gồm: Những việc mà pháp luật quy định cán bộ, công chức hoặc cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân không được

làm; tư vấn cho bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật; can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết các vụ án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ án; đem hồ sơ vụ án hoặc tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan, nếu không vì nhiệm vụ được giao hoặc không được sự đồng ý của người có thẩm quyền; tiếp bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong vụ án mà mình có thẩm quyền giải quyết ngoài nơi quy định.

Bị kỷ luật bằng hình thức cách chức chức vụ quản lý đang đảm nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

Vi phạm về phẩm chất đạo đức;

Có hành vi vi phạm pháp luật khác.

Như vậy, có thể thấy pháp luật TTHS quy định khá rõ về tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV. Tuy nhiên, một số quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm cũng như thành phần trong Hội đồng tuyển chọn ĐTV còn chưa phù hợp, cần thiết phải có sự nghiên cứu, đề xuất chỉnh sửa. Nội dung này sẽ được trình bày cụ thể trong phần 3.1.1 của luận án.

2.2. Thực trạng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

2.2.1. Về kết quả thực hiện công tác điều tra theo thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Để đánh giá kết quả thực hiện công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và công tác điều tra tội phạm nói riêng theo thẩm quyền được giao của Cơ quan CSĐT thì trước hết cần đánh giá tình hình tội phạm diễn ra trên toàn quốc.

Theo điều tra, khảo sát trong khoảng thời gian 9 năm, từ năm 2005 đến 2013 (ngay sau khi áp dụng Pháp lệnh tổ chức ĐTHS) trên toàn quốc đã xảy ra tổng cộng 583.641 vụ phạm tội [Phụ lục, bảng 1.1], cụ thể như sau:

- Án về hình sự: 464.127 vụ, chiếm 79,52%;
- Án về kinh tế: 9.852 vụ, chiếm 1,68%;
- Án về ma túy: 106.237 vụ, chiếm 18,20%.

Riêng đối với tội phạm về môi trường, tham nhũng: tính từ năm 2009 đến 2013 trên toàn quốc đã xảy ra 1.341 vụ phạm tội về môi trường; từ năm 2007 đến 2013 đã xảy ra 2.084 vụ phạm tội về tham nhũng (do các lực lượng đấu tranh với các tội phạm này được thành lập sau nên số liệu thống kê sau này mới tách ra)

Từ số liệu thống kê như trên có thể thấy, hằng năm số lượng tội phạm hình sự xảy ra là rất lớn và điều này đòi hỏi Cơ quan CSĐT với thẩm quyền được giao phải nỗ lực cao mới có thể tiếp nhận, điều tra, giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật các vụ án xảy ra.

Đối với công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố được thực hiện một cách nghiêm túc. Theo thống kê, từ năm 2005 đến hết năm 2013, Cơ quan CSĐT trên toàn quốc đã tiếp nhận 628.375 tố giác, tin báo về tội phạm [Bảng 1.7]. Kết quả: quyết định khởi tố vụ án 357.568 vụ (chiếm 56,91%), không khởi tố vụ án 159.844 (chiếm 25,43%), xử lý hành chính 27.739 vụ (chiếm 4,42%), chuyển cơ quan khác xem xét, xử lý 83.224 vụ (chiếm 13,24%) [Phụ lục, bảng 1.8].

Đối với công tác điều tra, xử lý tội phạm: Trong thời gian 9 năm, từ năm 2005 đến hết năm 2013, Cơ quan CSĐT trên toàn quốc đã điều tra tổng số 741.316 vụ án, 1.161.085 bị can (chiếm 98% tổng số án thụ lý điều tra của CQĐT trong CAND) [Phụ lục, bảng 1.2]. Trong đó, khởi tố mới 695.428 vụ án (chiếm 93,81 %), 1.094.787 bị can (chiếm 94,29%).

Với số lượng vụ án phải thụ lý điều tra rất lớn như vậy nhưng Cơ quan CSĐT đã đạt được kết quả to lớn. Trong tổng số 741.316 vụ án, 1.161.085 bị can thì Cơ quan CSĐT các cấp đã kết thúc điều tra được 526.508 vụ án, với 927.555 bị can. Trong đó, kết luận điều tra đề nghị truy tố 512.896 vụ (đạt

97,41%), 897292 bị can (đạt 96,73%); đình chỉ điều tra 13.612 vụ (chiếm 2,58%); 18.163 bị can, (chiếm 1,95%), trong số 18.163 bị can được đình chỉ điều tra có 1.133 bị can (chiếm 6,24%) được đình chỉ điều tra theo khoản 1, 2 Điều 107 (không có sự việc phạm tội, hành vi không cấu thành tội phạm) và điểm b, Khoản 2 Điều 164 Bộ luật TTHS (đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm).

Ngoài ra, qua thống kê cho thấy tổng số ĐTV hiện nay khoảng 12.580 thì tính ra mỗi ĐTV phải thụ lý 6,40 vụ, riêng đối với ĐTV thuộc hệ điều tra tội phạm về TTXH mỗi năm phải thụ lý bình quân khoảng 10 vụ/ĐTV. Tỷ lệ này là khá cao và điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng phần nào đến kết quả và tiến độ của công tác điều tra tội phạm.

Đối với Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện, từ khi thực hiện Bộ luật TTHS năm 2003, đặc biệt là Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 2004 thì Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu TTHS. Tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện khá linh hoạt, hoạt động hiệu quả. Hằng năm số vụ án, bị can do Cơ quan CSĐT CA cấp huyện thụ lý điều tra chiếm trên 80% vụ án, 90% bị can thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT trên toàn quốc [78,tr.53]. Điều này đã tạo điều kiện cho Cơ quan CSĐT cấp trên (Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh và Cơ quan CSĐT Bộ Công an) tập trung lực lượng, phương tiện điều tra các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp và thực hiện chức năng kiểm tra, hướng dẫn.

2.2.2. Thực trạng về tổ chức và người tiến hành tố tụng trong Cơ quan Cảnh sát điều tra

2.2.2.1. Thực trạng về tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Thực hiện quy định của pháp luật TTHS, cụ thể là Pháp lệnh tổ chức ĐTHS, tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT được tổ chức ở 3 cấp, cụ thể:

- Cơ quan CSĐT Bộ Công an: Trước ngày 15/12/2006 Cơ quan CSĐT Bộ Công an gồm có 04 đơn vị (như đã phân tích phần 2.1.1). Tuy nhiên, do

tình hình thực tế đòi hỏi phải có sự đấu tranh quyết liệt hơn với tội phạm về tham nhũng nên ngày 15/12/2006 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 9 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS để thành lập lực lượng chuyên trách điều tra tội phạm về tham nhũng. Do đó, hiện nay tổ chức Cơ quan CSĐT Bộ Công an gồm 5 lực lượng: Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an, Cục CSĐT tội phạm về TTXH, Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV, Cục CSĐT tội phạm về ma túy và Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng.

- Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh: hiện nay trên toàn quốc có 63 Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh, cơ cấu của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh gồm có 04 đơn vị: văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh; phòng CSĐT tội phạm về TTXH; phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV; phòng CSĐT tội phạm về ma túy;

- Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện: gồm có 696 Cơ quan Cảnh sát điều tra. Căn cứ vào tình hình thực tế của các địa phương, Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện được bố trí cụ thể như sau: Có 114 CA cấp huyện (chiếm 16,33%) bố trí 04 đội điều tra; có 398 CA cấp huyện (chiếm 57,18%) bố trí 03 đội điều tra; có 184 Công an cấp huyện (chiếm 26,43%) bố trí 01 hoặc 02 đội điều tra [Phụ lục, bảng 1.3].

Với tổ chức bộ máy như trên, hoạt động của Cơ quan CSĐT trên toàn quốc đã tạo ra được sự gắn kết giữa điều tra trinh sát và điều tra tố tụng, tạo điều kiện cho ĐTV được tiếp cận hồ sơ vụ án ngay từ đầu và Trinh sát viên được tiếp tục theo vụ án cho đến khi kết thúc. Điều này sẽ tạo ra hiệu quả cho cả công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Đồng thời với sự tổ chức lực lượng theo hướng tập trung, chuyên sâu, gắn với các loại tội phạm cụ thể nên có thể tạo ra cơ chế, huy động được đầy đủ và nhanh nhất lực lượng, phương tiện khi có yêu cầu điều tra vụ án, qua đó góp phần rút ngắn thời gian điều tra vụ án, khắc phục đáng kể tình trạng gia hạn, quá hạn điều tra.

2.2.2.2. *Thực trạng về người tiến hành tố tụng trong Cơ quan Cảnh sát điều tra.*

- Về lực lượng:

+ Đối với lực lượng Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các cấp:

Hiện nay cả nước có 1.779 Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an các cấp. Cụ thể như sau:

* Cơ quan CSĐT Bộ Công an: 11 Thủ trưởng, Phó Thủ Trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

* Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh: 343 Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra;

* Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện: 1.425 Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT.

Tuy nhiên, trong thời gian tới khi thực hiện Thông tư 28/2014/TT-BCA ngày 07 tháng 7 năm 2014 thì số lượng Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT trên toàn quốc sẽ có sự thay đổi.

Qua nghiên cứu, đánh giá cho thấy, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT CA cấp Bộ và cấp tỉnh đáp ứng tốt yêu cầu về tiêu chuẩn bổ nhiệm theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT CA cấp huyện khi được bổ nhiệm mới chỉ quan tâm đến tiêu chuẩn đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, chỉ huy mà chưa quan tâm đến hai tiêu chuẩn còn lại (có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động điều tra; đã được bổ nhiệm ĐTV cao cấp hoặc ĐTV trung cấp), cụ thể: theo phân tích số liệu trong bảng 1.6 phần Phụ lục khảo sát về Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT CA cấp huyện cho thấy: có 23/1.425 Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng (chiếm 1,61%) mới được bổ nhiệm ĐTV sơ cấp; 183/1.425 Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng (chiếm 12,84%) làm công tác khác trước khi được bổ nhiệm [Phụ lục, bảng 1.6].

+ Đối với lực lượng ĐTV: Trước năm 2004, số lượng ĐTV trong Cơ quan CSĐT CA các cấp là 8.250 đồng chí. Hiện nay số lượng ĐTV tăng lên 12.580 (tăng 52,5%) ĐTV, chiếm 39,9% tổng số cán bộ, chiến sĩ trong Cơ quan CSĐT. Cụ thể như sau:

* Cơ quan CSĐT Bộ Công an có tổng số 396 ĐTV (chiếm 3,15%)

* Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh có tổng số 3.456 ĐTV (chiếm 27,47 %)

* Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện có 8.728 ĐTV (chiếm 69,38%).

Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, tuy số lượng ĐTV đã được bổ sung nhiều, nhưng bố trí, sắp xếp ĐTV giữa các đơn vị chưa hợp lý, nhiều đơn vị thuộc hệ điều tra tội phạm về TTXH, điều tra tội phạm về TTQLKT & CV, điều tra tội phạm về ma túy đã bỏ nhiệm ĐTV ở các bộ phận trinh sát (không làm tổ tụng) không đúng theo quy định của Bộ; số lượng thụ lý vụ án của ĐTV hệ điều tra tội phạm về TTXH bình quân 10 vụ, 15,8 bị can/ 1ĐTV/năm; hệ điều tra tội phạm về ma túy: 6,85 vụ, 8,4 bị can/1 ĐTV/năm; hệ điều tra tội phạm về TTQLKT & CV: 1,2 vụ, 1,7 bị can/1 ĐTV/năm, hệ điều tra tội phạm về tham nhũng: 0,83 vụ, 1,76 bị can/1 ĐTV/năm. Cơ quan CSĐT CA cấp huyện thiếu ĐTV và lại bị phân tán ở nhiều Đội Cảnh sát điều tra.

- Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng và ĐTV trong Cơ quan Cảnh sát điều tra:

+ Đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT: Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thủ trưởng CQĐT được quy định tại Điều 34 Bộ luật TTHS. Qua nghiên cứu cho thấy, về cơ bản Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT ở Cơ quan CSĐT CA các cấp đều thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình. Mặt khác, các quy định tại Điều 34 Bộ luật TTHS tương đối phù hợp nên đã giúp Thủ trưởng đề cao trách nhiệm trong quản lý, chỉ đạo, kiểm tra đối với các hoạt động tổ tụng của Cơ quan CSĐT nói chung và ĐTV nói riêng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu, trao đổi với những cán bộ điều tra làm công tác thực tiễn cho thấy, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan

CSĐT chủ yếu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến tổ chức, chỉ đạo hoạt động điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều 34 như: Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT; quyết định phân công Phó Thủ trưởng CQĐT, ĐTV trong việc điều tra vụ án hình sự; kiểm tra các hoạt động điều tra của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV; quyết định thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV; quyết định thay đổi ĐTV...chứ ít khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi trực tiếp điều tra vụ án hình sự theo khoản 2 Điều 34 Bộ luật TTHS (Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định không khởi tố vụ án; quyết định nhập hoặc tách vụ án; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn...)

+ Đối với ĐTV: Ngày 01/2/2006, Bộ trưởng BCA đã ban hành Thông tư số 01/2006/TT – BCA (C11) hướng dẫn thực hiện Điều 35 Bộ luật TTHS quy định nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV; Thông tư này đã tạo thành lang pháp lý để ĐTV có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm trong hoạt động TTHS. Đa số các địa phương đánh giá việc phân công nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV trong Thông tư số 01/2006/TT-BCA của Bộ là phù hợp. Nhưng một số nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV đã được quy định trong Bộ luật TTHS chưa được thực hiện như tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi... Trong thực tiễn, ĐTV hoặc lãnh đạo Cơ quan CSĐT mới chủ yếu là chủ trì khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; điểm c khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTHS giao cho ĐTV được quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng, nhưng trong thực tiễn hầu như ĐTV chưa thực hiện được quyền hạn này. Ở một số địa phương do thiếu ĐTV nên dẫn đến hiện tượng cán bộ điều tra hoặc trinh sát viên tiến hành ghi lời khai hoặc tiến hành hỏi cung bị can, sau đó ĐTV ký để hợp pháp các loại biên bản này...

2.2.3. Thực trạng về chế độ đảm bảo cho hoạt động điều tra

- Thực trạng về trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Được sự quan tâm của Chính phủ, BCA đã triển khai một số dự án của tạo, nâng cấp hệ thống trại giam, nhà tạm giữ; cải thiện một bước cơ sở vật chất đảm bảo tính nhân đạo trong giam giữ bị can, phạm nhân. Tuy nhiên, nhìn chung cơ sở vật chất phục vụ giam, giữ vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và cải cách tư pháp. Nhiều công trình phục vụ giam, giữ xây dựng đã lâu, bị xuống cấp nhưng chưa được đầu tư, sửa chữa. Hầu hết các trại giam, nhà tạm giữ còn thiếu thiết bị kiểm soát an ninh; các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ bị hư hỏng nhiều, không thể sử dụng nhưng chưa thể thay thế, sửa chữa, bổ sung. Những điều kiện ảnh hưởng trực tiếp tới công tác điều tra còn nhiều thiếu thốn, nhất là ở CA cấp huyện chưa được bổ sung, tăng cường kịp thời, chưa có phòng riêng để tiếp nhận chứng, hỏi cung bị can, chưa có nhà tạm giữ hành chính...Hệ thống kho vật chứng trong CAND chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến công tác bảo quản vật chứng, nhất là những vật chứng có giá trị lớn... Thiếu các phương tiện xe ô tô chuyên dụng chở bị can, bị cáo; hệ thống máy vi tính làm việc, lưu trữ tài liệu; các phương tiện máy ảnh, va ly khám nghiệm hiện trường, công cụ hỗ trợ...tuy đã được trang bị nhưng cũng còn rất hạn chế.

- Thực trạng về chế độ của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và Điều tra viên.

Hiện nay, chế độ của Nhà nước đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV được thực hiện theo các văn bản quy định của Nhà nước như: Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg, ngày 06/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ trong CAND; Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BCA-BNV-BTC ngày 23/6/2010 hướng dẫn thực hiện quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06/7/2009; Công văn số

4550/X11-X33 về việc hướng dẫn Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BCA-BNV-BTC ngày 23/6/2010....Tuy nhiên, những chế độ này còn thấp và chưa tương xứng với các chức danh ở các vị trí công tác khác như Kiểm sát viên, Thẩm phán (phụ cấp đặc thù đối với ĐTV là 15%, trong khi đó phụ cấp đặc thù của Kiểm sát viên, Thẩm phán là 30%). Thậm chí, chế độ phụ cấp đặc thù của ĐTV theo Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg cũng thấp hơn so với chế độ đặc thù của Trình sát viên (20%)...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

1. Nội dung Chương 2 có vị trí rất quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc để giải quyết một số nhiệm vụ trọng tâm của luận án. Đồng thời, những nội dung trong Chương 2 sẽ là cơ sở quan trọng, trực tiếp để đưa ra những giải pháp, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

2. Pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT đã quy định tương đối toàn diện về tổ chức bộ máy Cơ quan CSĐT; về Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV; về thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT. Thông qua việc phân tích quy định của pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT cho thấy, mặc dù pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT là tương đối hoàn thiện và cụ thể nhưng do hệ thống pháp luật về chủ thể này đã áp dụng được 10 năm, thực tế đã có nhiều thay đổi nên một số quy định đã bộc lộ những bất cập cần được nghiên cứu, hoàn thiện.

3. Mặc dù, Cơ quan CSĐT theo Pháp luật TTHS hiện hành đã được tổ chức khá chặt chẽ và thống nhất từ trung ương đến địa phương; đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV đã được nâng lên rõ rệt cả về số lượng và chất lượng; hàng năm Cơ quan CSĐT đã giải quyết một số lượng án rất lớn và đã thể hiện vai trò là lực lượng chủ công trong công tác điều tra, khám phá tội phạm. Tuy nhiên, hoạt động của Cơ quan CSĐT vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Do đó, cần thiết phải có sự nghiên cứu, đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về Cơ quan Cảnh sát điều tra.

4. Chưa có cơ chế hữu hiệu để bảo đảm cho việc tiến hành các hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT có hiệu quả như trang thiết bị, cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho việc điều tra chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra ngày càng cao trong tình hình của hoạt động điều tra vụ án hình sự.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA VÀ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA

3.1. Đánh giá thực trạng Cơ quan Cảnh sát điều tra

3.1.1. Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật tổ tụng hình sự về Cơ quan Cảnh sát điều tra

3.1.1.1. Ưu điểm

Như đã trình bày ở phần thực trạng, từ 2005 đến 2013 Cơ quan CSĐT Công an các cấp đã kết thúc điều tra được 526.508 vụ án, với 927.555 bị can. Trong đó, kết luận điều tra đề nghị truy tố 512.896 vụ (đạt 97,41%), 897.292 bị can (đạt 96,73%). Con số trên đây phần nào phản ánh kết quả to lớn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mà Cơ quan CSĐT đã đạt được. Để đạt được kết quả như vậy xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, có một nguyên nhân quan trọng, đó là các quy định của pháp luật TTHS tương đối đồng bộ và phù hợp, tạo ra cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Cơ quan CSĐT CA các cấp. Tính đồng bộ, phù hợp của pháp luật thể hiện ở một số vấn đề sau đây:

Một là, Bộ luật TTHS đã tạo ra một khung khổ pháp lý quan trọng về quyền hạn (thẩm quyền), trách nhiệm của Cơ quan CSĐT với tư cách là một trong những Cơ quan tiến hành tố tụng và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV với tư cách là những người tiến hành tố tụng. Ngoài ra, trong Pháp lệnh tổ chức ĐTHS hướng dẫn Bộ luật TTHS và các văn bản dưới luật khác cũng đã quy định tương đối rõ về tổ chức, hoạt động và thẩm quyền điều tra của các CQĐT trong đó có Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Nhìn chung, các quy định trên là khá hợp lý và đồng bộ, đã phát huy

được sức mạnh hoạt động của Cơ quan CSĐT trong công tác phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, góp phần rất quan trọng vào sự ổn định, phát triển đất nước.

Hai là, Mô hình tổ chức của Cơ quan CSĐT theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS tạo điều kiện cho Cơ quan CSĐT hoạt động điều tra theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên sâu, chuyên trách đối với các loại tội phạm cụ thể. Đồng thời mô hình này cũng tạo ra cơ chế huy động được đầy đủ và nhanh nhất lực lượng, phương tiện khi có yêu cầu điều tra vụ án. Đối với Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện hằng năm đã tập trung giải quyết trên 80% tổng số án thụ lý của Cơ quan CSĐT. Theo hướng này, Cơ quan CSĐT cấp trên có điều kiện tập trung lực lượng, phương tiện để điều tra các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, các băng, nhóm tội phạm có tổ chức, các vụ án, đối tượng phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn. Đồng thời, CQĐT cấp trên thực hiện tốt hơn nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ cho Cơ quan CSĐT cấp dưới. Mặt khác, mô hình tổ chức này đã huy động được nhiều lực lượng tham gia vào hoạt động điều tra. Cơ quan CSĐT chuyên trách nhận được nhiều sự hỗ trợ kịp thời từ phía cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra như Hải quan, Kiểm lâm, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển và các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát và An ninh trong Công an nhân dân.

Ba là, các tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV theo quy định hiện hành cơ bản là hợp lý, thể hiện được sự chuẩn hoá. Điều này, một mặt tạo điều kiện cho Cơ quan CSĐT các cấp từng bước nâng cao trình độ mọi mặt của lực lượng mình, đồng thời phối hợp có hiệu quả với các cơ sở đào tạo để đào tạo, bồi dưỡng chức danh, nhất là bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, bồi dưỡng chức danh lãnh đạo cấp phòng khối điều tra, bồi dưỡng chức danh Trưởng, Phó Trưởng CA cấp huyện, bồi dưỡng chức danh Phó Giám đốc CA cấp tỉnh...).

3.1.1.2. *Bất cập, hạn chế*

Bên cạnh những nội dung phù hợp, góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của hệ thống pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT. Do thực tiễn luôn vận động, biến đổi và xuất phát từ đòi hỏi của tình hình thực tiễn thì một số quy định của pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT đã bộc lộ một số hạn chế và nảy sinh một số bất cập. Do đó, việc nghiên cứu để chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của nó để từ đó có biện pháp hoàn thiện là hết sức quan trọng.

- Bất cập, hạn chế của pháp luật TTHS về Cơ quan Cảnh sát điều tra

Qua nghiên cứu cho thấy một số bất cập của pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT thể hiện ở những mặt sau:

+ *Những bất cập, hạn chế của pháp luật TTHS về tổ chức bộ máy Cơ quan CSĐT các cấp.*

Tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT có ảnh hưởng rất lớn đối với hiệu quả hoạt động của cơ quan này. Đánh giá chung thì mô hình tổ chức của Cơ quan CSĐT theo pháp luật TTHS hiện hành đã phát huy được hiệu quả và góp phần rất quan trọng vào công tác giữ gìn an ninh trật tự. Tuy nhiên, qua gần 10 năm hoạt động thì mô hình tổ chức của Cơ quan CSĐT đã bộc lộ một số bất cập sau:

Một là, về kết cấu, tên gọi các lực lượng trong Cơ quan CSĐT CA các cấp:

* *Về kết cấu:* Theo quy định của pháp luật TTHS hiện hành thì tổ chức của Cơ quan CSĐT BCA gồm có các lực lượng: Cục CSĐT tội phạm về TTXH; Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng; Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV; Cục CSĐT tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan CSĐT. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy, hàng năm số lượng án tham nhũng do lực lượng CSĐT tội phạm về tham nhũng phát hiện và tiến hành điều tra rất ít. Cụ thể, theo thống kê từ năm 2007 đến 2013 chỉ phát hiện, điều tra được 2.084 vụ phạm tội về tham nhũng (chiếm khoảng 0,35%) [Phụ lục,

Bảng 1.1]. Do đó, nên xem xét việc sát nhập lực lượng điều tra về tham nhũng vì 2 lý do. *Thứ nhất*, cần quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng tại Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là “*giữ nguyên hệ thống tổ chức các Cơ quan điều tra chuyên trách tại Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát quân sự trung ương như hiện nay và sắp xếp tinh gọn đầu mối trong từng cơ quan*”. *Thứ hai*, hiện nay ở cấp tỉnh không có riêng lực lượng CSĐT tội phạm về tham nhũng mà được tổ chức chung với lực lượng CSĐT tội phạm về kinh tế và qua thực tiễn cho thấy, công tác điều tra tội phạm về tham nhũng tại Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh vẫn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, hiện nay ở Bộ Công an mà cụ thể là trong Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm đã thành lập Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao. Tuy nhiên, quyền năng pháp lý của lực lượng này chưa được ghi nhận, chưa phải là lực lượng điều tra và cũng không phải là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành hoạt động điều tra. Đây là những điểm bất cập cần nghiên cứu, hoàn thiện nhằm tăng hiệu lực, hiệu quả hơn nữa cho Cơ quan CSĐT Bộ Công an.

+ *Về tên gọi*: hiện nay, tên gọi của cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra, hướng dẫn đối với hoạt động của Cơ quan CSĐT các cấp là Văn phòng Cơ quan CSĐT. Tuy nhiên, tên gọi này không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Do đó, cần thiết phải xem xét sửa đổi lại tên gọi của lực lượng này cho phù hợp với đúng chức năng: quản lý, kiểm tra, hướng dẫn điều tra. Mặt khác, Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV thuộc Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh có thẩm quyền điều tra tội phạm về tham nhũng nhưng tên gọi chưa thể hiện đầy đủ thẩm quyền đó. Do đó, cũng cần thiết nên xem lại tên gọi của lực lượng CSĐT này.

Hai là, tổ chức bộ máy của Cơ quan CSĐT hiện nay theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS có ưu điểm là gắn kết được hai hoạt động là điều tra trinh sát và điều tra theo tố tụng. Tuy nhiên, qua gần 10 năm thực hiện mô hình này thì trong Cơ quan CSĐT các cấp lại xuất hiện tình trạng buông lỏng công tác nghiệp vụ cơ bản (phòng ngừa) do lực lượng ĐTV thiếu nên phải tập trung lực lượng trinh sát vào việc giải quyết các vụ việc có dấu hiệu hình sự. Điều này dẫn đến hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản thấp, quản lý địa bàn và các đối tượng hình sự yếu, tính chủ động trong phòng ngừa tội phạm bị giảm sút [49, tr.109].

Ba là, Mô hình Cơ quan CSĐT hiện nay được tổ chức theo hướng chuyên sâu, trong Cơ quan CSĐT các cấp có các Cục (cấp Bộ), Phòng (cấp tỉnh), Đội (cấp huyện) chuyên trách về điều tra các loại tội phạm theo thẩm quyền được giao. Tuy nhiên, qua thực tiễn hoạt động đã nảy sinh hiện tượng Thủ trưởng Cơ quan CSĐT các cấp gặp khó khăn trong việc quản lý Cơ quan CSĐT cấp mình do nhiều việc, vừa đảm nhiệm tư cách tố tụng vừa đảm nhiệm các trách nhiệm quản lý hành chính khác. Mặt khác, do các lực lượng điều tra theo chuyên trách nên có biểu hiện hoạt động “độc lập”, ít có sự phối kết hợp, trao đổi thông tin trong quá trình thực thi nhiệm vụ [49, tr.109].

+ *Những bất cập của pháp luật TTHS về thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra.*

Qua nghiên cứu quy định của pháp luật TTHS hiện hành về thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT nghiên cứu sinh thấy có một số bất cập sau:

Thứ nhất, khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: “Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định tại khoản 1 Điều này khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh hoặc các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra”.

Tiếp đó, tại khoản 3 Điều 11 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS quy định: “Cơ quan CSĐT Bộ Công an điều tra các vụ án hình sự về những tội phạm đặc

biệt nghiêm trọng, phức tạp thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh nhưng xét thấy cần trực tiếp điều tra”.

Từ những quy định trên có thể thấy, Cơ quan CSĐT cấp trên có quyền điều tra những vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT cấp dưới nếu thấy “cần” trực tiếp điều tra. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy chưa có quy định nào giải thích rõ khi nào là “cần”, khi nào thì “không cần” trực tiếp điều tra. Điều này sẽ dẫn đến sự không rõ ràng, tùy tiện vận dụng trong thực tiễn. Mặt khác, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng thì đã được quy định, giải thích trong Bộ luật hình sự và một số văn bản. Tuy nhiên, khái niệm tội phạm “phức tạp” thì chưa được văn bản nào giải thích. Đây cũng là vấn đề cần nghiên cứu thêm để tránh tùy nghi vận dụng trong thực tiễn.

Những bất cập trên sẽ dẫn đến làm giảm vai trò của các cơ quan cấp trên trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, tổng kết thực tiễn và hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất; đồng thời nó còn tạo ra những xáo trộn không nhỏ trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn đến số lượng lớn vụ án phải ủy quyền cho VKS cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm [110, tr.12-13].

Thứ hai, Thông tư 28/2014/TT-BCA được ban hành đã khắc phục được nhiều bất cập trong Thông tư 12/2004/TT-BCA(V19). Tuy nhiên, khi quy định về nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh và Cơ quan CSĐT Bộ Công an cũng như nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của các lực lượng thuộc hai cơ quan này (Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh và các phòng CSĐT; Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an và các Cục CSĐT) cho thấy vẫn còn sử dụng những cụm từ như “xét thấy cần trực tiếp điều tra”. Tính “xét thấy cần...” ở đây là rất tùy nghi. Chính vì vậy, cần xem xét lại nhiệm vụ, quyền hạn về điều tra của các lực lượng này theo hướng rõ ràng hơn.

Thứ ba, chủ trương tăng thẩm quyền cho Cơ quan CSĐT Công an cấp

huyện là cần thiết. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng cho thấy hiện nay Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện điều tra giải quyết một số lượng án lớn (trên 80% số lượng án của toàn Cơ quan CSĐT) nhưng lại chưa quan tâm đúng mức đến việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện, kinh phí nghiệp vụ, đặc biệt là số lượng ĐTV để đáp ứng số lượng án quá lớn của cơ quan này. Chính vì vậy, kết quả hoạt động điều tra của Cơ quan CSĐT chưa mang lại hiệu quả cao và nhiều mục tiêu chưa đạt được.

Thứ tư, còn có sự chông chéo và bất cập trong việc thực hiện thẩm quyền điều tra. Hiện nay, vẫn còn tình trạng Cơ quan an ninh điều tra trong CAND tiến hành điều tra những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT. Theo số liệu thống kê từ năm 2007 – 2013, Cơ quan An ninh điều tra trong CAND thụ lý điều tra 189 vụ án với 571 bị can. Trong đó, các vụ thuộc thẩm quyền của Cơ quan An ninh điều tra theo quy định chỉ là 29 vụ, 86 bị can [116].

+ *Những bất cập của pháp luật TTHS về người tiến hành tố tụng trong Cơ quan Cảnh sát điều tra.*

Có thể nói quy định của pháp luật TTHS hiện hành về người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT khá đầy đủ và cơ bản là phù hợp. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thì những quy định này vẫn có một số bất cập cần nghiên cứu, hoàn thiện.

Một là, về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV trong tố tụng hình sự:

Xuất phát từ đặc điểm mô hình tố tụng ở nước ta nên CQĐT không hoạt động độc lập mà được tổ chức bên trong bộ máy hành chính và phụ thuộc vào bộ máy hành chính. Thủ trưởng Cơ quan CSĐT vừa là người tiến hành tố tụng đồng thời vừa là người lãnh đạo bộ máy hành chính nên trong nhiều trường hợp không có sự tách bạch rành mạch giữa quan hệ hành chính với tính chất là “*quyền uy – phục tùng*” với quan hệ tố tụng tư pháp có tính chất là “*độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*” [111, tr.14-15]. Đặc điểm này dẫn

đến một số bất cập, chông chéo giữa hoạt động tố tụng và hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Cơ quan CSĐT. Cụ thể là: Ở Cơ quan CSĐT Bộ Công an thì Phó Tổng cục trưởng là Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phụ trách các Cục điều tra và Cục trưởng. Tuy nhiên, một số Phó Cục trưởng Cục điều tra cũng được bổ nhiệm là Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT; Phó Cục trưởng không được bổ nhiệm là Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT nhưng vẫn chỉ đạo, giải quyết án, giúp Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và Cục trưởng là Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT hướng dẫn và kiểm tra việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo trong TTHS; hướng dẫn giải quyết khó khăn, vướng mắc trong điều tra án do các Cơ quan CSĐT cấp dưới thỉnh thị. Ở Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh thì quan hệ giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng được bổ nhiệm là Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh nhưng nhiều khi Trưởng phòng không được Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phân công chỉ đạo điều tra án mà phân công cho Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT là Phó Trưởng phòng chỉ đạo trực tiếp điều tra vụ án hình sự. Điều này sẽ dẫn đến những khó khăn nhất định trong quá trình hoạt động tố tụng vì về mặt quản lý nhà nước thì Trưởng phòng lại là lãnh đạo cấp trên trực tiếp của Phó Trưởng phòng.

Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật TTHS về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT chưa phù hợp với thực tiễn, cụ thể: tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật TTHS (quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng CQĐT) chỉ đề cập chung chung là “trực tiếp chỉ đạo các hoạt động điều tra” chứ chưa quy định cụ thể nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và các nhiệm vụ quyền hạn khi thực hiện điều tra vụ án hình sự như: quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can, quyết định đình nã bị can, phong tỏa tài khoản

hoặc yêu cầu định giá tài sản; yêu cầu, đề nghị cử người bào chữa; yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật...vì các hoạt động này trong thực tiễn đã diễn ra hoặc cần thiết phải tiến hành nhưng chưa được quy định trong luật.

Đối với ĐTV thì hiện nay nhiệm vụ, quyền hạn của ĐTV chưa được coi trọng đúng mức vì thẩm quyền tố tụng chủ yếu tập trung vào Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Trong khi đó ĐTV là những người trực tiếp tiến hành hầu hết các hoạt động tố tụng nhưng quyền năng pháp lý thì hạn chế, gần như chỉ có quyền báo cáo, đề xuất Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT quyết định (chỉ có quyền ký quyết định triệu tập bị can, người làm chứng, người bị hại...). Điều này sẽ dẫn đến kéo dài thời hạn giải quyết vụ án và không phát huy được tính chủ động, trách nhiệm của ĐTV trong quá trình giải quyết vụ án[101,tr15]. Hơn nữa, quy định của pháp luật tố tụng hiện hành chưa phân định rõ được nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp ĐTV và nhiệm vụ, quyền hạn giữa ĐTV được phân công thụ lý chính đối với vụ án với các ĐTV khác tham gia vào việc giải quyết vụ án và trách nhiệm của người đứng đầu các Cơ quan CSĐT. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật TTHS quy định ĐTV có quyền tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi nhưng thực tế thì ĐTV chủ yếu là chủ trì khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi chứ hầu như không trực tiếp tiến hành các biện pháp này.

Hai là về tiêu chuẩn bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và Điều tra viên:

Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 05/11/2004 quy định về tiêu chuẩn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phải có 3 điều kiện là: Đã được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo chỉ huy theo quy định; Có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động điều tra; Đã được bổ nhiệm ĐTV cao cấp hoặc ĐTV trung cấp. Tuy nhiên, thực tế CA một số địa phương khi điều động, bổ nhiệm

Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT chủ yếu mới quan tâm đến tiêu chuẩn đã được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, chỉ huy chứ chưa quan tâm đến hai điều kiện còn lại, đặc biệt là điều kiện “đã được bổ nhiệm ĐTV cao cấp hoặc ĐTV trung cấp”. Chính vì vậy, có nhiều đồng chí sau khi được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, chỉ huy thì được bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT nhưng chưa thực tế chưa làm công tác điều tra, chưa được bổ nhiệm làm ĐTV, sau đó hầu hết được xét bổ nhiệm ĐTV trung cấp, cao cấp (chủ yếu ở Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện). Hơn nữa, qua nghiên cứu và trao đổi với các cán bộ thực tiễn cho thấy ở một số Cơ quan CSĐT (chủ yếu ở cấp huyện) năng lực, trình độ để chỉ đạo, kiểm tra và quản lý hoạt động điều tra của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT hạn chế nên hầu như khoán trắng công tác này cho Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT (là Phó Trưởng CA huyện phụ trách điều tra).

Về quy định thời gian bổ nhiệm ĐTV: Quy định hiện nay (theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS 2004 và Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 05/11/2004) thì thời gian tối thiểu để được bổ nhiệm ĐTV sơ cấp là 4 năm, ĐTV trung cấp từ ĐTV sơ cấp và ĐTV cao cấp từ ĐTV trung cấp là 5 năm. Việc quy định thời gian như vậy là quá dài vì người được bổ nhiệm ĐTV sơ cấp đã tốt nghiệp Đại học cảnh sát hoặc Đại học an ninh (học 5 năm) hoặc Đại học luật (học 4 năm) thì chỉ cần ra trường, làm công tác điều tra từ 2 đến 3 năm là có thể bổ nhiệm ĐTV sơ cấp. Đối với ĐTV trung cấp và cao cấp thì họ đã có rất nhiều kinh nghiệm trong công tác điều tra nên không nhất thiết phải đòi hỏi thêm 5 năm nữa mới được xét bổ nhiệm ĐTV trung cấp hoặc ĐTV cao cấp. Khắc phục được điều này sẽ đảm bảo được số lượng ĐTV điều tra những tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

Ba là, việc quy định thành phần Hội đồng tuyển chọn ĐTV trong CAND tại Điều 31 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS còn nặng tính hành chính, chưa thực sự phù hợp vì có một số thành phần trong Hội đồng như Vụ pháp chế, Văn phòng CA tỉnh (không liên quan đến công tác điều tra), trong khi đó

người có thẩm quyền trong TTHS, trực tiếp quản lý, chỉ đạo, sử dụng ĐTV trong công tác điều tra lại không nằm trong thành phần Hội đồng xét tuyển chọn Điều tra viên. Do đó, cần thiết nên xem lại Hội đồng tuyển chọn ĐTV theo hướng mở rộng thành viên có sự tham gia của đại diện lãnh đạo đơn vị của ĐTV được xét.

Bốn là, hiện nay ngoài các chức danh Điều tra viên, Thủ trưởng, Phó Thủ Cơ quan CSĐT còn có một đội ngũ khá nhiều những cán bộ là trợ lý điều tra, thực tế những cán bộ này tham gia, đóng góp rất nhiều vào hoạt động điều tra, giúp việc cho ĐTV và Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT nhưng không được pháp luật quy định chức danh pháp lý. Do đó, để xây dựng cơ sở pháp lý cho việc tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm ĐTV và giúp ĐTV giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời thì cần thiết phải quy định chức danh Trợ lý ĐTV trong luật.

3.1.2. Đánh giá thực trạng hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

3.1.2.1. Ưu điểm

Từ việc nghiên cứu thực trạng hoạt động của Cơ quan CSĐT có thể đánh giá những ưu điểm sau:

Một là, quá trình thực hiện Pháp lệnh tổ chức ĐTHS, trong Cơ quan CSĐT đã từng bước tạo ra sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa hoạt động điều tra trình sát với hoạt động điều tra theo tố tụng. Điều này đã khắc phục được điểm yếu của mô hình tổ chức Cơ quan CSĐT theo Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 1989, vì vậy, đã tạo thuận lợi cho việc tiến hành điều tra, khám phá các chuyên án, vụ án lớn. Sự gắn kết giữa điều tra trình sát và điều tra theo tố tụng đã khắc phục được tình trạng chia cắt, chuyển giao hồ sơ vụ án từ lực lượng trình sát đến lực lượng điều tra, đồng thời giúp cho ĐTV được tiếp cận hồ sơ vụ án ngay từ ban đầu cho đến khi kết thúc và cán bộ trình sát theo dõi, nắm bắt vụ án, qua đó tạo thuận lợi cho cả hoạt động phòng ngừa cũng như hoạt động điều tra. Các chuyên án có sự tham gia phối hợp của ĐTV trong quá

trình phá án, nhằm chuyển hoá tài liệu trinh sát thành chứng cứ tố tụng, thuận lợi cho các hoạt động nghiệp vụ và khai thác mở rộng vụ án, đảm bảo tất cả các đối tượng phạm tội đều bị xử lý trước pháp luật. Công tác bắt, giam, giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can được xem xét thận trọng, nhất là đã góp phần khắc phục và hạn chế tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp.

Hai là, với mô hình tổ chức của Cơ quan CSĐT các cấp theo pháp luật TTHS hiện hành thì công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được tăng cường, CQĐT các cấp (chủ yếu là Cơ quan CSĐT) tổ chức trực ban 24/24h sẵn sàng tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, lập đầy đủ sổ sách để theo dõi, quản lý; tăng cường xác minh, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm đã tiếp nhận. Số vụ án được khởi tố, điều tra năm sau cao hơn năm trước, chất lượng giải quyết vụ án được nâng lên. Công tác điều tra, thu thập chứng cứ, xác định sự thật khách quan của vụ án được thực hiện tích cực, đầy đủ; số lượng vụ án bị hủy bỏ vì lý do chứng cứ ngày càng giảm. Kết quả giám định nhìn chung rõ ràng, đầy đủ, góp phần giải quyết vụ án một cách khách quan, chính xác [111].

Ba là, mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa CQĐT nói chung, Cơ quan CSĐT nói riêng với VKS và TA các cấp đã tạo điều kiện thuận lợi, thống nhất cho công tác điều tra, truy tố xét xử vụ án hình sự nhất là những vụ án “nhạy cảm” được dư luận quan tâm. Cơ quan CSĐT các cấp đã được các đơn vị hỗ trợ tư pháp phối hợp chặt chẽ, tạo nhiều thuận lợi, hỗ trợ kịp thời hiệu quả cho công tác điều tra, xử lý tội phạm. Cơ quan CSĐT các cấp đã cơ bản bảo đảm quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa của người bị giam giữ, bị can, cũng như những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Điều đó chứng tỏ Cơ quan CSĐT các cấp đã đảm bảo được quyền dân chủ của công dân theo quy định của pháp luật.

Bốn là, mặc dù còn khó khăn về nhiều mặt như: lực lượng, phương tiện, kinh phí phục vụ điều tra, hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện nhưng từ khi

thực hiện theo Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự 2004 Cơ quan CSĐT đã hoàn thành được một khối lượng công việc rất lớn. Kết quả việc thực hiện các biện pháp điều tra, đặc biệt là biện pháp giám định nhìn chung là rõ ràng, đầy đủ, góp phần giải quyết vụ án một cách khách quan, chính xác [111].

Từ hiệu quả hoạt động như trên nên mặc dù tình hình tội phạm diễn biến ngày càng phức tạp. Tuy nhiên, hoạt động của Cơ quan CSĐT đã góp phần rất quan trọng vào sự kiềm chế gia tăng của các loại tội phạm; đồng thời, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị của đất nước; giữ vững an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ kinh tế-xã hội và đối ngoại của đất nước.

3.1.2.2. Hạn chế trong hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Mặc dù Cơ quan CSĐT đã nỗ lực, cố gắng để giải quyết một số lượng lớn vụ án xảy ra hằng năm. Tuy nhiên, vì những lý do khách quan và chủ quan nên hoạt động của Cơ quan CSĐT vẫn còn bộc lộ một số hạn chế sau:

- Việc giải quyết một số vụ án còn kéo dài, nhất là đối với các vụ án kinh tế, chức vụ, tham nhũng. Điều này phần nào đã thể hiện ở việc số lượng án tồn đọng năm trước chuyển sang năm sau khá lớn (trung bình là 16.549 vụ/năm, chiếm tỷ lệ khoảng 20,08%)

- Công tác điều tra, phát hiện tội phạm vẫn còn nhiều sơ hở, thiếu sót và vi phạm cần được chấn chỉnh, khắc phục; còn để xảy ra tình trạng các ĐTV mớm cung, bức cung, nhục hình đối với bị can, làm cho việc điều tra thiếu khách quan và không đầy đủ. Vì vậy, tại không ít phiên tòa, bị cáo phản cung, không thừa nhận nội dung lời khai tại Cơ quan CSĐT. Việc điều tra, thu thập, đánh giá chứng cứ ở một số địa phương nhất là cấp huyện chưa đầy đủ, kịp thời dẫn đến vật chứng bị mất, hư hỏng không thể phục hồi hoặc tình trạng thu giữ tràn lan những vật không liên quan đến vụ án, làm cho việc nhận định, đánh giá khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về nội dung vụ án, dẫn đến tình trạng chậm khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc khởi tố không đúng tội

danh, để lọt tội phạm, gây bức xúc trong dư luận nhân dân¹.

Ví dụ: Vụ dùng nhục hình xảy ra tại Đội CSĐT tội phạm về TTXH thuộc Cơ quan CSĐT CA TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, kết quả anh Ngô Thanh Kiều (32 tuổi, ngụ xã Hòa Đông, huyện Tây Hòa, Phú Yên) đã bị đánh chết tại trụ sở Công an TP.Tuy Hòa, 5 cán bộ điều tra thuộc Đội CSĐT tội phạm về TTXH đã bị truy tố, xét xử và TAND TP.Tuy Hòa, Phú Yên đã tuyên phạt 5 bị cáo nguyên là ĐTV, cán bộ điều tra thuộc Cơ quan CSĐT CA TP.Tuy Hòa, Phú Yên 3 án tù giam, 2 án treo.

- Việc đình chỉ điều tra vụ án, bị can do không phạm tội và hành vi không cấu thành tội phạm vẫn còn xảy ra, số vụ tạm đình chỉ điều tra, trả hồ sơ để điều tra bổ sung tuy có giảm nhưng tỷ lệ vẫn còn cao, số đối tượng truy nã chưa bắt được còn nhiều, mặc dù lực lượng chuyên trách về truy nã đã được thành lập ở cấp Bộ và địa phương (cấp tỉnh).

- Đội ngũ ĐTV về cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác điều tra, xử lý tội phạm, nhưng một số ĐTV về năng lực, trình độ và kinh nghiệm tổ chức điều tra vụ án hình sự còn hạn chế, phần nào chưa đáp ứng với yêu cầu cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay; cá biệt có một số ĐTV ý thức, trách nhiệm kém, vi phạm pháp luật dẫn đến bị xử lý hình sự; số lượng ĐTV đã được tăng cường nhưng ở một số Cơ quan CSĐT, đặc biệt là cấp huyện vẫn còn thiếu nhiều do chủ trương tăng thẩm quyền.

3.1.3. Nguyên nhân hạn chế hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Những hạn chế, bất cập trong hoạt động của Cơ quan CSĐT xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Hệ thống pháp luật TTHS mặc dù tương đối phù hợp nhưng thời gian

¹ Theo báo cáo số 46/BC-VKSTC-VP ngày 15/5/2012 của VKSND tối cao cho thấy từ 01/10/2010 đến 30/4/2012, VKS các cấp đã yêu cầu khởi tố 644 vụ, 644 bị can, trực tiếp khởi tố điều tra 68 vụ, 33 bị can; hủy 128 quyết định không khởi tố vụ án và 167 quyết định không khởi tố bị can của CQĐT (trong đó khoảng 80% là của Cơ quan CSĐT)

ban hành, áp dụng cũng đã hơn một thập niên. Trong khi đó, do tốc độ phát triển kinh tế - xã hội rất nhanh nên công tác quản lý xã hội cũng phát sinh nhiều vấn đề nóng và phức tạp, đặc biệt tình hình hoạt động của tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng [Phụ lục, bảng 1.1]. Do đó, những quy định của pháp luật TTHS hiện hành về Cơ quan CSĐT đã bộc lộ những bất cập nhất định, không còn phù hợp với tình hình, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, sửa đổi. Những bất cập này sẽ tác động và làm ảnh hưởng đến hiệu quả của Cơ quan CSĐT. Đặc biệt, Cơ quan CSĐT lại là cơ quan chủ công trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật nói chung, điều tra tội phạm nói riêng.

- Xã hội phát triển nhanh và nóng. Tuy nhiên, hằng năm do phải giải quyết một số lượng án rất lớn nên các cơ quan tư pháp nói chung và ngành CAND nói riêng ít có thời gian để thường xuyên tổng kết, đánh giá về kết quả thực hiện Bộ luật TTHS, Pháp lệnh tổ chức ĐTHS và các văn bản pháp luật TTHS khác. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến công tác nghiên cứu, tìm ra những bất cập của pháp luật để đề xuất cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện chưa kịp thời.

- Tình hình tội phạm ngày càng diễn biến phức tạp. Các đối tượng phạm tội về kinh tế, hình sự, ma túy, tham nhũng, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao ngày càng có xu hướng đan xen, cấu kết, liên kết chặt chẽ, mở rộng qui mô gây án, lôi kéo nhiều thành phần đối tượng trong xã hội kể cả cán bộ, công chức tham gia vào các tổ chức tội phạm. Người phạm tội ngày càng được trẻ hoá, hoạt động manh động, tính chất bạo lực gia tăng, chống trả với cường độ quyết liệt hơn khi bị phát hiện bắt giữ nhất là tội phạm về trật tự an toàn xã hội, ma túy so với những năm trước đây. Công tác dự báo về tình hình tội phạm đôi lúc còn chưa đầy đủ, chính xác với thực trạng và diễn biến của tình hình thực tế, do vậy, đã ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Do vụ việc về hình sự xảy ra với số lượng lớn, vừa phải bảo đảm thời hạn điều tra, thời hạn giam giữ theo luật định, vừa thiếu ĐTV, cho nên lực lượng trinh sát tập trung hỗ trợ ĐTV xác minh, điều tra vụ việc được tố giác và vụ án đã khởi tố nên chưa quan tâm đầy đủ hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ, một trong những nhiệm vụ chiến lược cơ bản của lực lượng CAND nói chung và của Cơ quan CSĐT nói riêng. Thêm vào đó, do tốc độ đô thị hoá rất nhanh ở nhiều địa phương đã thành lập nhiều CA cấp phường, dẫn đến phải điều động cả ĐTV và trinh sát viên về công tác ở CA cơ sở ... dẫn đến không đủ cán bộ để thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản. Vì vậy, dẫn đến công tác nghiệp vụ cơ bản phần nào bị “buông lỏng”, hiệu quả thấp.

- Năng lực của đội ngũ ĐTV mặc dù đã được nâng lên rất nhiều trong những năm gần đây. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế dẫn đến công tác điều tra, xử lý tội phạm đôi lúc còn kéo dài thời hạn điều tra, phải gia hạn điều tra; có vụ án sau khi khởi tố điều tra phải tạm đình chỉ do chưa xác định người phạm tội; còn nhiều sơ hở, thiếu sót và vi phạm, thậm chí vi phạm nghiêm trọng như dùng nhục hình, bức cung, mớm cung, đánh chết người bị tạm giữ; điều này chứng tỏ một số cán bộ điều tra, ĐTV ý thức trách nhiệm, ý thức pháp luật kém; công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật ở một số đơn vị, địa phương chưa được coi trọng dẫn đến các vi phạm pháp luật chưa được phát hiện chấn chỉnh, xử lý kịp thời.

- Việc bố trí, sắp xếp ĐTV còn nhiều bất cập, chưa hợp lý. Án xảy ra nhiều ở hệ CSĐT tội phạm về TTXH nhưng số lượng ĐTV lại thiếu. Trong khi đó các hệ khác như CSĐT tội phạm về kinh tế, tham nhũng án xảy ra ít nhưng lại bố trí nhiều ĐTV. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân từ tâm lý, mong muốn chủ quan của các ĐTV vì nếu công tác ở hệ CSĐT tội phạm về TTXH sẽ vất vả, áp lực công việc cao do số lượng án xảy ra nhiều và có xu hướng ngày càng tăng.

- Phân công trách nhiệm và cơ chế lãnh đạo chỉ huy trong Cơ quan

CSĐT chưa hợp lý còn chông chéo giữa chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động TTHS. Thủ trưởng Cơ quan CSĐT ở địa phương chưa đánh giá đúng vai trò, vị trí của Văn phòng Cơ quan CSĐT nên Văn phòng Cơ quan CSĐT chưa phát huy hết chức năng nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh, hạn chế đến kết quả quản lý và chỉ đạo toàn bộ hoạt động điều tra của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ làm công tác điều tra, đấu tranh phòng, chống tội phạm còn phát sinh một số bất cập, công tác đào tạo cán bộ điều tra còn nặng về lý luận, chưa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn; chế độ, chính sách cho người tiến hành tố tụng trong Cơ quan CSĐT đã có sự quan tâm nhưng chưa phù hợp với tình hình. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng và các điều kiện khác phục vụ công tác điều tra tội phạm tuy đã được tăng cường nhưng vẫn còn thiếu hoặc lạc hậu. Đặc biệt, hiện nay Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện đã được tăng thẩm quyền điều tra và Cơ quan CSĐT này hàng năm điều tra, giải quyết trên 80% số lượng án nhưng chưa có sự quan tâm đúng mức về tăng cường cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện, kinh phí nghiệp vụ...

3.2. Giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

3.2.1. Yêu cầu của cải cách tư pháp đối với việc hoàn thiện Cơ quan Cảnh sát điều tra

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác cải cách tư pháp. Do đó, nhiều chủ trương lớn đã được ban hành như: Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/11/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-

NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ IX, X, XI. Đặc biệt, việc hoàn thiện Cơ quan CSĐT cũng cần nghiên cứu, cụ thể hóa tinh thần của Hiến pháp năm 2013 quy định về quyền con người, quyền cơ bản của công dân...

Trên cơ sở các chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp có thể xác định việc hoàn thiện Cơ quan CSĐT cần thực hiện các định hướng, yêu cầu sau:

- Cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức của các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có Cơ quan CSĐT. Đặc biệt, cần xác định rõ nhiệm vụ của cơ quan điều tra trong mối quan hệ với các cơ quan khác được giao một số hoạt động điều tra theo hướng cơ quan điều tra chuyên trách điều tra tất cả các vụ án hình sự, các cơ quan khác chỉ tiến hành một số hoạt động điều tra sơ bộ và tiến hành một số biện pháp điều tra theo yêu cầu của cơ quan điều tra chuyên trách. Trước mắt, tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức CQĐT theo pháp luật hiện hành[7]. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần kiện toàn một số bước để nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của CQĐT, đồng thời nghiên cứu và chuẩn bị mọi điều kiện để tiến tới tổ chức lại hệ thống CQĐT theo hướng thu gọn đầu mối.

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, thủ tục tố tụng tư pháp và về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, bảo đảm tính khoa học, đồng bộ, đề cao tính độc lập, khách quan, tuân thủ pháp luật của từng cơ quan và chức danh tư pháp[33,tr.250].

- Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ...[8].

- Bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động tư pháp (trong đó có Cơ quan CSĐT), từng bước xây dựng trụ sở làm việc của các Cơ quan tư pháp khang trang, hiện đại, đầy đủ tiện nghi. Ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác điều tra, đấu tranh phòng chống tội phạm. Khẩn trương xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp cấp huyện; nâng cấp nhà tạm giam theo đề án đã được Chính phủ phê duyệt. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp [8].

Để thực hiện chủ trương trên, các ngành chức năng về tư pháp đã thực hiện nhiều công tác như: thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp; thực hiện các Đề án thành phần; xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS; xây dựng dự thảo Luật tổ chức ĐTHS... Riêng BCA đã tổ chức tổng kết thi hành Pháp lệnh tổ chức ĐTHS, triển khai nghiên cứu Đề án tổ chức lại CQĐT theo hướng thu gọn đầu mối...

Như vậy, có thể nói chủ trương cải cách tư pháp đã thể hiện sự quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta nhằm xây dựng một nền tư pháp hiệu lực, hiệu quả. Nội dung của công tác cải cách là rất lớn, trong đó có sự đổi mới, hoàn thiện Cơ quan Cảnh sát điều tra.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật tổ tụng hình sự về Cơ quan Cảnh sát điều tra

3.2.2.1. Những nguyên tắc cần quán triệt khi hoàn thiện pháp luật TTHS về Cơ quan Cảnh sát điều tra

Việc hoàn thiện pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT trong tình hình hiện nay là một đòi hỏi tất yếu khách quan. Tuy nhiên, việc hoàn thiện pháp luật nhằm điều chỉnh lại chức năng, nhiệm vụ hay kiện toàn, sửa đổi mô hình, tổ chức Cơ quan CSĐT cần phải được cân nhắc, tính toán một cách thấu đáo để vừa quán triệt những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đồng thời phải phù hợp với thực tiễn.

Vấn đề đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung và Cơ quan CSĐT trong CAND nói riêng đã được đặt ra nhiều trong văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 Khóa VII, lần thứ 3 và thứ 7 Khóa VIII, Nghị quyết đại hội Đảng lần thứ IX, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị, trong đó việc đổi mới tổ chức của CQĐT đã được nhấn mạnh: *“Sắp xếp lại CQĐT theo hướng gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa trình sát, điều tra ban đầu với hoạt động của CQĐT nhằm đảm bảo sự thống nhất trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, bảo đảm quyền dân chủ và sự an toàn của công dân”* và trong Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 cũng quát triệt: *“giữ nguyên hệ thống tổ chức các Cơ quan điều tra chuyên trách tại Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát quân sự trung ương như hiện nay và sắp xếp tinh gọn đầu mối trong từng cơ quan”*. Chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT trong thời gian tới cần quán triệt một số nguyên tắc sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT phải quán triệt đầy đủ, đúng đắn quan điểm, chủ trương cải cách tư pháp thể hiện trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, bao gồm: Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 về đề án tổ chức và hoạt động của TA, VKS và CQĐT; Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02

tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống pháp luật về Cơ quan CSĐT phải trên cơ sở thực tiễn, không được chủ quan, áp đặt, suy diễn; tiếp tục kế thừa những quy định đang phát huy tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta; khắc phục một cách căn bản những bất cập nảy sinh trong quá trình áp dụng pháp luật. Những sửa đổi, hoàn thiện pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT phải đáp ứng yêu cầu góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đảm bảo tránh oan sai trong hoạt động điều tra, phát huy các quyền cơ bản của công dân và tất cả các hành vi phạm tội đều bị xử lý trước pháp luật [111, tr.30].

Thứ ba, quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về Cơ quan CSĐT phải tránh sự xáo trộn nhiều về mô hình, tổ chức, con người; đề cao tính ổn định trong bộ máy và hoạt động. Bất kỳ mô hình tổ chức nào cũng cũng có hai mặt: ưu điểm và hạn chế. Chính vì vậy, quá trình hoàn thiện pháp luật tổ tụng về Cơ quan CSĐT cần giữ lại những mặt tích cực hiện có, khắc phục những hạn chế, khiếm khuyết. Theo đó, cần tập trung vào những hạn chế lớn để điều chỉnh lại cho phù hợp, không nên thay đổi hoàn toàn cũng như điều chỉnh quá lớn sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến tính ổn định, liên tục trong phòng chống tội phạm của cơ quan này.

Thứ tư, hoàn thiện hệ thống pháp luật về Cơ quan CSĐT phải phân định được rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể như Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV. Bên cạnh đó, cần phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Đồng thời, cần nghiên cứu, xem xét việc tăng quyền năng và trách nhiệm của ĐTV một cách hợp lý trong quá trình điều tra vụ án hình sự.

Thứ năm, hoàn thiện hệ thống pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT phải

làm sao để hoạt động trinh sát luôn gắn kết với hoạt động tố tụng, không được tách rời trong cùng một đơn vị. Trong Cơ quan CSĐT hiện nay, không thể thiếu được sự kết hợp của hai lực lượng trinh sát và điều tra. Mặt khác sự gắn kết của hai lực lượng này sẽ giúp tận dụng được nguồn nhân lực là trinh sát viên khi biên chế cho lực lượng ĐTV rất eo hẹp. Đây chính là ưu điểm của mô hình hiện nay cần phát huy.

Thứ sáu, sự hoàn thiện pháp luật tố tụng và hoạt động của Cơ quan CSĐT phải có sự lưu ý đặc biệt đến Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện. Vì hiện nay với chủ trương tăng thẩm quyền điều tra thì khối lượng công việc điều tra tập trung lớn ở Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện (chiếm khoảng 80% tổng số án khởi tố điều tra trong một năm của Cơ quan CSĐT)[13]. Sự điều chỉnh về tổ chức, chức năng, thẩm quyền phải kết hợp song song với tăng cường về con người và các điều kiện khác nếu không sẽ hạn chế tác dụng của sự điều chỉnh.

3.2.2.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS về Cơ quan Cảnh sát điều tra

a. Giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS về mô hình tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Trên cơ sở những hạn chế, bất cập của pháp luật TTHS mà chúng tôi đã chỉ ra trong Chương 2, nghiên cứu sinh mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS về mô hình tổ chức của Cơ quan CSĐT như sau:

Một là, các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định tính chất quan trọng của công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm tham nhũng. Chính vì lý do đó mà Bộ Công an đã tham mưu cho Nhà nước để thành lập riêng một lực lượng chuyên trách điều tra tội phạm về tham nhũng ở Cơ quan CSĐT Bộ Công an. Tuy nhiên, quán triệt tinh thần chỉ đạo trong Kết luận số 92-KL/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị: “*giữ nguyên hệ thống tổ chức các Cơ quan điều tra chuyên trách tại Bộ Công an, Bộ Quốc*

phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát quân sự trung ương như hiện nay và sắp xếp tinh gọn đầu mối trong từng cơ quan”. Mặt khác, như đã phân tích trong phần thực trạng và những hạn chế, bắt cập thì hàng năm số vụ án tham nhũng bị phát hiện, điều tra rất ít so với các loại tội phạm khác. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc tinh gọn đầu mối thì ở Cơ quan CSĐT BCA nên sáp nhập lực lượng CSĐT tội phạm về tham nhũng vào lực lượng CSĐT tội phạm về kinh tế như ở Cơ quan CSĐT Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Mặt khác, cần đổi tên gọi của 2 lực lượng: Văn phòng Cơ quan CSĐT và CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV thành Cục/Phòng quản lý, kiểm tra, hướng dẫn điều tra và Cục/Phòng/Đội CSĐT tội phạm về kinh tế và tham nhũng.

Hai là, chính sách hình sự của Nhà nước ta là lấy phòng ngừa là chính, nên hoạt động của Cơ quan CSĐT cần chú trọng công tác phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, như trong phần thực trạng đã phân tích, với mô hình tổ chức hiện nay, Cơ quan CSĐT có dấu hiệu buông lỏng công tác nghiệp vụ cơ bản (phòng ngừa) do phải tập trung lực lượng trinh sát vào việc điều tra, giải quyết các vụ việc có dấu hiệu hình sự. Để khắc phục điều này, theo chúng tôi cần điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ trong Cơ quan CSĐT các cấp như sau:

- Đối với Cơ quan CSĐT Bộ Công an: Quy định Văn phòng Cơ quan CSĐT Bộ Công an có nhiệm vụ, quyền hạn tiếp nhận điều tra một số vụ án đã rõ đối tượng thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Bộ Công an, đặc biệt là những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của lực lượng CSĐT tội phạm về TTXH để giảm tải cho các Cục điều tra. Bên cạnh đó, các Cục CSĐT (TTXH, kinh tế và tham nhũng, ma túy) tập trung làm công tác nghiệp vụ cơ bản, điều tra trinh sát và điều tra tố tụng theo thẩm quyền được giao.

- Đối với Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh: Quy định Văn phòng Cơ quan CSĐT có nhiệm vụ, quyền hạn tiếp nhận, điều tra một số vụ án đã rõ đối tượng và một số vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Phòng CSĐT tội phạm về

TTXH để giảm tải cho đơn vị này. Đồng thời, các Phòng CSĐT thuộc Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh tập trung vào công tác nghiệp vụ cơ bản, phòng ngừa tội phạm; chỉ điều tra tố tụng đối với những vụ án hình sự đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp do đơn vị trực tiếp xác lập, đấu tranh trinh sát và điều tra tố tụng.

- Đối với Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện: mô hình Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện bao gồm: Đội điều tra tổng hợp, Đội CSĐT tội phạm về TTXH, Đội CSĐT tội phạm về kinh tế và tham nhũng, Đội CSĐT tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, nên giao Bộ trưởng BCA căn cứ vào tình hình thực tế trên các mặt: tội phạm, cơ sở vật chất, số lượng cán bộ điều tra và ĐTV... để quyết định số lượng các Đội thuộc Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện cho phù hợp. Cần duy trì hoặc tái lập Đội điều tra tổng hợp nhằm tiếp nhận điều tra các vụ án đã rõ đối tượng nhằm giảm tải cho các đội điều tra. Các đội CSĐT của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện phải tập trung làm tốt công tác nghiệp vụ cơ bản, đấu tranh trinh sát để chủ động phòng ngừa tội phạm trên địa bàn.

Ba là, cần chỉnh sửa lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Cơ quan CSĐT (Cơ quan quản lý, kiểm tra, hướng dẫn điều tra như đã đề xuất) theo hướng tham mưu, giúp việc đắc lực cho Thủ trưởng Cơ quan CSĐT các cấp trong việc quản lý Cơ quan CSĐT cấp mình. Mặt khác, cần quy định rõ ràng cơ chế trao đổi thông tin, hỗ trợ lẫn nhau giữa các lực lượng điều tra trong cùng một Cơ quan CSĐT dưới sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT nhằm tránh biểu hiện hoạt động “độc lập”, ít có sự phối kết hợp, trao đổi thông tin trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

b. Giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS về thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Để khắc phục một số bất cập về thẩm quyền điều tra liên quan đến Cơ quan CSĐT, chúng tôi mạnh dạn có một số đề xuất sau:

Thứ nhất, để khắc phục sự tùy nghi trong vận dụng quy định của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS về thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh và Cơ quan CSĐT Bộ Công an thì cần có sự quy định, giải thích rõ hơn về thẩm quyền của hai cơ quan này. Theo đó, đối với các cụm từ như “xét thấy cần trực tiếp điều tra” hoặc vụ án “phức tạp” thì các ngành có liên quan mà trực tiếp là BCA cần có sự giải thích rõ ràng trường hợp nào là “cần thiết”, như thế nào là “phức tạp” vì hiện nay chưa có văn bản nào hướng dẫn, giải thích vấn đề này hoặc sửa những quy định liên quan vấn đề này theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng hơn.

Thực hiện được điều này cũng chính là thực hiện một trong những mục đích của việc hoàn thiện pháp luật TTHS: phân định rõ hơn thẩm quyền điều tra giữa các cấp CQĐT trong cùng hệ thống nhằm giảm thiểu các trường hợp CQĐT cấp trung ương điều tra các vụ án thuộc thẩm quyền của CQĐT cấp dưới như hiện nay. Cụ thể quy định rõ việc điều tra chủ yếu do CQĐT cấp huyện và cấp tỉnh tiến hành. CQĐT cấp trung ương (cấp Bộ) chỉ điều tra những vụ án đặc biệt nghiêm trọng, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và từ hai địa phương cấp tỉnh trở lên hoặc người phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn cao cấp ở cấp tỉnh[111, tr.34].

Thứ hai, đối với thẩm quyền của các lực lượng trong Cơ quan CSĐT các cấp cũng cần quy định rõ ràng hơn, đặc biệt là thẩm quyền của Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh và BCA với các lực lượng điều tra chuyên trách khác trong cùng một Cơ quan CSĐT; giữa Cục CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV với Cục CSĐT tội phạm về tham nhũng ở Cơ quan CSĐT Bộ Công an.

Thứ ba, để tạo điều kiện cho Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện thực hiện có hiệu quả chủ trương tăng thẩm quyền thì cần làm tốt một số vấn đề sau:

- Điều chỉnh chức năng, quyền hạn của các đội điều tra ở Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện theo hướng tăng vai trò của Đội điều tra tổng hợp,

giảm tải cho Đội điều tra tội phạm về TTXH. Theo đó, đội điều tra tổng hợp tiến hành điều tra những vụ phạm tội thuộc thẩm quyền điều tra của Đội CSĐT tội phạm về TTXH nhưng đã rõ đối tượng. Như vậy, lượng án điều tra của Đội CSĐT tội phạm về TTXH sẽ giảm và đội này sẽ có thời gian để thực hiện các biện pháp nghiệp vụ cơ bản để phòng ngừa tội phạm.

- Bổ sung đủ số lượng cán bộ, điều tra viên còn thiếu so với biên chế được giao; có kế hoạch tăng cường, bù đắp số biên chế hao hụt tự nhiên trong những năm tới; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho đội ngũ Trinh sát viên và ĐTV;

- Sắp xếp, bố trí ĐTV giữa các đội điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện hợp lý, phù hợp với thực tế số vụ án hình sự xảy ra thuộc thẩm quyền điều tra của các đội điều tra, ưu tiên tăng cường ĐTV cho các đội phải thụ lý số lượng án nhiều.

- Như phần thực trạng đã đề cập thì trang thiết bị phục vụ công tác điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện còn chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình. Do vậy, cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí cho Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện như: trụ sở làm việc, nhà tạm giữ, phòng hỏi cung, kho bảo quản vật chứng, phương tiện đi lại, công tác của cán bộ điều tra... nhằm tạo điều kiện để cơ quan này hoàn thành nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền điều tra.

c. Giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS về người tiến hành tố tụng trong Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Trên cơ sở những bất cập của pháp luật tố tụng về Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV. Nghiên cứu sinh mạnh dạn đưa ra một số giải pháp về vấn đề này như sau:

Thứ nhất, để hạn chế tình trạng đan xen giữa nhiệm vụ, quyền hạn trong tố tụng và nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý hành chính nhà nước của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT thì Bộ luật TTHS cần quy định

rõ hai nhóm quyền hạn. Một là, quyền hạn quản lý hành chính tư pháp như: tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các hoạt động tố tụng; phân công, thay đổi ĐTV; thay đổi hoặc hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của cán bộ tiến hành tố tụng thuộc quyền; chỉ đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo. Hai là, quyền hạn tố tụng tư pháp thì chỉ nên giao cho Thủ Trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT việc ban hành những quyết định có tính chất quyết định đối với việc xử lý vụ án như: quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam...) còn các thẩm quyền khác nên giao cho ĐTV thụ lý chính vụ án [111, tr.34].

Thứ hai, cần quy định rõ trách nhiệm của Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT khi được Thủ trưởng ủy nhiệm nhiệm vụ. Hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Bộ luật TTHS thì khi được Thủ trưởng Cơ quan CSĐT ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm *trước Thủ trưởng* về nhiệm vụ được giao [73, Điều 34]. Quy định như vậy là chưa phù hợp vì về mặt nguyên tắc trong phạm vi được ủy nhiệm, phân công thì Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phải có thẩm quyền như Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và phải chịu trách nhiệm *trước pháp luật* về hành vi tố tụng của mình chứ không phải chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng Cơ quan CSĐT như quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng hình sự.

Thứ ba, đối với các quy định của pháp luật TTHS liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm của ĐTV: nên hoàn thiện pháp luật theo hướng tăng thẩm quyền cho ĐTV. Trên cơ sở hạn chế một số quyền hạn của Thủ Trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT thì đi đôi với vấn đề đó là giao cho ĐTV những quyền tố tụng có tính chất phát hiện hoặc làm sáng tỏ sự thật vụ án như: quyết định thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi... Bên cạnh đó, cần nghiên cứu ban hành quy định về sự phân định chức năng, nhiệm vụ của từng cấp ĐTV (ĐTV sơ cấp, trung cấp, cao cấp) và tăng cường bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ

ĐTV trong Cơ quan CSĐT các cấp để lực lượng này có thể thực hiện được hết nhiệm vụ, quyền hạn của mình như: khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi...

Thứ tư, về tiêu chuẩn bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và Điều tra viên:

- Cần kiện toàn quy trình và sửa đổi hướng dẫn tiêu chuẩn bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT các cấp (nhất là cấp huyện) nhằm khắc phục tình trạng bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT không đủ 3 tiêu chuẩn theo quy định. Mặt khác, nghiên cứu việc bổ nhiệm Phó trưởng CA huyện phụ trách công tác điều tra làm Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Nếu làm được điều này sẽ khắc phục được tình trạng bổ nhiệm Thủ trưởng Cơ quan CSĐT theo kiểu “cơ cấu” và thực tế thì nhiều Trưởng CA huyện vì nhiều lý do khác nhau (chủ quan và khách quan) đã khoán trắng hoạt động chỉ đạo, kiểm tra hoạt động điều tra cho Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT (đồng thời cũng là Phó trưởng CA huyện phụ trách điều tra).

- Cần xem xét lại thời gian tối thiểu để được xét bổ nhiệm ĐTV. Quy định thời gian tối thiểu là 4 năm làm công tác pháp luật để được bổ nhiệm ĐTV sơ cấp là quá dài, nên rút xuống là 3 năm, thời gian tối thiểu để được xét bổ nhiệm ĐTV trung cấp từ ĐTV sơ cấp và ĐTV cao cấp từ ĐTV trung cấp nên rút xuống là 4 năm. Quy định như vậy là phù hợp và sẽ rút ngắn được thời gian, có thể bổ nhiệm được nhiều ĐTV ở mức trung cấp và cao cấp để có đủ lực lượng tiến hành điều tra những tội phạm rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu, chất lượng của ĐTV trung cấp và ĐTV cao cấp.

Thứ năm, thành phần Hội đồng tuyển chọn ĐTV trong CQĐT đề nghị nên thay đổi theo hướng chuyên sâu vì đây là Hội đồng để bổ nhiệm chức danh tố tụng chứ không phải chức danh hành chính. Do đó, về phía Cơ quan CSĐT, thành phần nên cơ cấu là những người hiểu biết rõ về những người

đang được xét bổ nhiệm ĐTV như: Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, các Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và lúc đó họ có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về chất lượng cán bộ do cơ quan mình tuyển chọn và bổ nhiệm.

Thứ sáu, hiện nay có một bộ phận cán bộ trong Cơ quan CSĐT thực tế có làm công tác điều tra, thực hiện một số hoạt động điều tra như: bắt, khám xét, hỏi cung bị can...nhưng không có chức danh tư pháp và thường được gọi là “cán bộ điều tra”. Đây là những người trong các đơn vị thuộc Cơ quan CSĐT nhưng chưa được bổ nhiệm chức danh ĐTV do thiếu một số điều kiện theo quy định (chưa tốt nghiệp cử nhân luật, chưa có chứng chỉ điều tra...). Như phân thực trạng đã đề cập thì lực lượng này là khá nhiều và thực tế họ vẫn giúp Điều tra viên tiến hành các hoạt động điều tra nhưng tư cách tham gia của họ lại không được thừa nhận có giá trị pháp lý tố tụng. Chính vì vậy, cần xem xét bổ sung thêm một người tiến hành tố tụng nữa là “Trợ lý điều tra” đối với chủ thể này cho phù hợp với thực tế.

3.2.3. Giải pháp bảo đảm thực thi pháp luật tố tụng hình sự về Cơ quan Cảnh sát điều tra

3.2.3.1. Giải pháp hoàn thiện lực lượng Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng và Điều tra viên trong Cơ quan Cảnh sát điều tra

- Đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra

Một là, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT là một chức danh tố tụng, vai trò của những người này rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT. Để hoàn thành nhiệm vụ được giao thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT phải có nhiều yêu cầu theo quy định, trong đó yêu cầu về năng lực hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức điều tra là rất cần thiết. Do đó, cần thực hiện nghiêm túc công tác bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT, phải chú trọng năng lực thực tế chứ không nên bổ nhiệm theo kiểu hình thức, “cơ cấu” cho đủ thành phần (nhất là cấp huyện) . Muốn vậy, quá trình thực hiện công tác này cần căn cứ vào tiêu

chuẩn bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT được quy định trong Pháp lệnh tổ chức ĐTHS và các văn bản hướng dẫn cụ thể của BCA. Đặc biệt, cần khắc phục việc vận dụng *trường hợp đặc biệt* để quyết định bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT khi không đủ tiêu chuẩn (như chưa có trình độ cử nhân luật; chưa được bổ nhiệm ĐTV cao cấp, trung cấp; chưa đủ thời gian làm công tác pháp luật hoặc chưa có kinh nghiệm làm công tác điều tra). Bên cạnh đó, cần xem xét sửa đổi quy định về bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT theo hướng chuyên sâu và phù hợp với thực tế hơn.

Hai là, cần đề cao trách nhiệm gắn với việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT trong hoạt động tổ tụng, nhất là vai trò chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn hoạt động điều tra, xử lý tội phạm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT đối với Điều tra viên.

Ba là, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác chỉ đạo, tổ chức hoạt động điều tra cho đội ngũ Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT. Nội dung tập huấn nên tập trung vào việc trang bị những kỹ năng chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn hoạt động điều tra sao cho hiệu quả, đúng pháp luật.

- *Đối với Điều tra viên*

Điều tra viên là lực lượng quan trọng, quyết định trực tiếp tới hiệu quả công tác điều tra tội phạm của Cơ quan CSĐT. Do đó, để hoàn thiện các mặt về chủ thể này, nghiên cứu sinh mạnh dạn đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, cần có kế hoạch bổ sung biên chế, khắc phục tình trạng thiếu ĐTV nói chung và tình trạng phân công, bố trí ĐTV không hợp lý, thiếu sự cân đối giữa các lực lượng trong Cơ quan CSĐT. Do đó, Thủ trưởng các đơn vị trong Cơ quan CSĐT cần phối hợp chặt chẽ với bộ phận tổ chức cán bộ ở mỗi cấp để rà soát, bố trí, sắp xếp lại lực lượng ĐTV, Trinh sát viên, cán bộ điều tra phù hợp với đặc điểm tình hình công tác giải quyết án của mỗi lực

lượng. Việc bố trí sắp xếp lại đội ngũ cán bộ điều tra trong Cơ quan CSĐT các cấp đảm bảo phù hợp với khối lượng công việc, tránh tình trạng có đơn vị làm quá tải nhưng ít cán bộ và ngược lại.

Hai là, người đứng đầu các đơn vị trong Cơ quan CSĐT cần thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm của ĐTV để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm nhằm khắc phục oan sai và những vi phạm TTHS khác trong quá trình điều tra vụ án. Mặt khác, cần đánh giá kết quả công tác điều tra với việc xem xét các hình thức thi đua, khen thưởng trong Cơ quan, đơn vị.

Ba là, tiếp tục đổi mới công tác đào tạo ĐTV trong các trường CAND theo hướng lý luận phải gắn liền với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, học đi đôi với hành. Mặt khác, cần thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ điều tra cho lực lượng ĐTV nhằm không ngừng cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới và rèn luyện tính thận trọng, chặt chẽ trong hoạt động điều tra.

3.2.3.2. Giải pháp về tăng cường chế độ đảm bảo cho hoạt động điều tra

Điều kiện về cơ sở vật chất ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Cơ quan CSĐT nói riêng. Do đó, Nhà nước cần tăng cường đầu tư các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động điều tra của từng cấp như: nhà tạm giữ, trại tạm giam, phòng riêng hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, bị hại... trụ sở làm việc của các lực lượng CSĐT, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác điều tra...

Bên cạnh đó, cần tiếp tục thực hiện các Đề án về tăng cường năng lực cho CQĐT các cấp trong CAND (Trong đó có Cơ quan CSĐT); dự án xây dựng tàng thư gen tội phạm quốc gia; dự án xây dựng trung tâm thông tin quốc gia về tội phạm; dự án đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật các cơ sở giam

giữ... và cần lập, thực hiện đề án: “Tăng cường tiềm lực toàn diện cho CA cấp huyện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”.

Hiện nay, kinh phí phục vụ cho hoạt động điều tra đã được tăng cường một cách đáng kể. Tuy nhiên, mức đầu tư kinh phí như hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình, mức duyệt kinh phí điều tra hằng năm thường thấp hơn so với mức dự toán đăng ký nhu cầu. Do đó, trong thời gian tới cần tăng cường kinh phí cho công tác điều tra tội phạm để đảm bảo đủ so với nhu cầu thực tế. Trước mắt cần tăng cường mức chi bồi dưỡng cho cán bộ trực tiếp điều tra vụ án vì mức bồi dưỡng hiện nay 100.000/ngày theo Thông tư 03/2013/TT-BCA ngày 10/1/2013 là còn thấp so với tính chất đặc thù của công tác điều tra.

3.2.4. Một số kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra

3.2.4.1. Kiến nghị đối với Quốc hội

- Kiến nghị hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS năm 2003 có liên quan đến Cơ quan CSĐT như sau:

Một là, bổ sung chức danh Trợ lý điều tra tại Khoản 2 Điều 33 Bộ luật TTHS về những người tiến hành tố tụng.

Hai là, sửa đổi, bổ sung Điều 34 Bộ luật TTHS như sau:

Thủ trưởng CQĐT có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

+ Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo *hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự* của Cơ quan điều tra.

+ Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong việc *tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự; kiểm tra các hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự.*

+ Quyết định phân công ĐTV, *Trợ lý điều tra* trong việc *tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố* và điều tra vụ án hình sự; kiểm tra các hoạt động *tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố* và điều tra vụ án hình sự của Điều tra viên, Trợ lý điều tra...

+ Quyết định thay đổi Điều tra viên, *Trợ lý điều tra*.

Khi thực hiện việc *tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố* và điều tra vụ án hình sự, Thủ trưởng CQĐT có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

+ Quyết định khởi tố vụ án, *quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án...*, *quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can*.

+ Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn;

+ Quyết định truy nã bị can, *đình nã bị can*, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, *phong tỏa tài khoản*, xử lý vật chứng.

+ *Yêu cầu định giá tài sản; yêu cầu, đề nghị cử người bào chữa; yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật; quyết định thay đổi người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật*.

Ba là, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 Bộ luật TTHS năm 2003 theo hướng tăng thẩm quyền cho ĐTV và quy định thực tế những quyền hạn mà ĐTV thực hiện như sau:

Điều tra viên được phân công giải quyết *tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố* và điều tra vụ án hình sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

+ Lập hồ sơ vụ án hình sự, hồ sơ giải quyết *tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố; triệu tập lấy lời khai* những người có liên quan nhằm kiểm tra, xác minh nguồn tin.

+ Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

+ Quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng, người bị hại.

+ *Quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi;*

+ Thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, *phong tỏa tài sản*, xử lý vật chứng;

+ *Chủ trì* khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra;

+ *Tiến hành đối chất, nhận dạng.*

+ *Cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa.*

+ Tiến hành các hoạt động điều tra khác thuộc thẩm quyền của CQĐT theo sự phân công của Thủ trưởng CQĐT.

+ Kết luận điều tra vụ án.

- Điều tra hình sự là một lĩnh vực hết sức quan trọng vì công tác liên quan đến nhiều quyền, lợi ích của các cá nhân và tổ chức trong xã hội. Mặt khác, hiệu quả của công tác điều tra tội phạm nói riêng và công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm nói chung sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc tạo ra một môi trường xã hội ổn định, thuận lợi, an toàn để phát triển kinh tế, xã hội. Trong khi đó, văn bản quy định về tổ chức ĐTHS đã trải qua 2 “đời” Pháp lệnh (Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 1989 và Pháp lệnh tổ chức ĐTHS năm 2004). Do đó, đã đến lúc cần thiết phải quy định những vấn đề thuộc về tổ chức ĐTHS trong một văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn. Đó chính là lý do hiện nay Nhà nước ta đã có chủ trương xây dựng Luật tổ chức ĐTHS và nghiên cứu sinh kiến nghị Quốc hội cần chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng văn bản luật này và khi ban hành Luật tổ chức ĐTHS cần chỉnh sửa những quy định sau trong Pháp lệnh tổ chức ĐTHS hiện hành:

- Sửa khoản 1 Điều 9 Pháp lệnh sửa đổi Điều 9 của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS như sau: *“Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm có: Cục quản lý, kiểm tra, hướng dẫn điều tra; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng; Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy”*.

- Sửa khoản 2 Điều 9 Pháp lệnh sửa đổi Điều 9 của Pháp lệnh tổ chức ĐTHS: *“Tổ chức của Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh gồm có Phòng CSĐT tội phạm về TTXH, Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV, Phòng CSĐT tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan CSĐT”* như sau: *“Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh gồm có: Phòng quản lý, kiểm tra, hướng dẫn điều tra; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy”*

- Sửa khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS về thời gian bổ nhiệm ĐTV như sau:

+ Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, *có thời gian làm công tác pháp luật từ ba năm trở lên*, là sỹ quan CA, sỹ quan Quân đội tại ngũ, cán bộ VKSND, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV sơ cấp;

+ Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và *đã là ĐTV sơ cấp ít nhất là bốn năm*, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV trung cấp.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, *có thời gian làm công tác pháp luật từ bảy năm trở lên*, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV trung cấp;

+ Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và *đã là ĐTV trung cấp ít nhất là bốn năm*, có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp, ĐTV trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV cao cấp.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và *đã có thời gian làm công tác pháp luật từ mười một năm trở lên*, có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp, ĐTV trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV cao cấp.

- Sửa điểm a, điểm b khoản 1 Điều 31 Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự về Hội đồng tuyển chọn ĐTV như sau:

+ (a) Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên cao cấp trong Công an nhân dân và Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp ở các Cơ quan điều tra Bộ Công an gồm có Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Cục tổ chức - cán bộ, Vụ pháp chế Bộ Công an và *đại diện lãnh đạo đơn vị cấp Cục nơi Điều tra viên công tác là uỷ viên;*

+(b) Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp ở các Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện gồm có: Giám đốc Công an cấp tỉnh làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Phòng tổ chức - cán bộ, Văn phòng Công an tỉnh và *đại diện đơn vị cấp Phòng hoặc cấp Đội nơi Điều tra viên công tác là uỷ viên.*

- Khi soạn thảo Luật tổ chức điều tra hình sự cần quy định thêm chức

đanh *Trợ lý điều tra* theo hướng: *Trợ lý điều tra là người thuộc Cơ quan điều tra, có trình độ, chuyên môn và kinh nghiệm nhất định về lĩnh vực điều tra hình sự, giúp việc cho Điều tra viên, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra.*

3.2.4.2. Kiến nghị với Chính phủ

Hiện nay, mức phụ cấp đặc thù 15% áp dụng đối với Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV theo Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06/07/2009 là còn thấp, chưa theo kịp nhu cầu của tình hình. Do đó, kiến nghị với Chính phủ sửa đổi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg: “mức phụ cấp 15% áp dụng đối với: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT và ĐTV” như sau: *“mức phụ cấp 20% áp dụng đối với: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên”*

Đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng chuyên trách phòng, chống tội phạm về ma túy nâng mức phụ cấp đặc thù từ 20% như hiện nay lên 25%.

3.2.4.3. Kiến nghị với Bộ Công an

Bộ Công an là cơ quan ban hành nhiều văn bản pháp luật hướng dẫn luật, Pháp lệnh. Do đó, kiến nghị BCA một số vấn đề sau:

- Sửa lại Thông tư 12/2004/TT-BCA(V19) và Thông tư 28/2014 TT-BCA quy định về nhiệm vụ, quyền hạn điều tra của Cơ quan CSĐT BCA và Cơ quan CSĐT CA cấp tỉnh nói chung và thẩm quyền điều tra của các lực lượng CSĐT thuộc hai cấp Cơ quan CSĐT này nói riêng theo hướng bỏ những quy định có tính chất tùy nghi “xét thấy cần trực tiếp điều tra”, cụ thể như sau:

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan CSĐT Bộ Công an: tiến hành điều tra các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh nhưng đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố hoặc liên quan đến những đối tượng phạm tội nhưng thuộc diện

trung ương quản lý hoặc có dấu hiệu cho thấy có vi phạm pháp luật TTHS trong quá trình điều tra;

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh: tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm quy định từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của TAND cấp tỉnh (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của CQĐT của VKSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong CAND) hoặc các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp huyện nhưng rất nghiêm trọng, phức tạp, liên quan đến nhiều địa bàn trong tỉnh hoặc liên quan đến những đối tượng phạm tội nhưng thuộc diện cấp tỉnh quản lý hoặc có dấu hiệu cho thấy có vi phạm pháp luật TTHS trong quá trình điều tra;

- Thủ trưởng Cơ quan CSĐT là một chức danh tổ tụng quan trọng, nhiệm vụ nặng nề và chịu nhiều áp lực, cần đầu tư làm việc chuyên sâu, không bị liên quan nhiều bởi những công việc hành chính. Do đó, kiến nghị với BCA sửa Điều 3 Quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thủ Trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV trong CAND ban hành kèm theo Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 05/11/2004 và nội dung Công văn số 1253/X11-X13 ngày 26/2/2010 quy định về cơ cấu lại Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT như sau: *Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện là Phó Trưởng Công an cấp huyện phụ trách công tác điều tra, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện là Đội trưởng các Đội Cảnh sát điều tra.*

Mặt khác, cần sửa đổi quy định về thời gian bổ nhiệm ĐTV theo quy định về thời gian đã được kiến nghị sửa đổi trong Pháp lệnh tổ chức ĐTHS (3 năm đối với ĐTV sơ cấp, 4 năm đối với ĐTV trung cấp, 4 năm đối với ĐTV cao cấp).

Đối với Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh, BCA cần có một quy định rõ về trách nhiệm của chức danh này theo hướng giảm những trách nhiệm quản

lý hành chính khác để Thủ trưởng Cơ quan CSĐT có đủ thời gian và điều kiện để tập trung vào công tác chỉ đạo, tổ chức hoạt động điều tra.

3.2.4.4. Kiến nghị với các ngành hữu quan khác

Trên cơ sở những bất cập trong hệ thống pháp luật về Cơ quan CSĐT, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các ngành có liên quan, nghiên cứu sinh mạnh dạn kiến nghị một số vấn đề sau:

- Các ngành tư pháp gồm VKSND tối cao, TAND tối cao, BCA cần hướng dẫn rõ ràng, cụ thể những trường hợp nào là “cần trực tiếp điều tra” theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh tổ chức ĐTHS. Tuy nhiên, theo nghiên cứu sinh nên hạn chế những trường hợp này vì Cơ quan CSĐT cấp trên nên tập trung vào chức năng hướng dẫn, chỉ đạo điều tra.

- Các ngành tư pháp trong đó cơ quan chủ trì là VKS cần thường xuyên kết hợp để tổng kết, đánh giá việc áp dụng các quy định trong hệ thống pháp luật TTTHS để không ngừng hoàn thiện nhằm đảm bảo hiệu quả cao nhất hoạt động của các cơ quan tư pháp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các hành vi phạm tội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

1. Trên cơ sở đưa ra những nhận xét đánh giá về ưu điểm và hạn chế trong các quy định của pháp luật TTHS và hoạt động của Cơ quan CSĐT, luận án chỉ ra những nguyên nhân của những hạn chế đó dưới góc độ lập pháp và góc độ thực thi pháp luật.

2. Các giải pháp của luận án được đưa ra dựa trên yêu cầu thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và quy định của Hiến pháp năm 2013 về tổ chức bộ máy nhà nước và bộ máy các cơ quan tư pháp.

3. Những giải pháp, kiến nghị được đưa trong chương này tập trung nhằm hoàn thiện Cơ quan CSĐT trên các mặt: mô hình tổ chức, thẩm quyền điều tra, lực lượng và các chế độ đảm bảo cho hoạt động điều tra. Những giải pháp, kiến nghị này được đưa ra trên cơ sở những bất cập, hạn chế đã được chỉ ra trước đó. Do đó, những giải pháp, kiến nghị trong Chương 3 là hoàn toàn có cơ sở vững chắc và có giá trị trong việc hoàn thiện Cơ quan CSĐT - cơ quan tiến hành tố tụng có số lượng vụ án hình sự thụ lý điều tra hàng năm cao nhất.

4. Những nội dung trong chương này đã giải quyết được một trong những nhiệm vụ trọng tâm của luận án, đó là: xây dựng hệ thống các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật TTHS và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan CSĐT.

KẾT LUẬN

Với nội dung chính bao gồm 3 chương, luận án tiến sĩ **“Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tổ tụng hình sự Việt Nam”** đã giải quyết được những nhiệm vụ đặt ra, đó là nghiên cứu những vấn đề chung nhất về Cơ quan CSĐT; phân tích, làm rõ những quy định của pháp luật thực định và thực trạng hoạt động của Cơ quan CSĐT để qua đó tìm ra những bất cập, hạn chế về pháp luật và hoạt động của cơ quan này nhằm đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện.

Qua nội dung của luận án, có thể thấy, Cơ quan CSĐT là một trong những cơ quan tiến hành tố tụng có vị trí, vai trò rất quan trọng. Đặc biệt, Cơ quan CSĐT là một cơ quan chủ công trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vì hằng năm cơ quan này thụ lý, điều tra một số lượng vụ án nhiều nhất trong hệ thống các CQĐT. Trong khi đó, là một cơ quan tiến hành tố tụng nên hoạt động của Cơ quan CSĐT chịu sự chi phối của những quy định pháp luật TTHS. Nếu những quy định đó hợp lý thì sẽ có tác dụng làm cho hoạt động của Cơ quan CSĐT hoạt động hiệu quả và ngược lại nếu hệ thống pháp luật về Cơ quan CSĐT nảy sinh nhiều bất cập thì hoạt động của Cơ quan CSĐT sẽ có nhiều hạn chế. Chính vì vậy, việc tìm ra những bất cập, hạn chế và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế về Cơ quan CSĐT là một trong những nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa cả ở góc độ lý luận và thực tiễn.

Trong chương 1 của luận án, nghiên cứu sinh đã trình bày những vấn đề chung nhất, cốt lõi nhất về Cơ quan CSĐT như: vị trí, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa Cơ quan CSĐT với một số cơ quan có liên quan cũng như lược sử quá trình hình thành và phát triển của Cơ quan này. Trên cơ sở làm rõ những nội dung cơ bản về Cơ quan CSĐT, có thể thấy, Cơ quan này có lịch sử hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử của ngành CAND nói chung và CQĐT trong CAND nói riêng. Do đó, Cơ quan CSĐT có một bề dày lịch sử phát triển với những thành tích đạt được hết sức to lớn. Bên cạnh đó, với

chức năng chính là điều tra tội phạm thì Cơ quan CSĐT đã đóng góp hết sức quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Qua phần khảo sát thực trạng pháp luật TTHS và hoạt động của Cơ quan CSĐT trong chương 2 cho thấy, mặc dù pháp luật TTHS về Cơ quan CSĐT có nhiều điểm phù hợp và đã góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, thực tế luôn vận động, do đó pháp luật TTHS nói chung và pháp luật về Cơ quan CSĐT nói riêng hiện nay cũng đã bộc lộ nhiều bất cập về mô hình tổ chức, về thẩm quyền điều tra, về lực lượng Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV... Bên cạnh đó, hằng năm mặc dù Cơ quan CSĐT đã hoàn thành một khối lượng công việc rất lớn, đóng góp quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, hoạt động của Cơ quan CSĐT vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế cần khắc phục, hoàn thiện. Do đó, trên cơ sở chỉ ra những bất cập, hạn chế và nguyên nhân của những bất cập, hạn chế đó thì cần thiết phải có những giải pháp hữu hiệu nhằm hoàn thiện Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Với những giải pháp, kiến nghị được đưa ra trong chương 3 của luận án, mong muốn của nghiên cứu sinh là khắc phục những bất cập của pháp luật tổ tụng về Cơ quan CSĐT và hoàn thiện những hạn chế trong hoạt động của cơ quan này. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật TTHS và hoạt động của Cơ quan CSĐT về mô hình tổ chức; thẩm quyền điều tra; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT và ĐTV, chế độ đảm bảo cho hoạt động điều tra... sẽ không thể phát huy tối đa hiệu quả của nó nếu như những giải pháp này không được thực hiện một cách đồng bộ. Do đó, cần xem xét những giải pháp, kiến nghị trong luận án trong một tổng thể mang tính hệ thống để từ đó thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

Trong quá trình thực hiện luận án, nghiên cứu sinh đã được sự hướng dẫn rất tận tâm và nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn; sự quan tâm, tạo điều kiện của Phòng sau đại học, Ban Giám hiệu trường Đại học luật TP.Hồ Chí Minh, các nhà khoa học và lãnh đạo CA các đơn vị, địa phương. Nghiên cứu sinh xin trân trọng cảm ơn sự hướng dẫn, quan tâm và giúp đỡ to lớn đó.

“Cơ quan Cảnh sát điều tra trong tổ tụng hình sự Việt Nam” là một đề tài có phạm vi rộng và liên quan đến nhiều vấn đề phức tạp, còn nhiều tranh cãi, do đó kết quả nghiên cứu luận án này chắc chắn sẽ không thể sẽ tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh rất mong nhận được sự đóng góp nhiệt thành của các nhà khoa học, các thầy cô giáo và tất cả những ai quan tâm đến đề tài này để nghiên cứu sinh có thể tiếp tục hoàn thiện hơn luận án và các công trình nghiên cứu có liên quan sau này.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Duy Công (2009) “*Đấu tranh chống tội phạm buôn lậu của lực lượng Cảnh sát nhân dân Công an tỉnh An Giang – Thực trạng và giải pháp*”, nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở (chủ nhiệm) nghiệm thu năm 2009.

2. Vũ Duy Công (2013) “*Chuyên án trình sát của lực lượng Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ Công an các tỉnh, thành miền Đông Nam Bộ – Thực trạng và giải pháp*”, nhiệm vụ khoa học cấp Bộ (chủ nhiệm), nghiệm thu năm 2013.

3. Vũ Duy Công (2011) “*Một số vấn đề về hoạt động của Cơ quan điều tra và hướng hoàn thiện*”, Tạp chí Khoa học giáo dục Cảnh sát nhân dân, số 7/2011, tr.29-31.

4. Vũ Duy Công (2013) “*Hoàn thiện Cơ quan Cảnh sát điều tra theo định hướng cải cách tư pháp*”, Tạp chí Khoa học Cảnh sát nhân dân, số 1/2013, tr.32-36.

5. Vũ Duy Công (2014) “*Quy định của pháp luật về người tiến hành tố tụng trong Cơ quan Cảnh sát điều tra – Những vấn đề đặt ra và hướng hoàn thiện*”, Tạp chí Khoa học Cảnh sát nhân dân, số 5/2014.

6. Vũ Duy Công (2015) “*Tình hình tội phạm vận chuyển trái phép các chất ma túy qua cảng hàng không Tân Sơn Nhất và một số giải pháp phòng ngừa*”, Tạp chí Khoa học Cảnh sát nhân dân, số 7/2014.

7. Trường Cao đẳng CSNDII (2013), Giáo trình *Đấu tranh chống tội phạm kinh tế trong một số lĩnh vực trọng điểm* (tác giả).

8. Trường Cao đẳng CSNDII (2013), Giáo trình *Nghiệp vụ quản lý kinh tế có liên quan đến công tác của CSĐT tội phạm về TTQLKT & CV* (tác giả).

9. Trường Cao đẳng CSNDII (2015), Giáo trình *Một số công tác NVCB của lực lượng Cảnh sát nhân dân* (tác giả).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2006), *Sổ tay pháp luật của Điều tra viên*, NXB tư pháp, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2009), *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb CTQG, Hà Nội;
3. Nguyễn Ngọc Anh (2007), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của các Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân*, Nxb, CAND, Hà Nội.
4. Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao(2012), *Đề án mô hình tố tụng hình sự Việt Nam*.
5. Ban chấp hành TW Đảng Khóa VII, Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 Khóa VII.
6. Ban chấp hành trung ương, *Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*.
7. Ban chấp hành trung ương, *Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24 tháng 05 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
8. Ban chấp hành trung ương, *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
9. Ban chấp hành trung ương, *Kết luận số 79-KL/TW ngày 28 tháng 07 năm 2010 của Bộ Chính trị về đề án tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra*.
10. Ban chấp hành trung ương (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
11. Ban chỉ đạo CCTP Trung ương (2013), *Báo cáo số 21-BC/CCTP, ngày 10 – 01 – 2013 trình Bộ Chính trị về việc tổ chức Tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực và viện kiểm sát nhân dân khu vực*.
12. Nguyễn Thái Bình (2005), *Điều tra viên và Thủ trưởng Cơ quan điều tra theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*, luận văn cao học luật – Trường Đại học luật Hà Nội, Hà Nội.

13. Bộ Công an (2012), *Báo cáo tổng kết thực hiện pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong Công an nhân dân.*

14. Bộ Công an (2004), *Chỉ thị số 13/2004/CT-BCA(V11) ngày 22 tháng 09 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc tổ chức triển khai thực hiện pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 trong Công an nhân dân.*

15. Bộ Công an (2010), *Quyết định số 444/QĐ-BCA quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội.*

16. Bộ Công an (2010), *Quyết định số 445/QĐ-BCA quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ.*

17. Bộ Công an (2010), *Quyết định số 446/QĐ-BCA quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.*

18. Bộ Công an (2010), *Quyết định số 447/QĐ-BCA quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng.*

19. Bộ Công an (2004), *Quyết định số 1252/2004/QĐ-BCA(X13) ngày 05 tháng 11 năm 2004 ban hành Quy định về bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và cấp, thu hồi giấy chứng nhận Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Công an nhân dân.*

20. Bộ Công an (2004), *Thông tư số 12/2004/TT-BCA ngày 23/09/2004 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số quy định của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự trong Công an nhân dân.*

21. Bộ Công an – Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính, *Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BCA-BNV-BTC, ngày 23 tháng 06 năm 2010 về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân.*

22. Bộ Công an – Bộ Quốc phòng – Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BCA – BQP –*

TANDTC - VKSNDTC, ngày 30 tháng 05 năm 2013 hướng dẫn thực hiện trích xuất phạm nhân để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử.

23. Bộ Công an, 50 năm Công an nhân dân xây dựng, chiến đấu và trưởng thành (1945 – 1995), Nxb CAND, Hà Nội, 1995.

24. Bộ Công an, lịch sử Công an nhân dân Việt Nam (1945 – 2005), Nxb CAND, Hà Nội, 2006.

25. Bộ Nội vụ, *lực lượng an ninh điều tra – lịch sử biên niên (1945 – 1975)*, Nxb CAND, Hà Nội, 1996, Tr.10.

26. Bộ Nội vụ – Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Thông tư liên ngành số 01/TTLN – BNV – TANDTC - VKSNDTC, ngày 15 tháng 10 năm 1994 hướng dẫn việc giải quyết các vụ án trọng điểm.*

27. Chính phủ, *Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an.*

28. Vũ Duy Công (2013) “*Hoàn thiện Cơ quan Cảnh sát điều tra theo định hướng cải cách tư pháp*”, Tạp chí Khoa học Cảnh sát nhân dân, số 1/2013, tr 32-36.

29. Đào Hữu Dân (2006), *Mối quan hệ giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát trong điều tra vụ án hình sự*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

30. Trần Vi Dân(2011), *Kết hợp giữa hoạt động nghiệp vụ trình sát với hoạt động điều tra tố tụng trong điều tra vụ án hình sự*, *Công an nhân dân*,(6), Tr 78 - 80.

31. Đại từ điển tiếng Việt (2007), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà nội.

32. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

33. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

35. Đảng ủy Công an Trung ương(2012), *Đề án tổ chức lại hệ thống Cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối.*

36. Triệu Văn Đạt (2012), Những vấn đề lý luận và thực tiễn mô hình tổ chức và thẩm quyền của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân; khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện, *Cảnh sát nhân dân* (HVCSND),(6), Tr 5 - 9.

37. Trần Văn Độ (2013), Phân định thẩm quyền trong tố tụng hình sự, <http://www.luatsuhanoi.vn> (truy cập ngày 1/6/2014).

38. Nguyễn Minh Đức, *Địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự*, Tạp chí kiểm sát số 20, tr 2-6.

39. Đỗ Văn Dương (2012), phân định thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp và sửa đổi, bổ sung chế định về chứng cứ trong Bộ luật tố tụng hình sự, Tạp chí kiểm sát số 21, tr 46-54.

40. Đỗ Văn Dương (2013), Một số ý kiến về tổ chức và hoạt động điều tra ở Việt Nam, Tạp chí kiểm sát số 13, tr 23.

41. Phạm Hồng Hải (1997), Những phương hướng chính của việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nước ta hiện nay, *Nhà nước và pháp luật* (6), Tr 3 – 13.

42. Phạm Hồng Hải (2002), Tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự phục vụ cho quá trình đổi mới và xu thế hội nhập ở nước ta hiện nay, *Nhà nước và pháp luật* (6), Tr 50 – 58.

43. Tô Văn Hòa (2009), *Những đặc điểm mô hình tố tụng tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự Việt Nam*, tham luận tại Hội thảo quốc tế về quyền công tố.

44. Hồ Thế Hòe (2004), Xây dựng đội ngũ Điều tra viên trước yêu cầu của cải cách tư pháp, *tạp chí kiểm sát*,(6), tr 12 – 14.

45. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Công an (2005), *tài liệu tập huấn chuyên sâu Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004*.

46. Nguyễn Văn Huyền (2007), Bàn về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, *Công an nhân dân*,(09), Tr 84 - 86.

47. Đinh Thế Hưng (2011), *Quan hệ giữa các cơ quan điều tra, công tố và Tòa án trong tố tụng hình sự Việt Nam*, tham luận tại hội thảo quốc tế về

quyền công tố do Viện Nhà nước và pháp luật phối hợp với Viện Kass, Cộng hòa liên bang Đức tổ chức từ ngày 27 – 28/4/2011 tại Hà Nội.

48. Nguyễn Ngọc Khánh (2008), Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra và xác định mối quan hệ giữa công tố với điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp, *Tạp chí kiểm sát*, tr.18 – 20.

49. Trần Trọng Lượng (2012), Một số ý kiến về điều chỉnh mô hình CQĐT trong tình hình hiện nay, *Công an nhân dân*.

50. Trần Đình Nhã (2012), Về chế định điều tra tội phạm trong Bộ luật tố tụng hình sự, *Tạp chí Kiểm sát*, (21);

51. Võ Thị Kim Oanh (2008), *Xét xử sơ thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, luận án tiến sĩ luật học.

52. Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT và CV Công an tỉnh Đồng Nai, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

53. Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT và CV Công an tỉnh Bình Dương, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

54. Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT và CV Công an tỉnh Bình Phước, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

55. Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT và CV Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

56. Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT và CV Công an tỉnh Tây Ninh, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

57. Phòng CSĐT tội phạm về TTQLKT và CV Công an TP.Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

58. Nguyễn Thái Phúc (2013), Sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về phân định thẩm quyền điều tra, *Tạp chí kiểm sát* (số xuân), Tr.38 – 41.

59. Đỗ Ngọc Quang (2000), *Cơ quan điều tra, Thủ trưởng cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Công an nhân dân*, Hà Nội.

60. Đỗ Ngọc Quang (1997), *Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra với các cơ quan tham gia tố tụng hình sự*, Hà Nội.

61. Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận án và một số vấn đề thực tiễn áp dụng trong Bộ luật hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự*, Tp.Hồ Chí Minh.

62. Đinh Văn Quế (2004), Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, *Tạp chí kiểm sát*, (5), tr.22 – tr.25.

63. Quốc hội (1980), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980*;

64. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992*;

65. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*;

66. Quốc hội (1989), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 1989*.

67. Quốc hội, *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004*.

68. Quốc hội, *Pháp lệnh sửa đổi điều 9 của pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, ngày 15 tháng 12 năm 2006*.

69. Quốc hội, *Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 ngày 27 tháng 02 năm 2009*.

70. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự năm 1985*, Nxb CTQG, Hà Nội.

71. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999*, Nxb CTQG, Hà Nội.

72. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự năm 2009*, Nxb CTQG, Hà Nội.

73. Quốc hội, *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*, Hà Nội

74. Quốc hội (2004), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb CTQG, Hà Nội.

75. Quốc hội, *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.

76. Quốc hội, *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội.

77. Quốc hội (2005), *Luật Công an nhân dân năm 2005*, Hà Nội.

78. Hoàng Thị Minh Sơn (2011), bảo đảm quyền của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam, *Tạp chí luật học*, (3), tr.54 – 61.

79. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 91/2009/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2009 quy định chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân*.

80. Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân (2010), *Thông báo số 1253/X11-X13 ngày 26 tháng 02 năm 2010 về việc cơ cấu bố trí lại Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra*.

81. Đào Anh Tới (2012), Một số ý kiến về giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Cơ quan Cảnh sát điều tra cấp huyện, *Công an nhân dân*,(2), (tr.53 - 55).

82. Lại Văn Trình (2012), Hoàn thiện các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, *Nhà nước và pháp luật*,(2), Tr 79 – 84.

83. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1999), *Tổ chức điều tra hình sự của Cảnh sát điều tra*.

84. Trường Đại học Cảnh sát nhân dân (1996), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Hà Nội.

85. Trường Đại học luật Hà Nội (2005), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb CAND, Hà Nội.

86. Trường Đại học luật Hà Nội (2010), Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb tư pháp, Hà Nội.

87. Trường Đại học luật Hà Nội (2012), Giáo trình tội phạm học, Nxb CAND, Hà Nội.

88. Trường Đại học quốc gia Hà Nội (2002), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần chung), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

89. Trường Đại học luật Hà Nội (2007), Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Tập 2), NXB CAND, Hà Nội.

90. Trường Cao đẳng CSND II (2012), Giáo trình luật hình sự Việt Nam.

91. Ủy ban thường vụ quốc hội, *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004*.

92. Ủy ban thường vụ quốc hội, *Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 17/3/2003 về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra*.

93. Ủy ban thường vụ quốc hội, *Nghị quyết số 727/2004/NQ-UBTVQH ngày 20/8/2004 về việc thi hành Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004*.

94. Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an TP.Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

95. Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013*;

96. Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Dương, *Báo cáo*

tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013;

97. Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Phước, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013;*

98. Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013;*

99. Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tây Ninh, *Báo cáo tổng kết năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013;*

100. Viện chiến lược và khoa học Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân*, Nxb CAND, Hà Nội.

101. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Hoàn thiện quy định của Bộ luật TTHS 2003 để bảo đảm phù hợp với việc tổ chức hệ thống của Cơ quan tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 48/NQ-TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

102. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, *Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BTP ngày 10/8/2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo.*

103. Viện khoa học kiểm sát(2010), *Thông tin khoa học kiểm sát(số chuyên đề về mô hình tố tụng hình sự Việt Nam)*, (5+6),Hà Nội.

104. Viện khoa học kiểm sát(2011), *Thông tin khoa học kiểm sát(số chuyên đề về mô hình tố tụng hình sự một số nước trên thế giới)*, (1+2),Hà Nội.

105. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Quốc phòng, *Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP*, ngày 07 tháng 9 năm 2005 về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

106. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Quốc phòng, *Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT – VKSNDTC - TANDTC – BCA - BQP - BTP*, ngày 10 tháng 08 năm 2005 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về khiếu nại, tố cáo.

107. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Thanh tra Chính phủ - Bộ Công an – Bộ quốc phòng, *Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT – VKSNDTC - TTrCP – BCA - BQP*, ngày 23 tháng 5 năm 2006 về quan hệ phối hợp trong

việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ có dấu hiệu phạm tội do cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố.

108. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Quốc phòng - Bộ Công an, *Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT – VKSNDTC - TANDTC – BQP - BCA*, ngày 20 tháng 10 năm 2008 về quan hệ phối hợp trong một số hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quân đội và ngoài quân đội.

109. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – TANDTC, *Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT – VKSNDTC – BCA - TANDTC*, ngày 27 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

110. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo những nội dung cơ bản về đề xuất sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS năm 2003*.

111. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, *Báo cáo tổng kết thực tiễn 8 năm thi hành Bộ luật TTHS năm 2003 và đề xuất sửa đổi, bổ sung*.

112. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1992), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự*, Nxb pháp lý, Hà Nội.

113. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (1994), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb TP.HCM, TP.Hồ Chí Minh.

114. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.

115. Võ Khánh Vinh (2004), Về những xu hướng và nội dung cơ bản của chiến lược đấu tranh với tình hình tội phạm, *Nhà nước và pháp luật* (10), Tr.50 – 58.

116. Vụ công tác lập pháp, Viện khoa học kiểm sát (2003), *Những sửa đổi cơ bản của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

117. Vụ kiểm sát điều tra an ninh – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, báo cáo thống kê kết quả giải quyết án từ 2007 – 2013.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

118. Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức (Bản dịch tiếng Anh), www.lexadin.nl/criminal-procedure-law-of-germany.

119. Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa Pháp (Bản dịch tiếng Anh),

www.lexadin.nl.criminal procedure law of French.

120. Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa Italia (Bản dịch tiếng Anh), www.lexadin.nl.criminal procedure law of Italia.

121. Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Bản dịch tiếng Anh), www.lehmanlaw.com/resource-centre/lawsandregulations/general/criminal-procedure-law-of-the-peoples-republic-of-china-1996.html.

122. Bộ luật tố tụng hình sự Mỹ (Bản dịch tiếng Anh), www.lexadin.nl.criminal procedure law of America.

123. Bộ luật tố tụng hình sự Nhật Bản (Bản dịch tiếng Anh), www.lexadin.nl.criminal procedure law of Japan.

124. Bộ luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Nga (Bản dịch tiếng Anh), www.lexadin.nl.criminal procedure law of Russia.

125. Bộ luật tố tụng hình sự Úc (Bản dịch tiếng Anh), www.lexadin.nl.criminal procedure law of Australia.

126. Criminal Injuries Compensation Act, 1970, Western Australia.

127. Lee, Jung-Soo, *Những đặc điểm của hệ thống công tố ở Hàn Quốc và công tác điều tra trực tiếp của Công tố viên*, www.unafei.or.jp (bài nghiên cứu).

128. David H. Bayley và Clifford D. Shearing, *Cấu trúc mới cho cảnh sát – miêu tả, ý tưởng và chương trình nghiên cứu*, Cơ quan tư pháp quốc gia Hoa Kỳ, <https://www.ncjrs.gov> (Báo cáo nghiên cứu).

129. Elrena van der Spuy & Ricky Rontsch, *Cảnh sát và công tác phòng ngừa tội phạm ở châu phi – một đánh giá về cấu trúc, chính sách và thực tiễn*, www.crime-prevention-intl.org (Bài nghiên cứu so sánh).

130. Chenthilkumar Paramasivam, *Tổ chức cảnh sát ở Ấn độ*, www.humanrightsinitiative.org (tài liệu tham khảo).

131. Stephen Rushin (Phó giáo sư Đại học luật Ollinois), *Cải cách cấu trúc cảnh sát*, www.law.indiana.edu/faculty (Bài nghiên cứu).

132. Amy Farrell & Jack McDevitt (Viện tư pháp quốc gia Hoa Kỳ), *Xác định những thử thách để cải thiện hiệu quả hoạt động điều tra và khởi tố trong các vụ án buôn bán người*, www.urban.org (Sách chuyên khảo).

133. Stephen Johnson & Lohanna Mendelson (Trung tâm nghiên cứu những vấn đề chiến lược và mang tính quốc tế (CSIS)), *Cải cách công tác cảnh sát ở châu mỹ la tinh*, <http://www.csis.org/> (Báo cáo nghiên cứu).

Các Website trong nước và quốc tế đã sử dụng để nghiên cứu:

134. <http://www.luathoc.cafeluat.com>
135. <http://www.tks.edu.vn>
136. <http://www.vnexpress.vn>
137. <http://www.luatsuhanoi.vn>
138. <http://www.seattle.gov>
139. <http://www.justice.gov/usao/nj/Press/file>
140. <http://www.unafei.or.jp>
141. <https://www.ncjrs.gov>
142. <http://www.crime-prevention-intl.org>
143. <http://www.humanrightsinitiative.org>
144. <http://www.law.indiana.edu/faculty>
145. <http://www.urban.org/>
146. <http://www.csis.org/>

PHỤ LỤC 1**Bảng 1.1****TÌNH HÌNH TỘI PHẠM Ở TRÊN TOÀN QUỐC TỪ NĂM 2005 – 2013**

Năm	Tội phạm về TTXH		Tội phạm về TTQLKT&CV		Tội phạm về ma túy		Tội phạm về môi trường		Tội phạm về tham nhũng		Tổng cộng
	Số vụ	Tỷ lệ (%)	Số vụ	Tỷ lệ (%)	Số vụ	Tỷ lệ (%)	Số vụ	Tỷ lệ (%)	Số vụ	Tỷ lệ (%)	
2005	50.855	79,87	1.134	1,78	11.676	18,33	-	-	-	-	63.665
2006	53.880	81,80	1.126	1,70	10.858	16,48	-	-	-	-	65.864
2007	54.512	82,34	1.237	1,86	10.076	15,22	-	-	371	0,56	66.196
2008	56.628	82,29	1.242	1,80	10.649	15,4	-	-	288	0,41	68.807
2009	54.599	80,50	1.003	1,47	11.726	17,29	128	0,18	361	0,53	67.817
2010	48.857	78,25	917	1,46	12.147	19,45	252	0,40	261	0,41	62.434
2011	48.637	76,32	955	1,49	13.587	21,32	306	0,48	239	0,37	63.724
2012	47.178	77,02	981	1,60	12.535	20,46	291	0,47	265	0,43	61.250
2013	48.981	76,67	1.257	1,96	12.983	20,32	364	0,56	299	0,46	63.884
Tổng cộng	464.127	79,52	9.852	1,68	106.237	18,20	1.341		2.084		583.641
Trung bình	51.569		1.094		11.804		268,2		297,7		64.849

Nguồn: Báo cáo của C44-Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm từ năm 2005 đến năm 2013

Bảng 1.2**BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, XỬ LÝ TỘI PHẠM CỦA LỰC LƯỢNG CSĐT**

Năm	ÁN THỤ LÝ ĐIỀU TRA		ÁN ĐÃ KẾT THÚC ĐIỀU TRA												TẠM ĐÌNH CHỈ			
			Tổng số				Đề nghị truy tố				Đình chỉ điều tra							
	Vụ	BC	Vụ	Tỉ lệ	BC	Tỉ lệ	Vụ	Tỉ lệ	BC	Tỉ lệ	Vụ	Tỉ lệ	BC	Tỉ lệ	Vụ	Tỉ lệ	BC	Tỉ lệ
2005	84.048	129.608	53.548	63,71	96.838	74,71	52.350	97,76	83.240	85,95	1.198	2,23	1.598	1,65	5.100	6,06	3.270	2,52
2006	83.921	127.096	59.727	71,17	98.782	77,72	58.349	97,69	96.937	98,13	1.378	2,30	1.745	1,76	6.540	7,79	3.314	2,60
2007	84.128	130.569	58.982	70,10	98.624	75,53	57.507	97,50	96.740	98,08	1.475	2,50	1.884	1,91	7.046	8,37	3.559	2,72
2008	86.663	131.292	63.429	73,19	107.165	81,62	61.958	97,68	105.290	98,25	1.471	2,31	1.875	1,74	7.962	9,18	3.214	2,44
2009	83.429	127.513	60.479	72,49	104.680	82,09	58.143	96,10	101.275	96,74	2.336	3,86	3.405	3,25	8.088	9,69	3.141	2,46
2010	77.851	121.082	56.575	72,67	97.479	80,50	55.099	97,39	95.493	97,94	1.476	2,60	1.986	2,03	7.839	10,06	3.492	2,88
2011	79.141	126.510	57.621	72,80	102.441	80,97	56.216	97,56	100.535	98,13	1.405	2,43	1.906	1,86	7.412	9,36	3.743	2,95
2012	80.588	138.832	57.660	71,31	115.613	83,26	56.281	97,60	113.553	98,21	1.379	2,39	2.060	1,78	7.874	9,77	3.788	2,72
2013	81.547	128.583	58.487	71,72	105.933	82,38	56.993	97,44	104.229	98,39	1.494	2,55	1.704	1,60	8.006	9,81	3.219	2,50
Tổng cộng	741.316	1.161.085	526.508	71,02	927.555	79,88	512.896	97,41	897.292	96,73	13.612	2,58	18.163	1,95	65.867	8,88	30.740	2,64

Nguồn: Báo cáo của C44-Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm từ năm 2005 đến năm 2013

Bảng số 1.3
BẢNG THỐNG KÊ THỰC TRẠNG BỐ TRÍ CÁC ĐỘI ĐIỀU TRA
CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN CẤP HUYỆN

	SỐ HUYỆN CÓ 04 ĐỘI	SỐ HUYỆN CÓ 03 ĐỘI	SỐ HUYỆN CÓ 01 - 02 ĐỘI	Tổng cộng
SỐ LƯỢNG	114	398	184	696
Tỷ lệ %	16,33%	57,18%	26,43%	100%

Nguồn: Báo cáo của C44 - Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm năm 2013

Bảng số 1.4

**BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH HÌNH LỰC LƯỢNG ĐIỀU TRA VIÊN CÁC CẤP
THUỘC CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA BỘ CÔNG AN**

Hệ lực lượng	Số lượng	Bộ			Tỉnh			Huyện		
		Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp
CSĐT	12.580	78	215	103	1426	1505	525	5379	3059	290

(Nguồn tài liệu: Báo cáo Tổng kết thực hiện pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004 của Tổng cục Xây dựng lực lượng CAND)

Bảng 1.5**THỐNG KÊ VỀ TRÌNH ĐỘ CỦA LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT ĐIỀU TRA**

	<i>Trình độ</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cấp Bộ</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Cấp tỉnh</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Cấp huyện</i>	<i>Tỷ lệ</i>
Về trình độ giáo dục	THCS	64			21	0.23%	43	0.21%
	THPT	582	1	0.08%	88	0.94%	493	2.35%
	Sơ cấp	204	5	0.4%	38	0.41%	161	0.77%
	Trung cấp	11.532	48	3.83%	2.236	24%	9.248	44.11%
	Cao đẳng	615	22	1.76%	202	2.17%	391	1.86%
	Đại học	18.200	1.069	85.38%	6.601	70.87%	10.530	50.22%
	Thạc sĩ	320	95	7.59%	127	1.36%	98	0.47%
	Tiến sĩ	16	12	0.96%	2	0.02%	2	0.01%
Về lý luận chính trị	Chưa qua đào tạo	3.304	17	1.36%	933	10.02%	2.354	11.23%
	Sơ cấp	11.590	126	10.06%	2.565	27.54%	8.899	42.44%
	Trung cấp	14.723	1.013	80.91%	5.071	54.43%	8.639	41.20%
	Cao cấp	1.916	96	7.67%	746	8.01%	1.074	5.13%
Về trình độ nghiệp vụ Công an	Chưa học	2.181	196	15.65%	770	8.27%	1.215	5.8%
	BDNV 6 tháng	1.745	28	2.24%	783	8.41%	934	4.45%
	Sơ cấp	685	16	1.28%	185	1.97%	484	2.31%
	Trung cấp	13.136	91	7.27%	2.904	31.18%	10.141	48.37%
	Cao đẳng	434	31	2.47%	157	1.69%	246	1.17%
	Đại học	13.140	841	67.18%	4.428	47.54%	7.871	37.54%
	Thạc sĩ, Tiến sĩ	212	49	3.81%	88	0.92%	75	0.36%
Về nghiệp vụ điều tra	Cao cấp	918	103	11,22	525	57,19	290	3,32
	Trung cấp	4.779	215	4,50	1.505	31,49	3.059	35,04
	Sơ cấp	6.883	78	1,13	1.426	20,72	5.379	61,62
	Tổng cộng	12.580	396	3,15	3.456	27,47	8.728	69,38

Nguồn: Báo cáo của C44-Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm năm 2012

Bảng số 1.6

**BẢNG THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH THỦ TRƯỞNG, PHÓ THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÔNG AN CẤP HUYỆN**

STT	Địa phương	Thủ trưởng	Phó Thủ trưởng	Phân tích Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng									
				Bậc ĐTV						Trước khi bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng			
				Sơ cấp		Trung cấp		Cao cấp		Đã làm công tác điều tra, đã được bổ nhiệm ĐTV		Làm công tác khác	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Hà Nội	28	37	0	0.00	14	0.98	51	3.58	63	4.42	2	0.14
2	Hải Phòng	15	25	1	0.07	18	1.26	21	1.47	34	2.39	6	0.42
3	Hải Dương	11	12	0	0.00	16	1.12	7	0.49	17	1.19	6	0.42
4	Hưng Yên	10	10	0	0.00	4	0.28	16	1.12	18	1.26	2	0.14
5	Hà Nam	6	6	0	0.00	3	0.21	9	0.63	10	0.70	2	0.14
6	Nam Định	10	12	0	0.00	1	0.07	21	1.47	21	1.47	1	0.07
7	Thái Bình	8	8	0	0.00	11	0.77	5	0.35	14	0.98	2	0.14
8	Ninh Bình	8	8	0	0.00	16	1.12		0.00	14	0.98	2	0.14
9	Hà Giang	11	10	0	0.00	18	1.26	3	0.21	18	1.26	3	0.21

STT	Địa phương	Thủ trưởng	Phó Thủ trưởng	Phân tích Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng									
				Bậc ĐTV						Trước khi bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng			
				Sơ cấp		Trung cấp		Cao cấp		Đã làm công tác điều tra, đã được bổ nhiệm ĐTV		Làm công tác khác	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
10	Cao Bằng	13	13	0	0.00	17	1.19	9	0.63	21	1.47	5	0.35
11	Lào Cai	9	8	0	0.00	15	1.05	2	0.14	14	0.98	3	0.21
12	Bắc Kạn	8	8	0	0.00	14	0.98	2	0.14	14	0.98	2	0.14
13	Lạng Sơn	11	11	0	0.00	20	1.40	2	0.14	12	0.84	10	0.70
14	Tuyên Quang	7	7	1	0.07	9	0.63	4	0.28	12	0.84	2	0.14
15	Yên Bái	8	8	1	0.07	10	0.70	5	0.35	14	0.98	2	0.14
16	Thái Nguyên	8	9	0	0.00	13	0.91	4	0.28	14	0.98	3	0.21
17	Phú Thọ	13	12	0	0.00	14	0.98	11	0.77	21	1.47	4	0.28
18	Vĩnh Phúc	9	9	0	0.00	17	1.19	1	0.07	14	0.98	4	0.28
19	Bắc Giang	10	10	0	0.00	3	0.21	17	1.19	18	1.26	2	0.14
20	Bắc Ninh	8	8	3	0.21	11	0.77	2	0.14	13	0.91	3	0.21
21	Quảng Ninh	14	17	0	0.00	19	1.33	12	0.84	27	1.89	4	0.28
22	Lai Châu	7	7	0	0.00	14	0.98		0.00	12	0.84	2	0.14

STT	Địa phương	Thủ trưởng	Phó Thủ trưởng	Phân tích Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng									
				Bậc ĐTV						Trước khi bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng			
				Sơ cấp		Trung cấp		Cao cấp		Đã làm công tác điều tra, đã được bổ nhiệm ĐTV		Làm công tác khác	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
23	Điện Biên	7	8	0	0.00	12	0.84	3	0.21	12	0.84	3	0.21
24	Sơn La	11	11	0	0.00	17	1.19	5	0.35	19	1.33	3	0.21
25	Hòa Bình	11	11	0	0.00	21	1.47	1	0.07	19	1.33	3	0.21
26	Thanh Hóa	27	29	0	0.00	55	3.86	1	0.07	53	3.72	3	0.21
27	Nghệ An	20	32	0	0.00	50	3.51	2	0.14	46	3.23	6	0.42
28	Hà Tĩnh	12	12	0	0.00	9	0.63	15	1.05	22	1.54	2	0.14
29	Quảng Bình	7	8	1	0.07	14	0.98		0.00	14	0.98	1	0.07
30	Quảng Trị	10	9	0	0.00	18	1.26	1	0.07	17	1.19	2	0.14
31	TT - Huế	9	11	1	0.07	7	0.49	12	0.84	20	1.40	0	0
32	Đà Nẵng	7	7	0	0.00	11	0.77	3	0.21	12	0.84	2	0.14
33	Quảng Nam	17	18	0	0.00	32	2.25	3	0.21	34	2.39	1	0.07
34	Quảng Ngãi	14	14	0	0.00	28	1.96		0.00	24	1.68	4	0.28
35	Bình Định	10	11	0	0.00	9	0.63	12	0.84	21	1.47	0	0

STT	Địa phương	Thủ trưởng	Phó Thủ trưởng	Phân tích Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng									
				Bậc ĐTV						Trước khi bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng			
				Sơ cấp		Trung cấp		Cao cấp		Đã làm công tác điều tra, đã được bổ nhiệm ĐTV		Làm công tác khác	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
36	Phú Yên	9	9	0	0.00	12	0.84	6	0.42	15	1.05	3	0.21
37	Khánh Hòa	8	8	0	0.00	7	0.49	9	0.63	15	1.05	1	0.07
38	Kon Tum	9	9	0	0.00	15	1.05	3	0.21	12	0.84	6	0.42
39	Gia Lai	17	18	0	0.00	33	2.32	2	0.14	28	1.96	7	0.49
40	Đắk Lắk	15	15	0	0.00	21	1.47	9	0.63	20	1.40	10	0.70
41	Đắk Nông	8	8	1	0.07	9	0.63	6	0.42	13	0.91	3	0.21
42	Hồ Chí Minh	23	39	0	0.00	61	4.28	1	0.07	59	4.14	3	0.21
43	Lâm Đồng	12	11	0	0.00	9	0.63	14	0.98	21	1.47	2	0.14
44	Ninh Thuận	7	6	0	0.00	12	0.84	1	0.07	11	0.77	2	0.14
45	Bình Thuận	10	10	0	0.00	11	0.77	9	0.63	20	1.40	0	0.00
46	Tây Ninh	9	9	0	0.00	18	1.26		0.00	11	0.77	7	0.49
47	Bình Dương	7	6	0	0.00	9	0.63	4	0.28	12	0.84	1	0.07
48	Đồng Nai	11	11	0	0.00	10	0.70	12	0.84	17	1.19	5	0.35

STT	Địa phương	Thủ trưởng	Phó Thủ trưởng	Phân tích Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng									
				Bậc ĐTV						Trước khi bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng			
				Sơ cấp		Trung cấp		Cao cấp		Đã làm công tác điều tra, đã được bổ nhiệm ĐTV		Làm công tác khác	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
49	Bình Phước	10	10	1	0.07	19	1.33		0.00	18	1.26	2	0.14
50	BR-VT	7	8	2	0.14	7	0.49	6	0.42	15	1.05	0	0.00
51	Long An	14	14	0	0.00	9	0.63	19	1.33	26	1.82	2	0.14
52	Đồng Tháp	12	13	0	0.00	20	1.40	5	0.35	21	1.47	4	0.28
53	An Giang	11	11	1	0.07	18	1.26	3	0.21	20	1.40	2	0.14
54	Tiền Giang	10	9	0	0.00	15	1.05	4	0.28	18	1.26	1	0.07
55	Vĩnh Long	8	8	0	0.00	5	0.35	11	0.77	14	0.98	2	0.14
56	Bến Tre	8	9	9	0.63	7	0.49	1	0.07	14	0.98	3	0.21
57	Kiên Giang	15	15	0	0.00	15	1.05	15	1.05	27	1.89	3	0.21
58	Cần Thơ	9	9	0	0.00	9	0.63	9	0.63	18	1.26	0	0.00
59	Hậu Giang	7	7	0	0.00	8	0.56	6	0.42	12	0.84	2	0.14
60	Trà Vinh	7	8	0	0.00	13	0.91	2	0.14	12	0.84	3	0.21
61	Sóc Trăng	11	10	1	0.07	18	1.26	2	0.14	17	1.19	4	0.28

STT	Địa phương	Thủ trưởng	Phó Thủ trưởng	Phân tích Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng									
				Bậc ĐTV						Trước khi bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng			
				Sơ cấp		Trung cấp		Cao cấp		Đã làm công tác điều tra, đã được bổ nhiệm ĐTV		Làm công tác khác	
				Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
62	Bạc Liêu	7	7	0	0.00	14	0.98	0	0.00	13	0.91	1	0.07
63	Cà Mau	9	8	0	0.00	12	0.84	5	0.35	15	1.05	2	0.14
Tổng		684	741	23	1.61	976	68.49	426	29.89	1.242	87.16	183	12.84

Nguồn: Báo cáo của Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm năm 2013

Bảng số 1.7**BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN TỔ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM
CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÁC CẤP**

Năm	Tổng	Công dân		Viện kiểm sát		Các cơ quan, tổ chức khác		Phương tiện thông tin đại chúng		Nguồn khác	
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
2005	68.757	37.388	54,38	110	0,16	6.563	9,55	592	0,86	24.104	35,06
2006	69.477	39.821	57,32	138	0,20	6.456	9,29	634	0,91	22.428	32,28
2007	67.305	41.900	62,25	113	0,17	5.727	8,51	673	1,00	18.892	28,07
2008	69.310	39.954	57,65	107	0,15	6.812	9,83	557	0,80	21.880	31,57
2009	70.860	40.795	57,57	126	0,18	5.562	7,85	661	0,93	23.716	33,47
2010	70.547	41.922	59,42	94	0,13	6.451	9,14	584	0,83	21.496	30,47
2011	70.779	39.766	56,18	117	0,17	7.456	10,53	603	0,85	22.837	32,27
2012	69.853	41.504	59,42	94	0,13	7.654	10,96	541	0,77	20.060	28,72
2013	70.987	41.625	58,63	105	0,14	8.103	11,41	552	0,77	21.102	29,72
Tổng	628.375	364.675	58,03	1.004	0,15	60.784	9,67	5.397	0,85	196.515	31,27

Nguồn tài liệu: Báo cáo của C44-Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm từ năm 2005 đến năm 2013

Bảng số 1.8
BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ XỬ LÝ TỐ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM
CỦA CƠ QUAN CẢNH SÁT ĐIỀU TRA CÁC CẤP

Kết quả xử lý tin	Khởi tố		Không khởi tố	Xử lý hành chính		Chuyển cơ quan khác	
	Vụ	Bị can		Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng
Số lượng	357.568	510.376	159.844	27.739	48.917	83.224	106.715
Tỷ lệ (%)	56,91		25,43	4,42		13,24	

Nguồn tài liệu: Báo cáo của C44-Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm từ năm 2005 đến năm 2013

Bảng 1.9**KẾT QUẢ PHỐI HỢP GIỮA CQCSĐT VÀ VKSND TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ**

Năm	Trực tiếp khởi tố và yêu cầu điều tra		Yêu cầu khởi tố	
	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị can
2006	31	59	281	590
2007	21	40	292	453
2008	23	25	206	288
2009	28	30	190	209
2010	25	25	210	186
2011	36	36	314	312
2012	29	32	276	293
Tổng cộng	193	247	1.769	2.331

Nguồn: Báo cáo của C44-Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm từ năm 2006 đến năm 2012

Bảng 1.10
BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ PHỐI HỢP GIỮA CQCSĐT VÀ VKSND
TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN VỀ BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM

Năm	Phê chuẩn lệnh tạm giữ	Phê chuẩn lệnh tạm giam	Yêu cầu bắt bị can để tạm giam
2006	52.910	68.792	120
2007	53.331	107.999	131
2008	62.888	110.939	111
2009	59.496	135.012	64
2010	59.275	56.403	114
2011	70.133	69.282	48
2012	71.107	63.922	51
Tổng cộng	429.131	612.419	639

Nguồn: Báo cáo của C44-Tổng cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm từ năm 2006 đến năm 2012

PHỤ LỤC 2
ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ 2003	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	GHI CHÚ
<p>Điều 33. Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng</p> <p>1. Các cơ quan tiến hành tố tụng gồm có:</p> <p>a) Cơ quan điều tra;</p> <p>b) Viện kiểm sát;</p> <p>c) Tòa án.</p> <p>2. Những người tiến hành tố tụng gồm có:</p> <p>a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên;</p> <p>b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên;</p> <p>c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án.</p>	<p>Điều 33. Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng</p> <p>1. Các cơ quan tiến hành tố tụng gồm có:</p> <p>a) Cơ quan điều tra;</p> <p>b) Viện kiểm sát;</p> <p>c) Tòa án.</p> <p>2. Những người tiến hành tố tụng gồm có:</p> <p>a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, <i>Trợ lý điều tra</i>;</p> <p>b) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên;</p> <p>c) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án.</p>	
<p>Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra</p> <p>1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo các hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra;</p> <p>b) Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên trong việc điều tra vụ án hình sự;</p> <p>c) Kiểm tra các hoạt động điều tra của Phó Thủ trưởng</p>	<p>Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra</p> <p>1. Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</p> <p>a)Trực tiếp tổ chức và chỉ đạo <i>hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự</i> của Cơ quan điều tra.</p> <p>b) Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra trong việc <i>tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm,</i></p>	

<p>Cơ quan điều tra và Điều tra viên;</p> <p>d) Quyết định thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên;</p> <p>đ) Quyết định thay đổi Điều tra viên;</p> <p>e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.</p> <p>Khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra vắng mặt, một Phó Thủ trưởng được Thủ trưởng uỷ nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng. Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Khi thực hiện việc điều tra vụ án hình sự, Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định không khởi tố vụ án; quyết định nhập hoặc tách vụ án;</p> <p>b) Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn;</p> <p>c) Quyết định truy nã bị can, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, xử lý vật chứng;</p> <p>d) Quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi;</p> <p>đ) Kết luận điều tra vụ án;</p> <p>e) Quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra;</p> <p>g) Trực tiếp tiến hành các biện pháp điều tra; cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; ra các quyết định</p>	<p><i>kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự; kiểm tra các hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự; Quyết định thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra</i></p> <p>c) Quyết định phân công ĐTV, <i>Trợ lý điều tra</i> trong việc <i>tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự; kiểm tra các hoạt động tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự của Điều tra viên, Trợ lý điều tra...</i></p> <p>d) Quyết định thay đổi Điều tra viên, <i>Trợ lý điều tra.</i></p> <p>đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.</p> <p>Khi Thủ trưởng Cơ quan điều tra vắng mặt, một Phó Thủ trưởng được Thủ trưởng uỷ nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ trưởng. Phó Thủ trưởng chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Khi thực hiện việc <i>tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự</i>, Thủ trưởng CQĐT có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>a) Quyết định khởi tố vụ án, <i>quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can, quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can, quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can.</i></p> <p>b) Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn;</p> <p>c) Quyết định truy nã bị can, <i>đình nã bị can</i>, khám xét, thu giữ,</p>	
--	--	--

<p>và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.</p> <p>3. Khi được phân công điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi và quyết định của mình.</p>	<p>tạm giữ, kê biên tài sản, <i>phong tỏa tài khoản</i>, xử lý vật chứng.</p> <p>d) <i>Yêu cầu định giá tài sản; yêu cầu, đề nghị cử người bào chữa; yêu cầu người phiên dịch, người dịch thuật; quyết định thay đổi người giám định, người phiên dịch, người dịch thuật.</i></p> <p>đ) Kết luận điều tra vụ án;</p> <p>e) Quyết định tạm đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định phục hồi điều tra;</p> <p>g) Trực tiếp tiến hành các biện pháp <i>kiểm tra, xác minh nguồn tin</i>, điều tra; ra các quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra.</p> <p>3. Khi được phân công việc <i>tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố</i> và điều tra vụ án hình sự, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra có những nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi và quyết định của mình.</p>	
<p>Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên</p> <p>1. Điều tra viên được phân công điều tra vụ án hình sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Lập hồ sơ vụ án hình sự;</p> <p>b) Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;</p> <p>c) Quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng;</p>	<p>Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên</p> <p>1. Điều tra viên được phân công <i>giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố</i> và điều tra vụ án hình sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:</p> <p>a) Lập hồ sơ <i>giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố; triệu tập lấy lời khai những người có liên quan nhằm kiểm tra, xác minh nguồn tin.</i></p> <p>b) Lập hồ sơ vụ án hình sự.</p> <p>c) Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân</p>	

<p>d) Thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản;</p> <p>đ) Tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra;</p> <p>e) Tiến hành các hoạt động điều tra khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan điều tra.</p> <p>2. Điều tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng Cơ quan điều tra về những hành vi và quyết định của mình.</p>	<p>sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;</p> <p>d) Quyết định áp giải bị can, quyết định dẫn giải người làm chứng, người bị hại.</p> <p>đ) <i>Quyết định trưng cầu giám định, quyết định khai quật tử thi;</i></p> <p>e) Thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ, kê biên tài sản, <i>phong tỏa tài sản, xử lý vật chứng;</i></p> <p>g) <i>Chủ trì</i> khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra;</p> <p>h) <i>Tiến hành đối chất, nhận dạng.</i></p> <p>i) <i>Cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa.</i></p> <p>k) Tiến hành các hoạt động điều tra khác thuộc thẩm quyền của CQĐT theo sự phân công của Thủ trưởng, <i>Phó Thủ trưởng CQĐT.</i></p> <p><i>2. Trợ lý điều tra có nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra vụ án hình sự theo sự phân công của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên.</i></p> <p>3. Điều tra viên, <i>Trợ lý điều tra</i> phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Thủ trưởng Cơ quan điều tra về những hành vi và quyết định của mình.</p>	
<p>PHÁP LỆNH TỔ CHỨC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ/LUẬT TỔ CHỨC ĐIỀU TRA HÌNH SỰ</p>	<p>ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</p>	
<p>Điều 9. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân</p> <p>1. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm có Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và</p>	<p>Điều 9. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân</p> <p>1. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an gồm có <i>Cục quản lý, kiểm tra, hướng dẫn điều tra;</i> Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; <i>Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng;</i> Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma</p>	

<p>chức vụ, Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra.</p> <p>2. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh gồm có Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra.</p> <p>3. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện gồm có Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và bộ máy giúp việc Cơ quan Cảnh sát điều tra.</p> <p>4. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều này và tình hình thực tế của mỗi huyện, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định cụ thể số đội của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đó.”</p>	<p>túy.</p> <p>2. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh gồm có <i>Phòng quản lý, kiểm tra, hướng dẫn điều tra</i>; Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; <i>Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng</i>, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy.</p> <p>3. Tổ chức của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện gồm có <i>Đội điều tra tổng hợp</i>, <i>Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội</i>, <i>Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng</i>, <i>Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy</i>.</p> <p>4. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều này và tình hình thực tế của mỗi huyện, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định cụ thể số đội của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đó.</p>	
<p>Điều 30. Tiêu chuẩn Điều tra viên</p> <p>1. Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ đại học an ninh, đại học cảnh sát hoặc đại học luật, có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, có thời gian làm công tác thực tiễn theo quy định của Pháp lệnh này, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên.</p> <p>Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có</p>	<p>Điều 30. Tiêu chuẩn Điều tra viên</p> <p>1. Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ đại học an ninh, đại học cảnh sát hoặc đại học luật, có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, có thời gian làm công tác thực tiễn theo quy định của Pháp lệnh này, có sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên.</p> <p>Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có trình độ đại học các ngành khác có đủ các tiêu chuẩn nói trên và có</p>	

trình độ đại học các ngành khác có đủ các tiêu chuẩn nói trên và có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra thì cũng có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên.

2. Điều tra viên có ba bậc là Điều tra viên sơ cấp, Điều tra viên trung cấp và Điều tra viên cao cấp:

a) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, có thời gian làm công tác pháp luật từ bốn năm trở lên, là sỹ quan Công an, sỹ quan Quân đội tại ngũ, cán bộ Viện kiểm sát nhân dân, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên sơ cấp;

b) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và đã là Điều tra viên sơ cấp ít nhất là năm năm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của Điều tra viên sơ cấp thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên trung cấp.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, có thời gian làm công tác pháp luật từ chín năm trở lên, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của Điều tra viên sơ cấp thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên trung cấp;

c) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và đã là Điều tra viên trung cấp ít nhất là năm năm, có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp

chứng chỉ nghiệp vụ điều tra thì cũng có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên.

2. Điều tra viên có ba bậc là Điều tra viên sơ cấp, Điều tra viên trung cấp và Điều tra viên cao cấp:

a) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, có thời gian làm công tác pháp luật từ ba năm trở lên, là sỹ quan CA, sỹ quan Quân đội tại ngũ, cán bộ VKSND, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV sơ cấp;

b) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và đã là ĐTV sơ cấp ít nhất là bốn năm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV trung cấp.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, có thời gian làm công tác pháp luật từ bảy năm trở lên, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng và có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV trung cấp;

c) Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và đã là ĐTV trung cấp ít nhất là bốn năm, có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp, ĐTV trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV cao cấp.

Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu

<p>phòng, chống tội phạm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của Điều tra viên sơ cấp, Điều tra viên trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên cao cấp.</p> <p>Trong trường hợp do nhu cầu cán bộ, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và đã có thời gian làm công tác pháp luật từ mười bốn năm trở lên, có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của Điều tra viên sơ cấp, Điều tra viên trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên cao cấp.</p> <p>3. Trong trường hợp đặc biệt, người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại Cơ quan điều tra, tuy chưa có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, chưa đủ thời gian quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác được quy định tại khoản 1, điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này thì cũng có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên trung cấp hoặc Điều tra viên cao cấp.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Điều tra viên là năm năm kể từ ngày được bổ nhiệm.</p>	<p>chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và đã có thời gian làm công tác pháp luật từ mười một năm trở lên, có khả năng nghiên cứu, tổng hợp đề xuất biện pháp phòng, chống tội phạm, có khả năng điều tra các vụ án thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp, có khả năng hướng dẫn các hoạt động điều tra của ĐTV sơ cấp, ĐTV trung cấp thì có thể được bổ nhiệm làm ĐTV cao cấp.</p> <p>3. Trong trường hợp đặc biệt, người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến công tác tại Cơ quan điều tra, tuy chưa có chứng chỉ nghiệp vụ điều tra, chưa đủ thời gian quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này, nhưng có đủ các tiêu chuẩn khác được quy định tại khoản 1, điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này thì cũng có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên trung cấp hoặc Điều tra viên cao cấp.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Điều tra viên là năm năm kể từ ngày được bổ nhiệm.</p>	
<p>Điều 31. Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên</p> <p>1. Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên cao cấp, Điều tra viên trung cấp và Điều tra viên sơ cấp trong Công an nhân dân:</p>	<p>Điều 31. Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên</p> <p>1. Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên cao cấp, Điều tra viên trung cấp và Điều tra viên sơ cấp trong Công an nhân dân:</p> <p>a) Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên cao cấp trong Công an</p>	

<p>a) Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên cao cấp trong Công an nhân dân và Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp ở các Cơ quan điều tra Bộ Công an gồm có Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Cục tổ chức - cán bộ và Vụ pháp chế Bộ Công an là uỷ viên;</p> <p>b) Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp ở các Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện gồm có Giám đốc Công an cấp tỉnh làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Phòng tổ chức - cán bộ và Văn phòng Công an cấp tỉnh là uỷ viên;</p>	<p>nhân dân và Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp ở các Cơ quan điều tra Bộ Công an gồm có Tổng cục trưởng Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Cục tổ chức - cán bộ, Vụ pháp chế Bộ Công an và <i>đại diện lãnh đạo đơn vị cấp Cục nơi Điều tra viên công tác là uỷ viên;</i></p> <p>b) Hội đồng tuyển chọn Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên sơ cấp ở các Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện gồm có: Giám đốc Công an cấp tỉnh làm Chủ tịch, đại diện lãnh đạo Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan An ninh điều tra, Phòng tổ chức - cán bộ, Văn phòng Công an tỉnh và <i>đại diện đơn vị cấp Phòng hoặc cấp Đội nơi Điều tra viên công tác là uỷ viên.</i></p>	
---	---	--